

NGUYỄN MINH THUYẾT (Chủ biên)  
DƯƠNG KỲ ĐỨC – NGUYỄN KHÁNH HÀ  
TRẦN HIỂN LƯƠNG – ĐOÀN THIÊN THUẬT – NGUYỄN VIỆT TIẾN

# Tiếng Việt Vui

QUYỂN

2

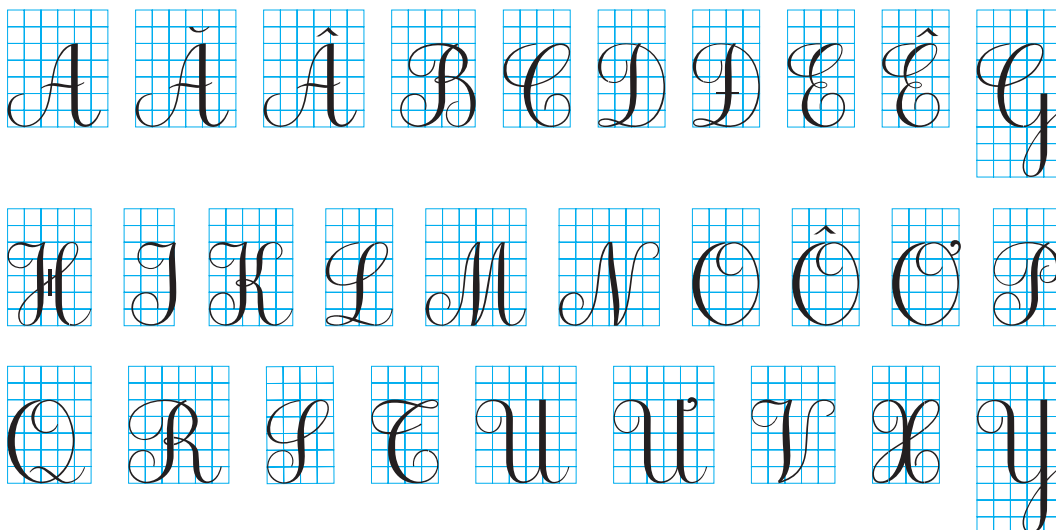
(SÁCH THỬ NGHIỆM)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

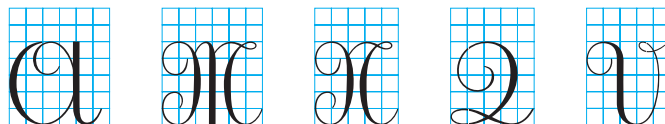
# BẢNG CHỮ CÁI TIẾNG VIỆT

## CHỮ VIẾT HOA

Mẫu chữ kiểu 1



Một số mẫu chữ kiểu 2



KÍ HIỆU DÙNG TRONG SÁCH

M : Mẫu và ví dụ



## LỜI NÓI ĐẦU

Cuốn sách này là cuốn thứ hai trong bộ sách **Tiếng Việt Vui**, dành cho những người đã có một vốn từ tối thiểu và bước đầu thực hiện được một số giao tiếp thông thường. Đối tượng phục vụ của sách chủ yếu là thanh, thiếu niên Việt Nam sinh sống ở nước ngoài. Sách cũng có thể được dùng cho người nước ngoài có nguyện vọng học tiếng Việt.

Kèm theo cuốn sách học này còn có sách bài tập, sách hướng dẫn giáo viên, một đĩa CD và một bộ ảnh về phong cảnh và sinh hoạt văn hoá ở Việt Nam. Ở những nơi chưa có lớp học, các bậc cha mẹ có thể sử dụng sách học cùng những tài liệu đi kèm để dạy con em mình. Sách cũng có thể được sử dụng như tài liệu tự học.

Về cấu trúc, "**Tiếng Việt Vui**, quyển 2" gồm 15 bài, trong đó có 12 bài học và 3 bài ôn tập. Mỗi bài học gồm 4 phần : hội thoại, luyện nghe, luyện đọc, luyện viết. Cuối mỗi bài đều có một bảng liệt kê những từ ngữ mới học ; cuối sách có bảng từ ngữ chung. Ở cuối sách còn có văn bản luyện nghe để giáo viên và người học tiện đối chiếu sau mỗi giờ luyện nghe.

Cũng như "**Tiếng Việt Vui**, quyển 1", các bài học trong cuốn sách này được biên soạn theo mô-đun (modules). Do đó, giáo viên và người học có thể chọn nội dung học tùy theo trình độ tiếng Việt, yêu cầu và điều kiện học tập của người học.

Dự kiến thời lượng học mỗi bài khoảng 8 giờ. Tuy nhiên, số giờ học thực tế là do giáo viên và người học quyết định, tùy theo điều kiện thực tế và khả năng tiếp thu của người học.

Về nội dung, những người biên soạn cùng các họa sĩ minh họa và thiết kế sách đã hết sức cố gắng để có một bộ sách sinh động, tạo hiệu quả giao tiếp cao mà nhẹ nhàng, lí thú, đúng như tên gọi của nó là **Tiếng Việt Vui**. Tuy vậy, bộ sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những lời góp ý chân thành của người dùng sách để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

Thay mặt các tác giả  
Chủ biên  
NGUYỄN MINH THUYẾT  
*Giáo sư Đại học Quốc gia Hà Nội,  
Nguyên Giáo sư thỉnh giảng các trường đại học  
Paris 7 (Pháp), Laval (Canada)*





# Làm quen

## I - HỘI THOẠI



### CÁC CHÁU MỚI VỀ À?

- Lan : – Nhà ai đây hả anh ?  
 Lân : – Nhà chị Phương, bạn anh.  
 Lan : – Anh mới quen chị ấy à ?  
 Lân : – Ừ. Qua internet. Anh và chị ấy thường gửi email cho nhau.  
 Lan : – Thỉnh thoảng chat với nhau nữa chứ ?  
 Lân : – Không. Em đừng đoán mò. A, Phương đây rồi. Chào Phương. Mình là Lân đây.  
 Phương : – A, Lân ! Rất vui được gặp bạn.  
 Lân : – Đây là Lan, em gái mình. Đây là chị Phương.  
 Lan : – Em chào chị.  
 Phương : – Chào Lan. Hai anh em vào nhà đi. Bố mẹ ơi, đây là Lân và Lan.  
 Bố mẹ Phương : – Chào hai cháu. Các cháu mới về à ?  
 Lân và Lan : – Dạ. Chúng cháu về tuần trước.  
 Bố Phương : – Các cháu có hay về Việt Nam không ?  
 Lân : – Cháu về vài lần rồi, nhưng đây là lần đầu tiên em cháu về thăm quê ạ.





### 1. Trả lời câu hỏi :

- Lân và Lan về thăm quê bao giờ ?
- Hai anh em đến nhà ai ?
- Lân và Phương quen nhau như thế nào ?
- Lân và Lan có hay về Việt Nam không ?

### 2. Phát âm :

- mới quen                      – thỉnh thoảng
- đoán mò                    – thăm quê

### 3. Chuyển đổi câu theo mẫu.

**M :** Lân chào Phương, Phương chào Lân.

Ø Lân và Phương chào nhau. / Hai bạn chào nhau.



a) Em giúp bạn, bạn giúp em.

.....



b) Lớp em đá bóng với lớp bạn, lớp bạn đá bóng với lớp em.

.....



c) Dê đen húc dê trắng, dê trắng húc dê đen.

.....



d) Mèo không thích chó, chó không thích mèo.

.....

4. Đặt câu với từ **nhau** để nói về nội dung các tranh dưới đây :

a)



vật

**M :** Hai người vật nhau.

b)



bắt tay

.....

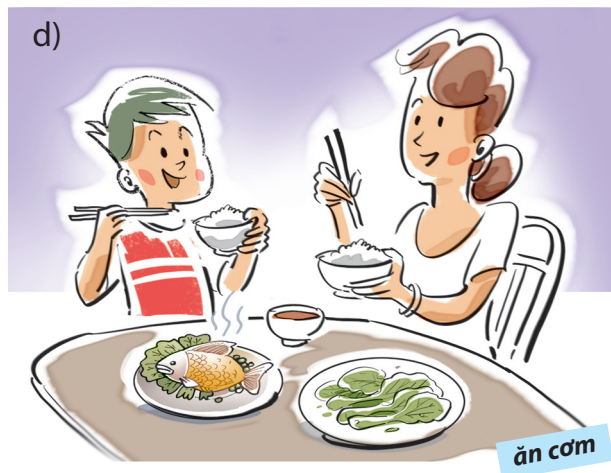
c)



gọi điện

.....

d)



ăn cơm

.....

5. Chuyển đổi câu theo mẫu.

**M :** Hưng lười học. Ø Đừng lười học.

a) Tuấn hay thức khuya.

.....

b) Các bạn ấy đá bóng trên đường giao thông.

.....

c) Các bạn ấy cãi nhau.

.....

d) Họ nghĩ xấu về nhau.

.....

## 6. Đặt câu hỏi với **à**.

**M** : Lan thấy Lân sắp đi. Lan nghĩ rằng Lân đi đến nhà Phương. Lan hỏi :  
“Anh đến nhà chị Phương à ?”

a) Ở cửa hàng đĩa CD, Lan mua hai đĩa nhạc hiphop. Phương nghĩ rằng Lan thích nhạc hiphop. Phương hỏi Lan :

“ .....?”

b) Lan thấy anh Lân hay gọi điện thoại cho chị Phương và hay đến nhà chị Phương chơi. Lan nghĩ rằng anh mình thích Phương. Lan hỏi Lân :

“ .....?”

c) Lân thường nói chuyện về Trường Đại học Harvard (Ha-vớt). Bố mẹ Phương nghĩ rằng Lân là sinh viên trường ấy. Bố mẹ Phương hỏi Lân :

“ .....?”

d) Mẹ thấy con mệt. Mẹ nghĩ rằng con bị ốm. Mẹ hỏi con :

“ .....?”

## 7. Đặt câu hỏi với **chứ (chớ)**.

**M** : Sáng chủ nhật, anh Lân thường đến nhà chị Phương chơi. Hôm nay là chủ nhật. Lan hỏi Lân : “Anh đến nhà chị Phương chứ/chớ ?”

a) Phương muốn mua tặng Lan một đĩa nhạc hiphop. Phương hỏi Lan :

“ .....?”

b) Lan và Lân nói chuyện về các bạn mới quen. Lan muốn biết các bạn ấy có dễ thương không. Lan hỏi Lân :

“ .....?”

c) Lan biết rằng em của Cường học lớp 6. Lan muốn biết em của Cường học có giỏi không. Lan hỏi Cường :

“ .....?”

d) Lan và Cường đến nhà Hương. Ba người nói chuyện đã lâu. Lan muốn về nhưng không biết Cường đã muốn về chưa. Lan hỏi Cường :

“ .....?”

## 8. Điền **à** hoặc **chứ** vào chỗ trống :

Quân : – Tối nay anh em mình đi xem phim (1) ..... ?

Hà : – Không. Ngày mai em phải thi tiếng Pháp.

Quân : – Em ở nhà học bài (2) ..... ?

Hà : – Vâng.

Quân : – Anh phải đi xem một mình (3) ..... ?

Hà : – Không. Anh ở nhà giúp em (4) ..... ?

1. Các bạn quen nhau **à** ?

2. Các bạn quen nhau **chứ** ?



Chương trình truyền hình  
“BỐ CÓ HIỂU CON KHÔNG ?”





**1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

a) Trong đoạn hội thoại có mấy người nói ?

☐ Một người.

☐ Hai người.

☐ Ba người.

b) Người dẫn chương trình hỏi ai ?

☐ Chỉ hỏi người bố.

☐ Chỉ hỏi con trai.

☐ Hỏi người bố và con trai.

**2. Nghe lại và trả lời các câu hỏi sau :**

a) Con trai thích xem phim gì ?

Bố trả lời :

.....

Con trai trả lời :

.....

b) Con trai thích làm gì vào ngày nghỉ ?

Bố trả lời :

.....

Con trai trả lời :

.....

c) Con trai thích đọc truyện gì ?

Bố trả lời :

.....

Con trai trả lời :

.....

d) Con trai có thích đá bóng không ?

Bố trả lời :

.....

Con trai trả lời :

.....

e) Theo em, bố có hiểu con không ?

**3. Hỏi – đáp với bạn : Bạn thích làm gì, đọc gì, nghe gì, xem gì ?**

### III - LUYỆN ĐỌC



Trên tàu hoả, một nhà khoa học làm quen với một bác nông dân. Nhà khoa học bảo :

– Tôi và bác đi nhau. Bác trả lời đúng một câu hỏi, tôi trả bác 1 đồng. Bác không trả lời được, bác trả tôi 1 đồng.

Bác nông dân đồng ý. Nhà khoa học hỏi :

– Vì sao bánh xe ô tô có hình tròn ?

Bác nông dân lẳng lặng trả 1 đồng cho nhà khoa học.

Nhà khoa học hỏi tiếp :

– Vì sao máy bay có thể bay trên trời ?

Bác nông dân phải trả 1 đồng nữa. Sau đó, bác ấy nói :

– Bây giờ tôi hỏi bác. Bác trả lời đúng, tôi cũng trả 1 đồng. Nhưng bác là nhà khoa học. Vì vậy, bác không trả lời được, tôi lấy 10 đồng.

Nhà khoa học đồng ý. Bác nông dân hỏi :

– Con gì buổi sáng lên núi bằng 3 chân, buổi chiều xuống núi bằng 4 chân ?

Nhà khoa học nghĩ rất lâu nhưng không trả lời được. Ông trả bác nông dân 10 đồng, rồi hỏi :

– Đó là con gì ?

Bác nông dân trả cho nhà khoa học 1 đồng và nói :

– Tôi cũng không biết !



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

- a) Nhà khoa học và bác nông dân lần đầu gặp nhau.
- b) Nhà khoa học hỏi bác nông dân 3 câu hỏi.
- c) Bác nông dân trả lời được 2 câu hỏi của nhà khoa học.
- d) Tổng cộng bác nông dân trả nhà khoa học 3 đồng.
- e) Bác nông dân hỏi nhà khoa học 1 câu hỏi.
- g) Nhà khoa học trả bác nông dân 10 đồng.

| ĐÚNG                     | SAI                      |
|--------------------------|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Trả lời câu hỏi :

- a) Nhà khoa học và bác nông dân làm quen với nhau ở đâu ?
- b) Họ chơi trò gì ?
- c) Nếu bác nông dân không trả lời được 1 câu hỏi, bác ấy phải trả bao nhiêu tiền ?
- d) Nếu nhà khoa học không trả lời được 1 câu hỏi, nhà khoa học phải trả bao nhiêu tiền ?
- e) Kết thúc trò chơi, bác nông dân đã trả nhà khoa học bao nhiêu tiền ? Nhà khoa học đã trả bác nông dân bao nhiêu tiền ?
- g) Theo em, ai giỏi hơn ai ?

3. Phát âm :

- nông dân                      – lên núi                      – lẳng lẳng
- đổ nhau                      – hình tròn                      – trên trời

4. Kể lại câu chuyện trên.

## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nghe – viết : Các cháu mới về à ? (từ đầu đến... Mình là Lân đây.)

2. Viết từ 5 đến 7 câu nói về một ngày nghỉ của em.

### TỪ NGỮ MỚI

- |             |              |             |                |               |
|-------------|--------------|-------------|----------------|---------------|
| – à         | – đĩa (nhạc) | – hoạt hình | – núi          | – truyền hình |
| – bánh xe   | – điện thoại | – hỏi       | – quen         | – ừ           |
| – bay       | – đoán mò    | – húc       | – quê          | – vài lần     |
| – bắt tay   | – đổ         | – khuya     | – siêu nhân    | – vật         |
| – cái       | – đồng ý     | – lẳng lẳng | – tặng         | – xấu         |
| – chuẩn bị  | – dừng       | – lâu       | – tiếp         |               |
| – chớ / chứ | – giỏi       | – mò        | – thi          |               |
| – có lẽ     | – giúp       | – mới       | – thỉnh thoảng |               |
| – có thể    | – hay        | – nhau      | – thức khuya   |               |
| – dạ / vâng | – hình tròn  | – nông dân  | – thường       |               |



## I - HỘI THOẠI

### VỪA LÀ HỌ HÀNG VỪA LÀ HÀNG XÓM



- Lân : – Mình thấy hàng xóm của Phương rất thân mật. Ở nước ngoài ít khi mình nói chuyện với hàng xóm.
- Phương : – À, ở Việt Nam, quan hệ hàng xóm khá gần. Còn ở nhà Phương, quan hệ này gần hơn, vì... hàng xóm của Phương là họ hàng của Phương.
- Lân : – Phương không nói đùa chứ ?
- Phương : – Phương nói thật đấy. Ông bà nội Phương ở nhà bên với bác cả. Chú út ở nhà kế đó.
- Lân : – Bác cả là ai ?
- Phương : – Bác cả là con đầu của ông bà nội Phương.
- Lân : – Mình hiểu rồi. Trong Nam gọi là bác hai.
- Phương : – Đúng đấy. Bố Phương là con trai thứ hai. Trong Nam gọi là thứ ba, đúng không ?
- Lân : – Đúng. Phương thấy sống gần họ hàng thế nào ?
- Phương : – Phương thích lắm. Anh chị em họ của Phương vừa là họ hàng, vừa là hàng xóm, vừa là bạn thân.

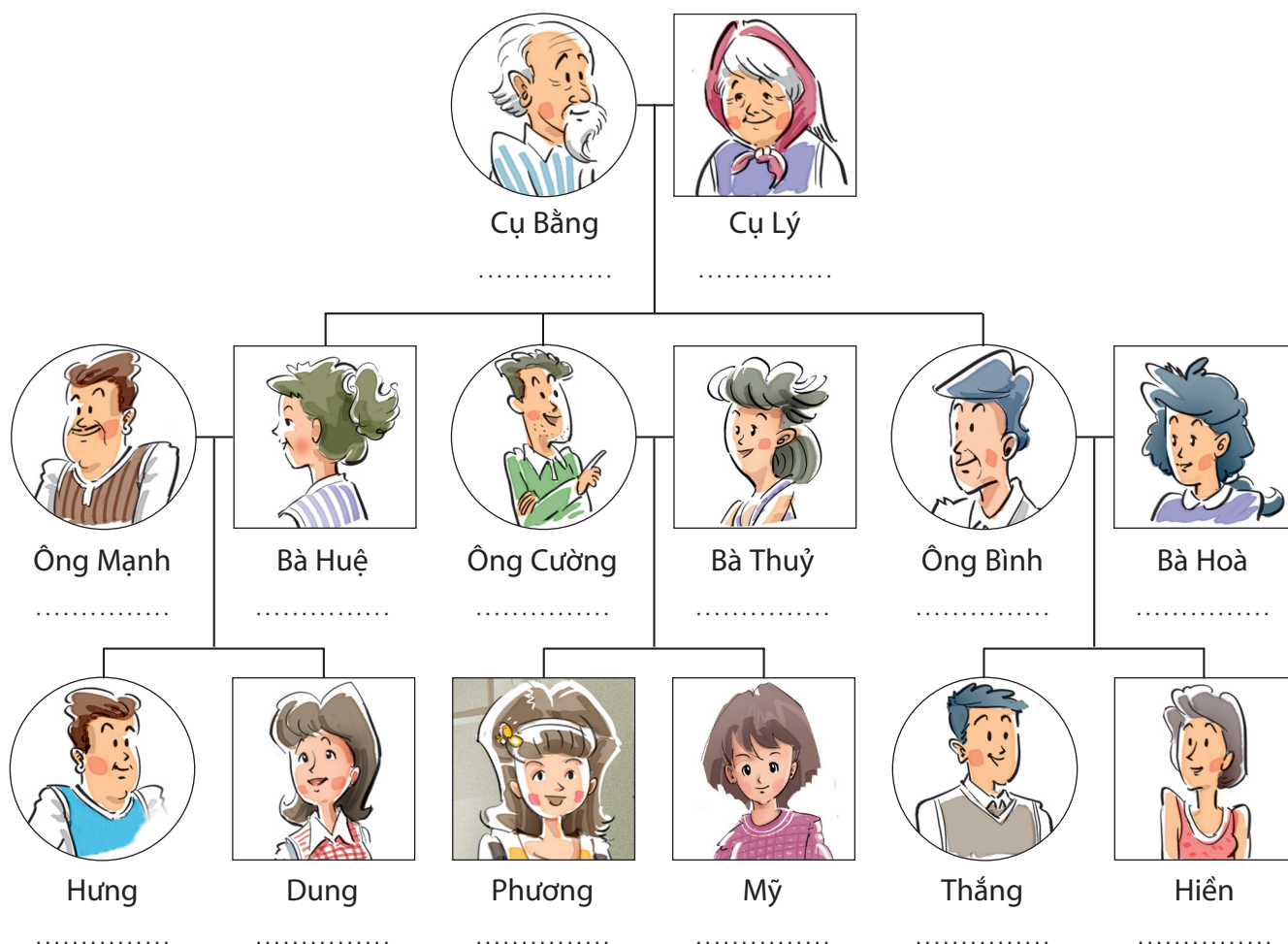




**1. Trả lời câu hỏi :**

- Lân thấy hàng xóm của Phương thế nào ?
- Theo Lân, quan hệ hàng xóm ở nước ngoài và ở Việt Nam khác nhau thế nào ?
- Hàng xóm nhà Phương là ai ?
- Ông bà nội, bác và chú của Phương sống ở đâu ?
- Vì sao Phương thích sống gần họ hàng ?

**2. Phương gọi mỗi người trong sơ đồ dưới đây là gì ? Điền những từ sau vào chỗ trống thích hợp : **ông, bà, bố, mẹ, bác, chú, thím, anh, chị, em.****



**3. Điền từ thích hợp trong ngoặc đơn vào chỗ trống :  
(**anh, vợ, chồng, 3, mẹ, Thắng, Hiền, em gái, anh chị họ, em họ**)**

- Ông bà nội Phương có ..... con trai.
- Bác Mạnh là ..... của bố Phương.
- Bác Mạnh là ..... của bác Huệ.

**Chú thích :**

- Hình tròn : Nam
- Hình vuông : Nữ
- Hàng dưới : Con của người ở hàng trên
- Tay phải (tay mặt) : vợ hoặc em của người ở tay trái.

- d) Bác Huệ là ..... của bác Mạnh.  
 e) Bác Huệ là ..... của anh Hưng và chị Dung.  
 g) Anh Hưng và chị Dung là ..... của Phương.  
 h) Mỹ là ..... của Phương  
 i) Bố Phương là ..... của chú Bình.  
 k) ..... của chú Bình là thím Hoà.  
 l) Chú Bình và thím Hoà có hai con : con trai tên là ..... , con gái tên là .....  
 m) Thắng và Hiền là ..... của Phương.

**4. Phát âm :**

- |            |            |             |
|------------|------------|-------------|
| – nói thật | – thân mật | – rất thích |
| – chú bác  | – mát mẻ   | – cái bát   |

**5. Đóng vai Lân và Phương, hỏi – đáp với bạn theo bài hội thoại.**

**6. Viết lại câu, dùng kết cấu vừa ... vừa ...**

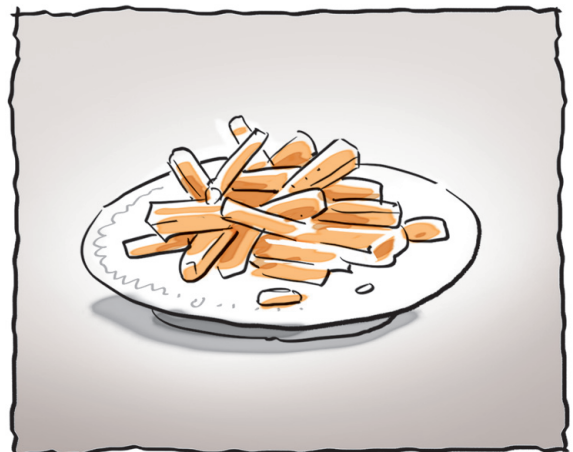
**M :** Chú Kim là chú mình và là thầy giáo của mình.

Ø Chú Kim **vừa** là chú mình **vừa** là thầy giáo của mình.



a) Cái này là ghế và là giường.

.....



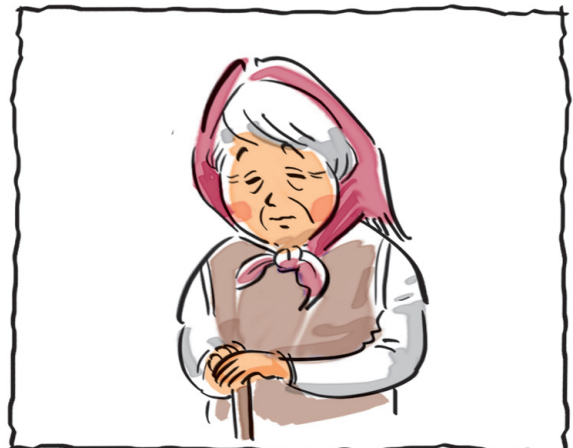
b) Món khoai tây rán ngon và rẻ tiền.

.....



c) Hằng thông minh và chăm chỉ.

.....



d) Bà nội tôi bây giờ già và yếu.

.....



**7. Viết tiếp câu :**

a) Ông nội tôi vừa xem ti vi vừa .....

c) Mẹ tôi vừa nấu ăn vừa .....

b) Em trai tôi vừa  
nghe nhạc vừa .....



d) Chị gái tôi vừa  
chải đầu vừa .....



**8. Chọn từ ngữ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn thành câu :**

a) Chú tôi rất thích ăn phở. Chú (thường, ít khi) ăn phở vào bữa sáng.

b) Bố tôi không thích uống rượu lắm. (Không bao giờ, Ít khi) bố tôi uống rượu.

c) Ông ngoại tôi (hay, không bao giờ) đi xe máy vì ông nghĩ đi xe máy nguy hiểm.

d) Anh tôi (hay, không bao giờ) đi xe máy vì anh nghĩ đi xe máy thuận tiện.

e) Em gái tôi thích sô-cô-la lắm. Vì vậy, khi ăn kem, nó (luôn luôn, thường) chọn kem sô-cô-la.



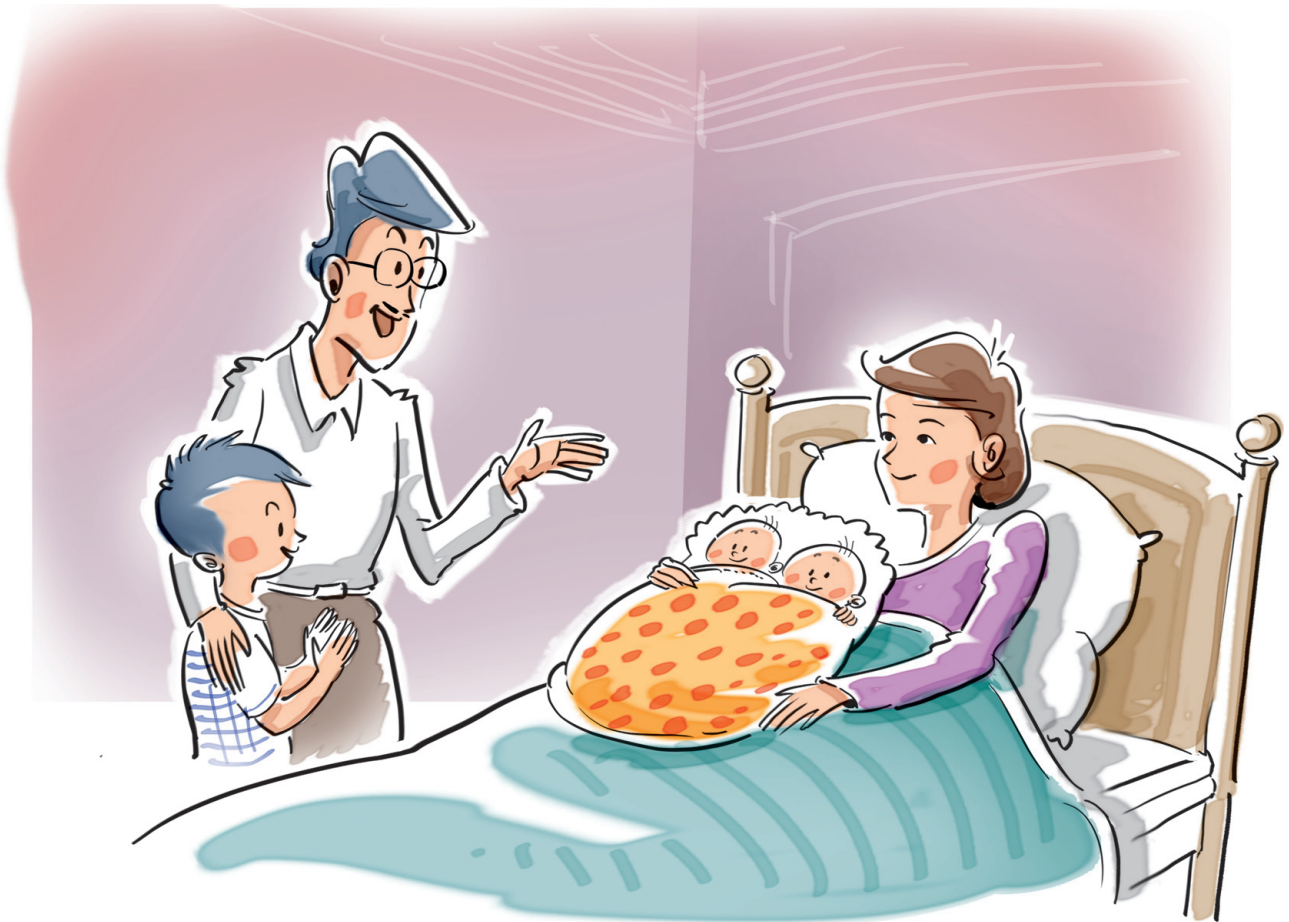
**9. Viết thêm từ xưng hô vào bảng sau :**

|                                            |          | Với người trên   | Với người dưới  | Với bạn          |
|--------------------------------------------|----------|------------------|-----------------|------------------|
| <b>Tự xưng</b><br>(ngôi thứ nhất)          | Số ít    | em,.....         | anh,.....       | tớ,.....         |
|                                            | Số nhiều | chúng em, .....  | các anh,.....   | chúng tớ,.....   |
| <b>Chỉ người nghe</b><br>(ngôi thứ hai)    | Số ít    | bác,.....        | em,.....        | cậu,.....        |
|                                            | Số nhiều | các bác,.....    | các em,.....    | các cậu,.....    |
| <b>Chỉ người vắng mặt</b><br>(ngôi thứ ba) | Số ít    | bác ấy,.....     | em ấy,.....     | cậu ấy,.....     |
|                                            | Số nhiều | các bác ấy,..... | các em ấy,..... | các cậu ấy,..... |

**Chị ấy vừa thông minh vừa chăm chỉ.**

## II - LUYỆN NGHE

### MẸ SINH ĐÔI



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Mẹ của Dũng sinh mấy em bé ?

- ☐ Một em bé.
- ☐ Hai em bé.
- ☐ Ba em bé.

c) Dũng nói gì với bố ?

- ☐ Nói với cô giáo là mẹ sinh hai em bé.
- ☐ Nói với cô giáo là mẹ sinh một em bé.
- ☐ Mỗi tuần nói với cô giáo là mẹ sinh một em bé.

b) Bố bảo Dũng đến trường làm gì ?

- ☐ Xin cô giáo cho nghỉ học.
- ☐ Kể chuyện với cô giáo.
- ☐ Kể chuyện với các bạn.

d) Vì sao Dũng muốn nói như vậy ?

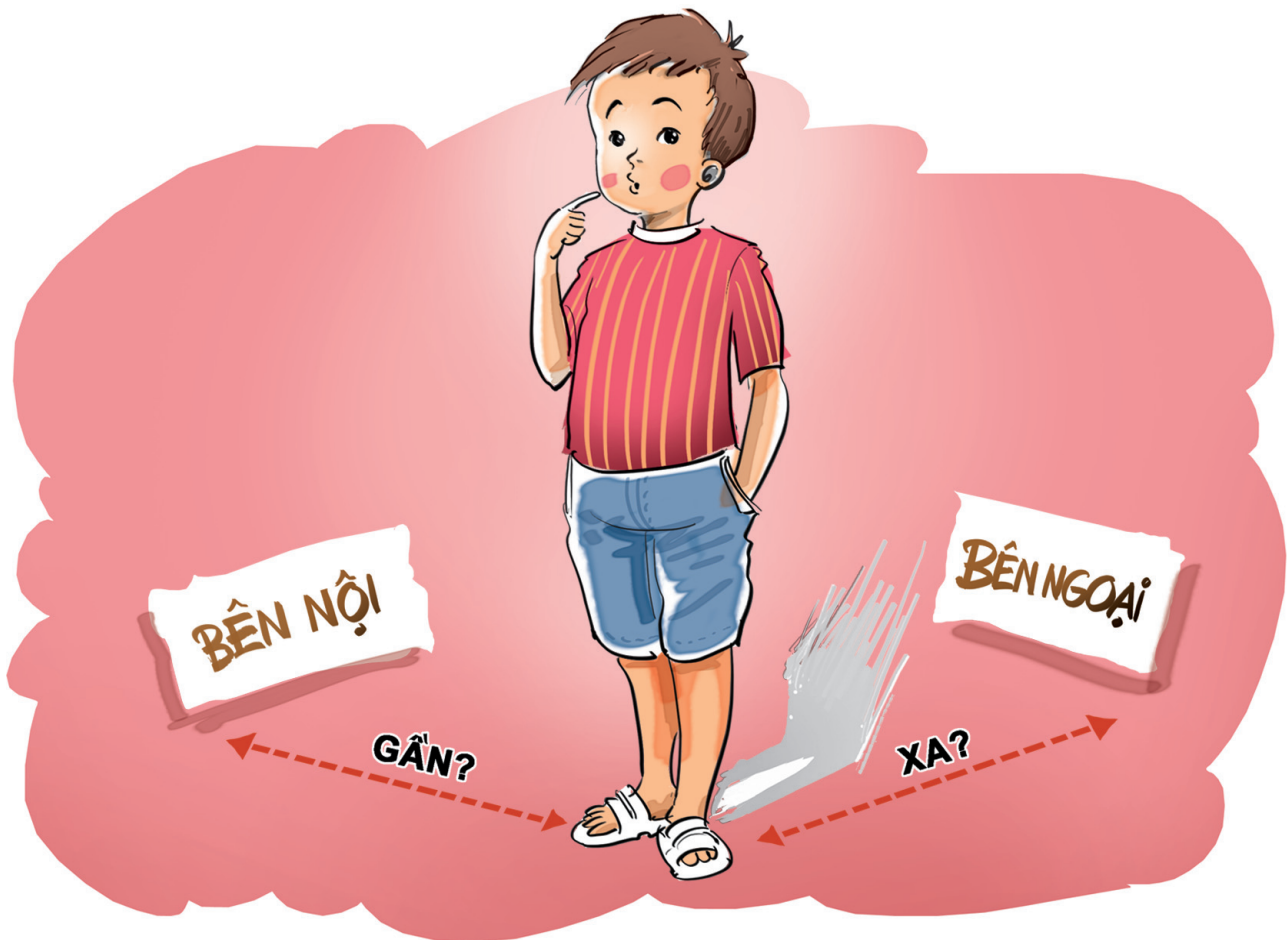
- ☐ Để cô giáo cho nghỉ học.
- ☐ Để cô giáo tin là Dũng nói thật.
- ☐ Để cô giáo cho nghỉ học hai lần.

2. Kể lại câu chuyện trên.



### III - LUYỆN ĐỌC

#### XA HAY GẦN ?



Người ta thường nghĩ rằng họ bên nội, tức bên bố, gần hơn họ bên ngoài, là bên mẹ.

Bình thường, ở nhiều vùng, em gái của mẹ được gọi là "dì", em gái của bố được gọi là "cô" và chồng của dì là "dượng", chồng của cô là "chú".

Ngày nay, một số gia đình không gọi "dì dượng" mà đổi thành "cô chú" cho thân hơn, gần hơn.

Thực ra, thân hay không thân, xa hay gần là do có thường xuyên gặp gỡ, giúp đỡ nhau không.

Nếu bạn hay đến dì dượng hoặc dì dượng thường giúp đỡ bạn thì dì dượng cũng thân, cũng gần như cô chú.

**1. Đọc và trả lời câu hỏi :**

- a) Dì và dượng là người bên nội hay bên ngoại ?
- b) Cô và chú là người bên nào ?
- c) Vì sao một số gia đình đổi tên gọi “dì dượng” thành “cô chú” ?
- d) Khi nào một người trong họ hàng được coi là thân hơn, gần hơn ?

**2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

- |                                | ĐÚNG                     | SAI                      |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) Dì là em gái của mẹ.        | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b) Dượng là chồng của dì.      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c) Chú là em trai của mẹ.      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d) Cậu là em trai của mẹ.      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e) Vợ của chú gọi là mợ.       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| g) Anh trai của bố gọi là bác. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| h) Chị gái của mẹ gọi là cô.   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| i) Mợ là vợ của cậu.           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

**3. Phát âm :**

- |                |             |
|----------------|-------------|
| – bình thường  | – bên nội   |
| – thường xuyên | – bên ngoại |
| – dì dượng     | – gặp gỡ    |

**4. Nối vế câu ở cột A với vế câu thích hợp ở cột B để tạo thành câu ghép :**

| A                              |
|--------------------------------|
| 1) Nếu trời rét                |
| 2) Nếu bạn tập thể dục đều     |
| 3) Nếu bạn đến Huế             |
| 4) Nếu bạn đến Hà Nội          |
| 5) Nếu bạn không tập nói nhiều |

| B                                        |
|------------------------------------------|
| a) thì bạn sẽ được biết Hồ Gươm.         |
| b) thì bạn sẽ được ngắm dòng sông Hương. |
| c) thì bạn phải mặc áo thật ấm.          |
| d) thì bạn sẽ không nói được tiếng Việt. |
| e) thì bạn sẽ có sức khỏe tốt.           |

### 5. Trò chơi : “Ai giỏi hơn ?”

Cách chơi : Học sinh A (hoặc nhóm học sinh A) nói một vế câu có từ **nếu**. Học sinh B (hoặc nhóm học sinh B) nói tiếp vế câu thích hợp có từ **thì**. Sau đó đổi vai. Mỗi lần nói đúng được 1 điểm. Học sinh nào (nhóm nào) được nhiều điểm hơn sẽ thắng.

**Nếu trời đẹp thì cả nhà em đi chơi.**

## IV - LUYỆN VIẾT

### 1. Nghe – viết :

### XA HAY GẦN ?

Người ta thường nghĩ rằng họ bên nội, tức bên bố, gần hơn họ bên ngoại, là bên mẹ.

Thực ra, thân hay không thân, xa hay gần là do có thường xuyên gặp gỡ, giúp đỡ nhau không.

Nếu bạn hay đến dì dượng hoặc dì dượng thường giúp đỡ bạn thì dì dượng cũng thân, cũng gần như cô chú.

### 2. Viết từ 5 đến 7 câu nói về quan hệ họ hàng của em.

#### TỪ NGỮ MỚI

- |             |             |               |                |
|-------------|-------------|---------------|----------------|
| – anh họ    | – đùa       | – khói        | – thuốc lá     |
| – bên ngoại | – em họ     | – nấu         | – thường xuyên |
| – bên nội   | – gặp gỡ    | – nguy hiểm   | – trong Nam    |
| – cả        | – gần       | – như vậy     | – uống         |
| – chải đầu  | – ghế       | – quan hệ     | – út           |
| – chăm chỉ  | – giúp đỡ   | – rán         | – vùng         |
| – chị họ    | – giường    | – rượu        |                |
| – chọn      | – hàng xóm  | – sinh        |                |
| – con đầu   | – họ hàng   | – sợ          |                |
| – dì        | – ít khi    | – tập thể dục |                |
| – dượng     | – kế        | – thân        |                |
| – đều       | – khá       | – thân mật    |                |
| – đón       | – khoai tây | – thông minh  |                |





## I - HỘI THOẠI



### BAO GIỜ BẠN VỀ VIỆT NAM ?

- Tâm : – Hôm nay là thứ mấy, Hạnh nhỉ ?  
 Hạnh : – Thứ năm.  
 Tâm : – Ngày bao nhiêu ?  
 Hạnh : – Ngày 4 tháng 10. À, bao giờ Tâm về Việt Nam đấy ?  
 Tâm : – Tháng sau Tâm về cùng bố mẹ. Lần này, cả nhà sẽ đi Hạ Long. Hạnh đã đi Hạ Long chưa ?  
 Hạnh : – Hạnh đi hai lần rồi. Một lần năm ngoái, một lần năm kia.  
 Tâm : – Thời tiết ở Hạ Long thế nào ?  
 Hạnh : – Bây giờ ở ngoài Bắc đang là mùa thu. Trời không mưa, nhiều nắng, gió mát. Nhưng ban đêm ở Hạ Long hơi lạnh.  
 Tâm : – Hạnh có chụp nhiều hình không ?  
 Hạnh : – Có. Đây là vịnh Hạ Long. Hạnh đã chụp trong khi đi thuyền trên vịnh. Còn đây là cảnh Đà Lạt buổi sáng, trước khi mặt trời mọc.  
 Tâm : – Đẹp quá ! Tâm sẽ chụp thật nhiều hình. Khi Tâm về, chúng mình cùng xem nhé !



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

- a) Tâm và Hạnh sắp đi Hạ Long.
- b) Tâm chưa bao giờ đi Hạ Long.
- c) Hạnh đi Hạ Long 3 lần rồi.
- d) Hạnh đã đi thuyền và chụp hình.
- e) Tâm đã chụp nhiều hình về Hạ Long.

ĐÚNG      SAI

|                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Trả lời câu hỏi :

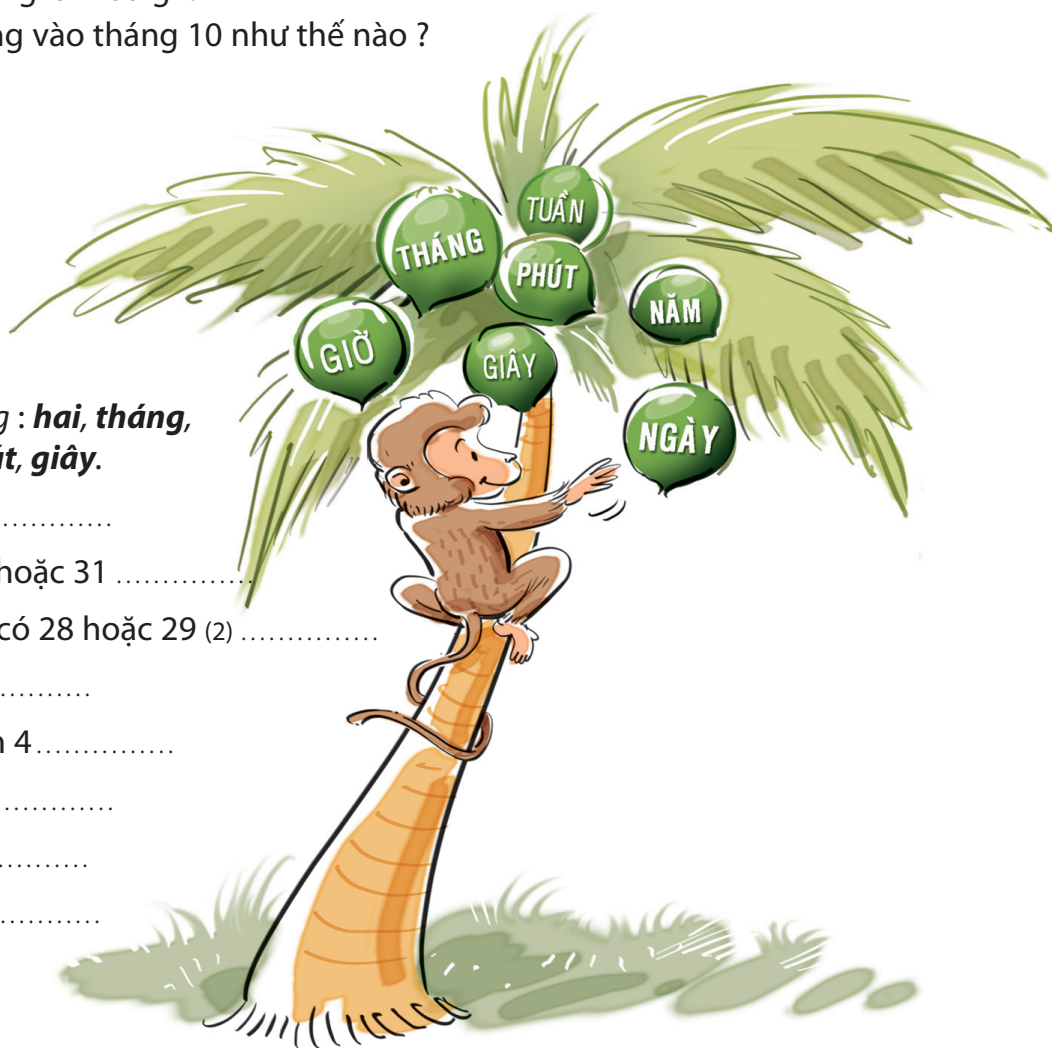
- a) Tâm và Hạnh đang ở Việt Nam, phải không ?
- b) Bao giờ gia đình Tâm về Việt Nam ?
- c) Họ sẽ đi thăm cảnh đẹp ở đâu ?
- d) Hạnh đã bao giờ đi thăm vịnh Hạ Long chưa ?
- e) Tháng 10 ở Hạ Long là mùa gì ?
- g) Thời tiết ở Hạ Long vào tháng 10 như thế nào ?

3. Phát âm :

- năm ngoái
- mặt trời mọc
- chụp hình
- vịnh Hạ Long

4. Điền từ vào chỗ trống : **hai, tháng, tuần, ngày, giờ, phút, giây.**

- a) Một năm có 12 .....
- b) Một tháng có 30 hoặc 31 .....
- c) Tháng (1) ..... có 28 hoặc 29 (2) .....
- d) Một tuần có 7 .....
- e) Một tháng có hơn 4 .....
- g) Một ngày có 24 .....
- h) Một giờ có 60 .....
- i) Một phút có 60 .....

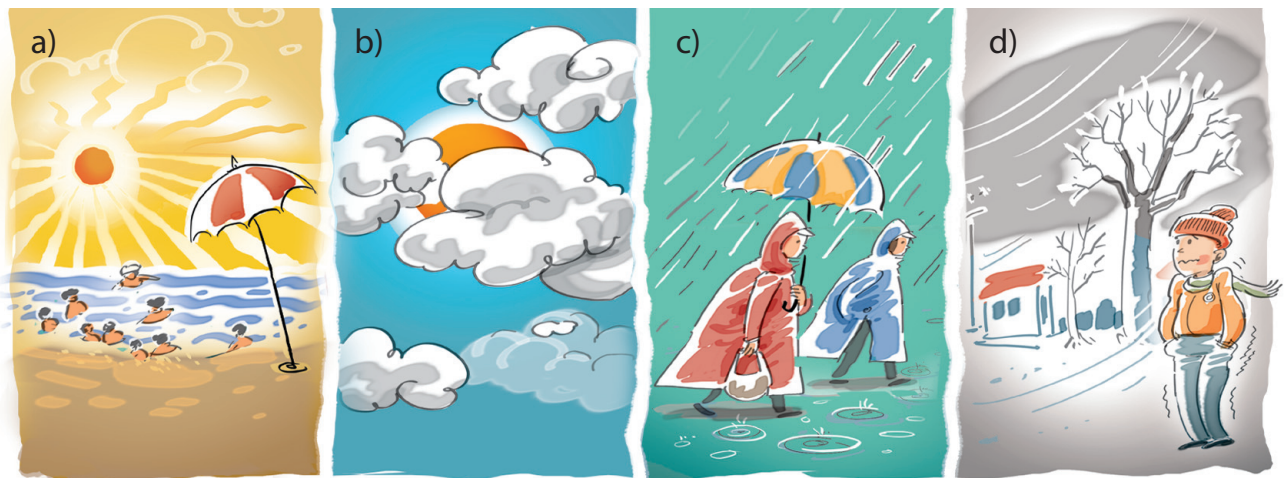




**5. Hỏi – đáp với bạn :**

- a) Hôm nay là thứ mấy ? Ngày bao nhiêu ? Tháng mấy ?
- b) Hôm qua là thứ mấy ? Ngày bao nhiêu ?
- c) Ngày mai là thứ mấy ? Ngày bao nhiêu ?
- d) Tháng này là tháng mấy ?
- e) Tháng trước là tháng mấy ?
- g) Tháng sau là tháng mấy ?
- h) Năm nay là năm bao nhiêu ?
- i) Năm ngoái là năm bao nhiêu ?
- k) Năm kia là năm bao nhiêu ?
- l) Năm sau là năm bao nhiêu ?

**6. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi : *Hôm nay thời tiết thế nào ?***



**7. Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm :**

- a) **Tháng sau**, em cùng bố mẹ về Việt Nam.
- b) **Ngày mai** em đi xem phim.
- c) **Buổi chiều** em sẽ làm bài tập.
- d) **Sang năm** em lên lớp 9.

**8. Điền các từ *dưới, trong, ngoài, trước, sau* vào chỗ trống :**

- a) Bố mẹ em dậy rất sớm. Hôm nào bố mẹ cũng dậy từ (1) ..... khi mặt trời mọc.  
(2) ..... khi đánh răng, rửa mặt, mẹ em chuẩn bị bữa ăn sáng. (3) ..... khi mẹ chuẩn bị bữa ăn sáng, bố giặt quần áo.
- b) – Cậu về Việt Nam trên một tháng à ?
  - Không (1) ..... một tháng. Còn cậu ?
  - Tớ ở đó đến (2) ..... Tết.
  - Cậu được ăn Tết ở Việt Nam à ? Thích nhỉ !

- 1. Bao giờ chị về Việt Nam ?
- 2. Tháng sau em về.



## II - LUYỆN NGHE

### DỰ BÁO THỜI TIẾT NGÀY 29 THÁNG 9



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ thích hợp :

- a) Đây là dự báo thời tiết ở Bắc Bộ.
- b) Đây là dự báo thời tiết ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ.
- c) Bắc Bộ ngày nắng, đêm có mưa nhỏ.
- d) Trung Bộ ngày có mưa, đêm không mưa.
- e) Nam Bộ chiều tối có mưa rào.

ĐÚNG SAI

|                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Trả lời câu hỏi :

- a) Nhiệt độ ở Bắc Bộ ngày 29 tháng 9 là bao nhiêu ?
- b) Nhiệt độ ở Trung Bộ ngày 29 tháng 9 là bao nhiêu ?
- c) Nhiệt độ ở Nam Bộ ngày 29 tháng 9 là bao nhiêu ?

3. Dựa vào nội dung bài nghe, hỏi – đáp với bạn về thời tiết ở Việt Nam ngày 29 tháng 9.



### III - LUYỆN ĐỌC

#### BẠN ĐẾN ĐÂY ĐI !



Trên trời cao, những đám mây trắng đang bay. Đàn cá bơi trong hồ nhìn thấy đám mây. Chúng gọi to :

– Mây ơi, hồ sắp hết nước rồi. Mây cho chúng tôi nước với !

Mây gọi gió :

– Gió lạnh ơi, bạn đến đây đi !

Gió lạnh thổi vào mây. Lạnh quá ! Các hạt nước nhỏ trong đám mây trở thành hạt băng. Các hạt băng này to dần, to dần, trở thành giọt nước đá.

Khi giọt nước đá đủ nặng, nó rơi xuống, gặp không khí nóng và trở thành hạt mưa.

*Theo ÔNG ƠI ! VÌ SAO LẠI THẾ ?*



**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Đám mây bay ở đâu ?
- b) Đàn cá nói gì với đám mây ?
- c) Đám mây nói với gió điều gì ?
- d) Gió đã làm gì ?

**2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

- a) Gió thổi vào mây là gió gì ?
  - ☐ Gió lạnh.
  - ☐ Gió mát.
  - ☐ Gió nóng.
- b) Khi gió thổi vào mây, những hạt nước trong đám mây thế nào ?
  - ☐ Những hạt nước rất lạnh.
  - ☐ Những hạt nước bay lên.
  - ☐ Những hạt nước trở thành hạt băng.
- c) Những hạt băng trở thành giọt nước đá như thế nào ?
  - ☐ Những hạt băng to dần và trở thành giọt nước đá.
  - ☐ Những hạt băng to dần và rơi xuống.
  - ☐ Những hạt băng to dần và trở thành mưa.
- d) Khi nào những giọt nước đá rơi xuống ?
  - ☐ Những giọt nước đá rơi xuống khi đàn cá gọi.
  - ☐ Những giọt nước đá rơi xuống khi chúng đủ nặng.
  - ☐ Những giọt nước đá rơi xuống khi có nắng.
- e) Khi nào những giọt nước đá trở thành hạt mưa ?
  - ☐ Những giọt nước đá trở thành hạt mưa khi gặp gió lạnh.
  - ☐ Những giọt nước đá trở thành hạt mưa khi gặp đàn cá.
  - ☐ Những giọt nước đá trở thành hạt mưa khi gặp không khí nóng.

**3. Phát âm :**

- |                  |                 |
|------------------|-----------------|
| – đám mây trắng  | – gió lạnh thổi |
| – giọt nước đá   | – hạt nước nhỏ  |
| – không khí nóng | – đủ nặng       |

**4. Chuyển các câu dưới đây thành câu cầu khiến theo mẫu.**

**M :** Bạn đến đây. **Ø** Bạn đến đây **đi !**

- a) Em làm bài. ....
- b) Con hỏi cô giáo. ....
- c) Bạn giúp mình. ....
- d) Cô bán cho cháu quyển sách. ....



5. Chuyển các câu dưới đây thành câu cầu khiến theo mẫu.

**M :** Mây cho chúng tôi nước. ~~Ø~~ Mây cho chúng tôi nước **với !**

a) Bạn giúp mình.

.....

b) Cô bán cho cháu quyển sách.

.....

c) Mẹ cho con đi siêu thị.

.....

d) Các chị cho em chơi bóng.

.....

6. Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp :

|                                                                                             | Dùng từ <b>đi</b><br>ở cuối câu | Dùng từ <b>với</b><br>ở cuối câu |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------|
| – Khi muốn người khác giúp mình hoặc cho mình cùng tham gia học tập, làm việc, vui chơi,... |                                 |                                  |
| – Khi muốn người khác làm một việc.                                                         |                                 |                                  |

7. Em nói thế nào ?

a) Khi em muốn các bạn hát.

.....

b) Khi em muốn bạn đọc sách.

.....

c) Khi em muốn anh trai em chơi game.

.....

d) Khi em muốn mẹ em đi chợ.

.....

8. Em nói thế nào ?

a) Khi em muốn tập hát cùng các bạn.

.....

b) Khi em muốn mượn sách của bạn.

.....

c) Khi em muốn chơi game cùng anh trai em.

.....

d) Khi em muốn mẹ cho em cùng đi chợ.

.....

**1. Bạn đến đây đi !**

**2. Bạn giúp tôi với !**

## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nghe - viết : *Bạn đến đây đi ! (Từ đầu đến... Gió lạnh thổi vào mây.)*

2. Điền dấu thanh vào bài sau :

### NGƯỜI LƯỜI NHẬT

Bô hoi con :

- Trong lớp con, ai là người lười nhât ?
- Con không biết a.
- Ví dụ, trong khi tất cả lớp làm bài thì ai không làm bài, chỉ ngồi nhìn ?
- A, con biết rồi ! Đó là thầy giao.

3. Hoàn thành bức thư sau :



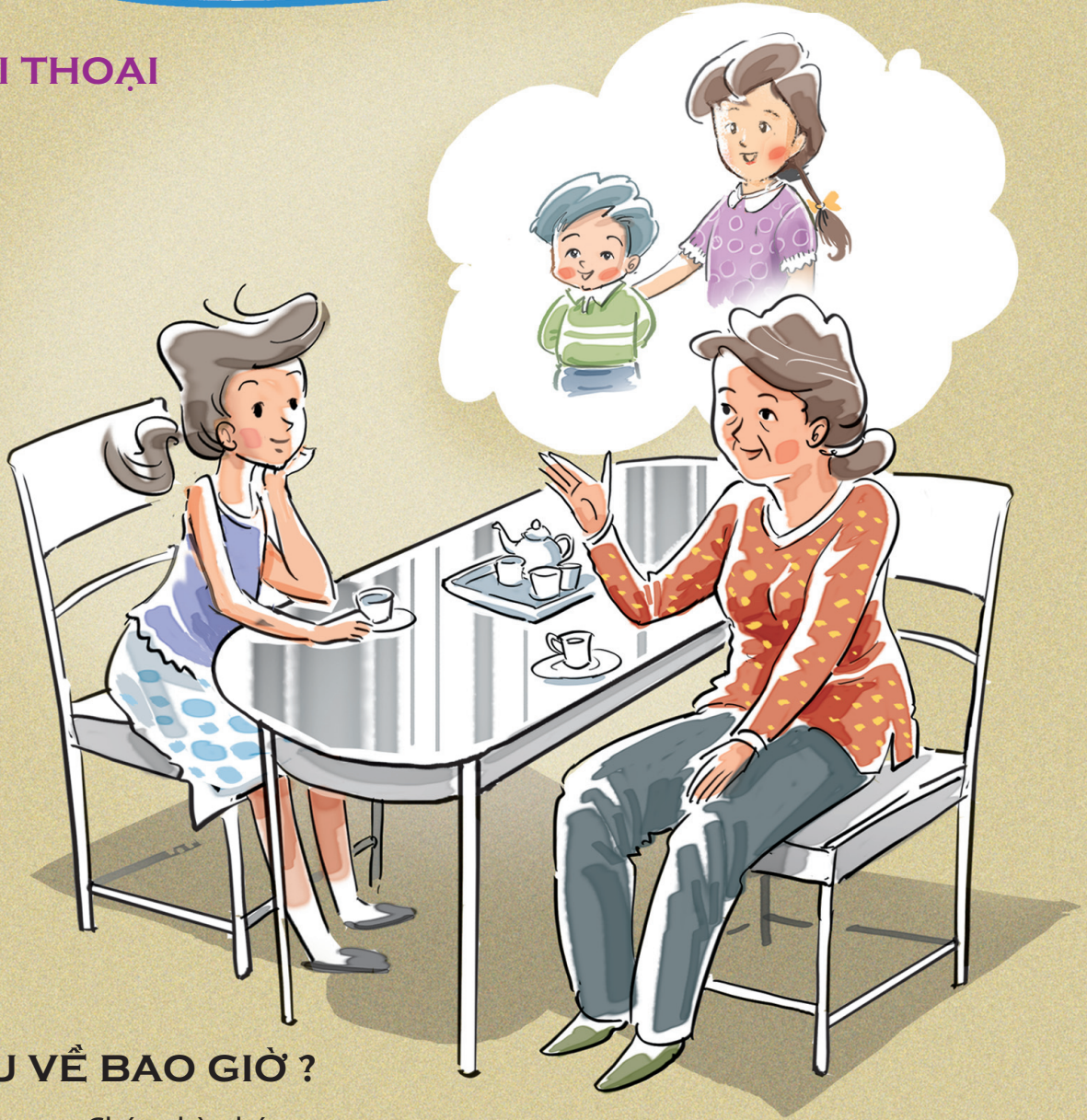
### TỪ NGỮ MỚI

- ban đêm
- Bắc Bộ
- băng
- bơi
- cả nhà
- chăn
- chụp
- dần
- đám mây
- đàn cá
- đánh răng
- đắp
- đi chợ
- đủ
- giặt
- giọt
- gọi
- hả
- hạt
- hẹn gặp
- hết
- hình
- hơi (lạnh)
- không khí
- mọc
- mưa rào
- Nam Bộ
- năm kia
- năm ngoái
- ngoài Bắc
- nhìn thấy
- nước đá
- rửa
- tập hát
- thác
- tháng sau
- thổi
- thung lũng
- trở thành
- Trung Bộ
- tuần
- ví dụ
- vịnh





## I - HỘI THOẠI



### CHÁU VỀ BAO GIỜ ?

- Mai : – Cháu chào bác ạ.
- Bác Khanh : – Mai đấy à ? Cháu về nước bao giờ ?
- Mai : – Cháu về hôm kia. Bác vẫn khỏe chứ ạ ?
- Bác Khanh : – Cũng thường thôi. Bố mẹ cháu thế nào ?
- Mai : – Cảm ơn bác, bố mẹ cháu khỏe. Anh chị cháu không có nhà ạ ?
- Bác Khanh : – Anh chị ấy đi họp cha mẹ học sinh. Chị Loan họp ở trường tiểu học của cháu Bi. Còn anh Tân họp ở trường trung học của cháu Huyền.
- Mai : – Bi đi học rồi ạ ? Vui quá !
- Bác Khanh : – Học lớp 1 rồi nhưng hay quên lắm. Khi thì quên bút, khi thì quên sách.
- Mai : – Còn Huyền chắc lớn lắm rồi ?
- Bác Khanh : – Nó cao hơn mẹ rồi. Đi học suốt ngày. Bây giờ thi vào đại học khó lắm. Mỗi năm chỉ có 20% học sinh tốt nghiệp trung học đỗ vào đại học thôi.





**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Mai về nước bao giờ ?
- b) Mai đến thăm ai ?
- c) Anh Tân, chị Loan là ai ?
- d) Anh Tân, chị Loan đi đâu ?
- e) Cháu Bi học thể nào ?
- g) Cháu Huyền lớn thế nào ?
- h) Cháu Huyền học thể nào ?
- i) Mỗi năm ở Việt Nam có bao nhiêu phần trăm học sinh tốt nghiệp trung học đổ vào đại học ?

**2. Phát âm :**

- vẫn khoẻ
- đồ đại học
- suốt ngày
- chắc lớn lắm

**3. Trả lời câu hỏi :**

- a) Bây giờ em đang học những môn gì ?
- b) Em thích học môn gì nhất ?



**4. Đặt câu hỏi cho các cụm từ in đậm :**

- a) Em cùng bố mẹ em về Việt Nam **tháng trước**.
- b) Em xem phim ấy **hôm qua**.
- c) Em làm bài tập này **chiều qua**.
- d) Em lên lớp 9 **năm ngoái**.

**5. Đặt câu theo mẫu.**

**M :** (Trước đây bác khỏe.) Bây giờ bác khỏe.

✎ Bác **vẫn** khỏe.

a) (Trước đây chú Tư ở Đồng Tháp.) Bây giờ chú Tư ở Đồng Tháp.

b) (Hôm qua em ngồi chỗ ấy.) Hôm nay em ngồi chỗ ấy.

c) (Trước đây Nga chưa về Việt Nam.) Bây giờ Nga chưa về Việt Nam.

d) (Sáng nay, bố đi làm.) Bây giờ bố chưa về.

**6. Viết lại câu, dùng kết cấu *khi thì... khi thì...***

**M :** Hôm kia và hôm qua Bi quên bút. Hôm nay Bi lại quên sách.

✎ Khi thì Bi quên bút, khi thì Bi quên sách.

a) Tuần trước cô chú mời tôi ăn nem. Tuần này lại mời ăn phở.

b) Tuần trước Lan về quê. Tuần này Lan đi Nha Trang.

c) Nhiều hôm Lân đến nhà Phương chơi. Nhiều hôm Phương đến nhà Lân chơi.

d) Có năm bố mẹ Lân về nước. Có năm hai anh em Lân về.

**7. Đọc các số liệu sau :**

- 15 % : mười lăm phần trăm
- 29,12 % : hai mươi chín phẩy mười hai phần trăm
- 56,06 % : năm mươi sáu phẩy không sáu phần trăm
- 65 % :
- 67,10 % :
- 75,86 % :
- 84,73 % :
- 100 % :



## II - LUYỆN NGHE



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long là gì ?

- ☐ Là trường đại học đầu tiên của Việt Nam.
- ☐ Là trường đại học trẻ nhất của Việt Nam.
- ☐ Là trường học đầu tiên của Việt Nam.

b) Nguyễn Hiền là ai ?

- ☐ Là vị tiến sỹ đầu tiên trong lịch sử.
- ☐ Là vị tiến sỹ trẻ nhất trong lịch sử.
- ☐ Là vị tiến sỹ giỏi nhất trong lịch sử.

c) Nguyễn Hiền đỗ tiến sỹ năm bao nhiêu tuổi ?

- ☐ Năm ông 13 tuổi.
- ☐ Năm ông 23 tuổi.
- ☐ Năm ông 31 tuổi.

2. Các con số sau đây nói lên điều gì ? Viết lời giải thích vào chỗ trống :

a) 1076 : .....

b) 104 : .....

c) Trên 10 000 : .....

3. Nói lại nội dung bài nghe trên.



## LỚN LÊN, EM SẼ LÀM GÌ ?

Trong giờ học Tiếng Việt, cô giáo hỏi :

– Lớn lên, các em muốn làm nghề gì ?

Cả lớp giơ tay xin nói. Bạn Hùng muốn làm bác sĩ. Bạn Hoa ước mơ làm cô giáo. Bạn Hà muốn làm diễn viên múa. Còn bạn Sơn muốn trở thành giám đốc,...

Sau khi học sinh nói xong, cô giáo bảo các em viết thành bài văn. Tên bài văn là “Ước mơ của em”.

Cả lớp cắm cúi làm bài. Chỉ có Sơn không viết gì. Em ngồi khoanh tay, nhìn ra cửa sổ. Cô giáo rất ngạc nhiên, hỏi Sơn :

– Tại sao em không làm bài ? Em viết đi. Chúng ta không có nhiều thời gian đâu.

Sơn trả lời :

– Thưa cô, em đang chờ thư ký ạ.







**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Cô giáo hỏi học sinh điều gì ?
- b) Ước mơ của bạn Hùng, bạn Hoa, bạn Hà là gì ?
- c) Bạn Sơn muốn làm gì ?
- d) Sau khi học sinh nói về ước mơ của mình, cô giáo bảo các em làm gì ?
- e) Cả lớp làm bài thế nào ?
- g) Tại sao Sơn không viết bài ?
- h) Theo em, cô giáo sẽ nói gì với bạn Sơn ?

**2. Phát âm :**

- |             |              |              |
|-------------|--------------|--------------|
| – ước mơ    | – ngạc nhiên | – cảm cú     |
| – diễn viên | – khoanh tay | – chờ thư ký |

**3. Đặt câu theo mẫu với cụm từ *sau khi*.**

**M :** Học sinh nói xong. Cô giáo bảo các em viết bài.

☞ **Sau khi** học sinh nói xong, cô giáo bảo các em viết bài.

a) Hùng nói xong. Hoa giơ tay xin nói.

.....

b) Bố mẹ đi làm. Hai chị em ngồi học bài.

.....

c) Mai về Việt Nam. Em đến thăm bác Khanh.

.....

d) Chú Tư ở Đồng Tháp 10 năm. Rồi chú chuyển về Cần Thơ.

.....

**4. Đặt câu theo mẫu với cụm từ *trước khi*.**

**M :** Cô giáo bảo học sinh đọc bài. Sau đó, học sinh viết chính tả.

☞ **Trước khi** học sinh viết chính tả, cô giáo bảo các em đọc bài.

a) Hoa giơ tay xin nói. Sau đó, Hùng đọc bài.

.....

b) Hai chị em ngồi học bài. Sau đó, bố mẹ đi làm.

.....

c) Mai đến thăm bác Khanh. Sau đó, Mai đi Đà Lạt.

.....

d) Chú Ba ở Đồng Tháp. Sau đó, chú Ba chuyển về Cần Thơ.

.....



5. Sử dụng cụm từ **trong khi** và mẫu câu đã học, nói về sự việc trong các tranh sau :

a)



b)



c)



**M :** Trong khi mẹ giặt quần áo, bố trồng cây.

.....  
.....

.....  
.....

d)



e)



g)



.....  
.....

.....  
.....

.....  
.....

6. Kể lại câu chuyện **Lớn lên, em sẽ làm gì ?**

## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nhớ và viết lại nội dung bài nghe **Bạn có biết ?**

2. Viết về trường học của em. Gợi ý :

- Trường em tên là gì, ở đâu ?
- Trường em có bao nhiêu học sinh, bao nhiêu lớp ?
- Lớp học của em như thế nào ? Có mấy bạn nam, mấy bạn nữ ?
- Các thầy giáo, cô giáo của em thế nào ?
- Em học những môn gì ? Em thích nhất môn nào ? Em không thích môn nào ?

### TỪ NGỮ MỚI

- |            |             |              |            |              |
|------------|-------------|--------------|------------|--------------|
| – âm nhạc  | – chuyển về | – hoá học    | – sinh học | – tốt nghiệp |
| – cả nước  | – có nhà    | – khó        | – suốt     | – trẻ        |
| – cảm cú   | – cửa sổ    | – khoan tay  | – tại sao  | – trung học  |
| – chắc     | – địa lý    | – kinh thành | – thư ký   | – ước mơ     |
| – chính tả | – đồ        | – lớn lên    | – thường   | – vẫn        |
| – chờ      | – giờ tay   | – ngữ văn    | – tiến sỹ  | – vật lý     |
| – chúng ta | – giờ học   | – ra đời     | – tiểu học |              |





## I - NÓI VỀ THỜI GIAN, THỜI TIẾT, TRƯỜNG HỌC, GIA ĐÌNH, NGHỀ NGHIỆP

### 1. Viết thêm từ cùng loại :

- a) phút, giờ, .....
- b) ngữ văn, hoá học, .....
- c) chú, cô, .....
- d) hôm qua, hôm nay, .....
- e) bác sỹ, diễn viên, .....
- g) mưa, gió, .....

### 2. Gạch chân từ không cùng loại :

- a) bút, sách, từ điển, đứng, bảng
- b) đọc, viết, vở, nghe, nói
- c) toán, tiếng Việt, lịch sử, vẽ, chơi
- d) núi, nắng, mưa, gió, bão
- e) nóng, lạnh, mây, ốm, mát







### 3. Đọc và trả lời câu hỏi.

## GỌI THAY CON

Bố Dung là con trai cả của ông bà nội. Mỗi lần nhà Dung có giỗ, họ hàng đến rất đông. Nhiều khi, Dung không biết gọi con của các cô, các chú thế nào. Thắng là con chú Bình, thím Hoà nhưng năm nay đã 29 tuổi, có vợ và hai con. Còn Dung mới 22 tuổi. Mẹ bảo Dung gọi Thắng bằng “chú”. Dung ngạc nhiên :

– Vậy, con gọi chú Bình bằng gì ?

Mẹ cười :

– Con gọi bằng “ông”. Gọi thay cho các con của em Thắng.



- Thắng là con chú của Dung. Vậy đúng ra Dung gọi Thắng bằng gì ?
- Vì sao Dung không gọi Thắng bằng “em” ?
- Dung có thể gọi Thắng bằng “anh” không ?
- Mẹ bảo Dung gọi Thắng bằng gì ?

**4. Điền các từ dưới đây vào chỗ trống thích hợp.**

***nhau, hôm nay, lần, viết, bao lâu***

Trên máy bay đến Việt Nam, hai hành khách nói chuyện với (1) .....

– Ông đến Việt Nam mấy (2) ..... rồi ?

– Đây là lần đầu tiên.

– Vì sao ông lại đến đó ?

– Tôi muốn (3) ..... một cuốn sách về Việt Nam.

– Ô, hay quá ! Ông sẽ ở lại đó (4) ..... ?

– 3 ngày thôi.

– Thế thì cuốn sách của ông có tên là gì ?

– “Việt Nam hôm qua, (5) ..... và ngày mai”.

**5. Sửa lỗi chính tả trong những câu sau :**

a) Cháu trào bác. Thưa bác, trị Dung có nhà không ạ ?

.....

b) Từ nhà trấu đến nhà thím Hoà di bằng ô tô phải mất 3 giờ.

.....

c) Con trú Bình và thím Hoà nằm việc ở bệnh viện Saint Paul.

.....

d) Thươ ông, da đình cháu sống ở Los Angeles.

.....

e) Cậu dối thiệu mình với Lan nhé. Mình rất muốn làm quen với bạn ấy.

.....

g) Seoul có phải là tú đô của Hàn Quốc không ?

.....



## II - MỘT SỐ QUY TẮC NGỮ PHÁP

1. Dùng kết cấu **vừa ... vừa ...**, viết lại những câu sau :

a) Sách là bạn và là thầy của chúng ta.

.....

b) Bánh này không ngon và đắt.

.....

c) Mình thích ăn sô-cô-la và thích ăn kẹo chanh.

.....

d) Em mình muốn học tiếng Pháp và muốn học tiếng Việt.

.....

2. Đặt câu hỏi với **à** để hoàn thành các hội thoại sau :

a) – ..... ?

– Vâng. Em lên lớp 7 rồi.

b) – ..... ?

– Không. Cậu ấy thích bóng đá.

c) – ..... ?

– Ủ. Đây là nước nóng.

d) – ..... ?

– Ủ. Tớ thích sô-cô-la lắm.

3. Đặt câu hỏi với **chứ** để hoàn thành các hội thoại sau :

a) – ..... ?

– Cảm ơn cậu. Hôm nay mình đã khoẻ hơn rồi.

b) – ..... ?

– Ủ. Mình sẽ đi với cậu.

c) – ..... ?

– Vâng. Con về muộn nhưng vẫn ăn cơm nhà.

d) – ..... ?

– Tiếc quá ! Con không đi thăm bác Huệ với ba má được. Ngày mai con đi học.

4. Dùng **đi** hoặc **với** để nêu mong muốn, đề nghị :

a) Các bạn rủ nhau đi chơi. Em muốn đi chơi với các bạn.

.....

b) Cô giáo đề nghị học sinh đọc bài.

c) Em muốn dùng máy tính của bố.

d) Bố muốn con đi ngủ sớm.

e) Em muốn dùng chung sách với bạn.

**5. Viết tiếp câu :**

a) Trong khi ở Hà Nội trời mưa .....

b) Trong khi tôi học tiếng Việt .....

c) Trong khi bố làm việc .....

d) Trong khi ông ngoại ngủ .....

e) Trong khi thầy giáo giảng bài .....

**6. Viết tiếp câu :**

a) Sau khi tan học, .....

b) Sau khi xem kịch, .....

c) Sau khi thăm bảo tàng, .....

d) Sau khi mưa, .....

**7. Thay cụm từ ***sau khi*** bằng ***trước khi*** và viết lại các câu ở bài tập 6.**

a) .....

b) .....

c) .....

d) .....

**8. Chuyển các câu sau thành câu hỏi theo mẫu.**

**M :** Phương gặp Lân. *⊗* Bao giờ Phương gặp Lân ?

a) Mai đến nhà bác Khanh. ....

b) Lân ra Phan Thiết. ....

c) Bảo tàng Mỹ thuật mua bức tranh ấy. ....

d) Nhà hát diễn vở kịch ấy. ....

**9. Chuyển các câu sau thành câu hỏi theo mẫu.**

**M :** Phương gặp Lân. *⊗* Phương gặp Lân bao giờ ?

a) Mai đến nhà bác Khanh. ....

b) Lân ra Phan Thiết. ....

c) Bảo tàng Mỹ thuật mua bức tranh ấy. ....

d) Nhà hát diễn vở kịch ấy. ....



**10. Hỏi – đáp với bạn theo các câu hỏi ở bài tập 8, 9.**

**11. Sắp xếp từ thành câu đúng :**

a) ngày / là / bao nhiêu / hôm nay ?

.....

b) nào / sinh nhật / chị / ngày / là ?

.....

c) trời / nắng / hôm nay / mưa / hay ?

.....

d) mưa đá / bao giờ / chưa / nhìn thấy / mẹ / đã ?

.....

e) bơi / đi / với / có / tôi / không / anh ?

.....

g) siêu thị / mẹ / với / con / cho / ơi / đi.

.....

**12. Viết tiếp câu :**

a) Nếu trời đẹp thì .....

b) Nếu bạn đến Đà Lạt thì .....

c) Nếu bạn tới vịnh Hạ Long thì.....

.....

d) Nếu con học giỏi thì .....

**13. Chữa câu sai :**

a) Hôm qua tôi và bạn tôi chơi bóng nhau.

.....

b) Tôi và bạn tôi tuổi bằng với nhau.

.....

c) Tôi và mẹ tôi giống với nhau.

.....

d) Trong lớp, tôi và Hoa hay mượn sách từ nhau.

.....

#### TỪ NGỮ MỚI

– bão    – diễn    – giỗ    – kẹo chanh    – mưa đá    – sinh nhật



## I - HỘI THOẠI

### MÙA HÈ XANH



Lân : – Phương giải thích giúp mình với : Chương trình “Mùa hè xanh” là gì ?

Phương : – Đó là chương trình làm việc tình nguyện của thanh niên Việt Nam. Vào mùa hè, nhiều thanh niên về nông thôn, lên miền núi để giúp đồng bào nghèo và những vùng chậm phát triển.

Lân : – Nhưng vì sao gọi là “Mùa hè xanh” ?

Phương : – Màu xanh là màu áo đồng phục của thanh niên tình nguyện.

Lân : – Phương đã bao giờ tham gia chương trình này chưa ?

Phương : – Rồi. Năm ngoái, hơn 100 học sinh trường của Phương về nông thôn. Chúng mình dạy các em nhỏ học, sửa nhà giúp các gia đình nghèo.

Lân : – Làm việc như thế có mệt không ?

Phương : – Mệt nhưng vui. Ai cũng nghĩ vậy.

Lân : – Mùa hè này nhờ Phương ghi tên giúp mình nhé !

Phương : – Được rồi, để Phương đăng ký giúp Lân.





**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Lân nhờ Phương giải thích điều gì ?
- b) Chương trình “Mùa hè xanh” là gì ?
- c) Vì sao gọi là “Mùa hè xanh” ?
- d) Năm ngoái, Phương làm gì trong chương trình “Mùa hè xanh” ?
- e) Lân nhờ Phương làm gì ?

**2. Phát âm :**

- sửa nhà giúp      – giải thích giúp      – chậm phát triển
- chương trình      – tình nguyện      – miền núi

**3. Chuyển đổi câu theo mẫu.**

**M :** Phương giải thích cho Lân.

**Ø** Phương giải thích giúp / giúp Lân.

a) Cháu lấy kính cho bà.

.....

b) Bố sửa xe cho mẹ.

.....

c) Hàng xóm gọi taxi cho tôi.

.....

d) Sinh viên sửa nhà cho người nghèo.

.....

**4. Đặt câu với *nhờ... giúp / giúp* theo mẫu.**

**M :** Tôi **nhờ** hàng xóm gọi taxi : “**Nhờ** chị gọi taxi giúp em.”

a) Ông nhờ cháu lấy cái kính :

“ ..... ”

b) Con nhờ bố gọi điện thoại cho cô giáo :

“ ..... ”

c) Cháu nhờ bà bật ti vi :

“ ..... ”

d) Mẹ nhờ thím đi mua cà chua :

“ ..... ”

e) Em nhờ anh kiểm tra bài tập :

“ ..... ”

**5. Điền động từ thích hợp vào chỗ trống :**

- a) Một cụ già xách một túi to đi trên đường. Một học sinh nhìn thấy, nói với cụ già :  
"Để cháu ..... túi giúp bà."
- b) Xe đạp của Lan bị hỏng. Lan không biết sửa thế nào. Long nói với Lan : "Để mình  
..... xe giúp cậu."
- c) Bác Cúc muốn phô tô một quyển sách nhưng không biết phô tô thế nào. Huệ nói :  
"Để cháu ..... quyển sách này giúp bác."
- d) Noriko mới học tiếng Việt nên không dịch được bài báo từ tiếng Việt sang tiếng Nhật. Kenji muốn giúp Noriko. Kenji nói : "Để tôi ..... bài báo này giúp chị".
- e) Mẹ bị ốm và không thể nấu cơm được. Con muốn giúp mẹ nấu cơm. Con nói với mẹ :  
"Để con ..... cơm giúp mẹ."

**6. Em nói thế nào khi muốn :**

- a) Giúp một em bé mặc áo.  
b) Giúp cô giáo lau bảng.  
c) Giúp bố rửa xe ô tô.  
d) Giúp ông mua báo.  
e) Giúp chú sơn cửa sổ.



**7. Thực hành nhóm.**

- a) Dùng kết cấu **nhờ... giúp...** để đề nghị người khác giúp mình.  
b) Dùng kết cấu **để... giúp...** để đề nghị giúp người khác.

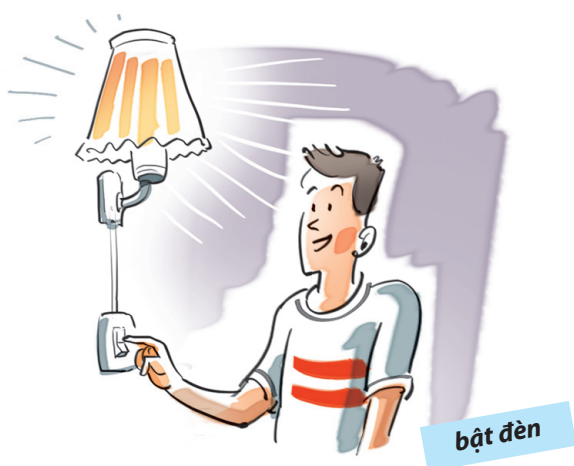


Gợi ý :

- đóng cửa / mở cửa / khoá cửa
- mua báo

- bật đèn / tắt đèn
- rửa bát đĩa

- đi chợ
- giặt quần áo,...



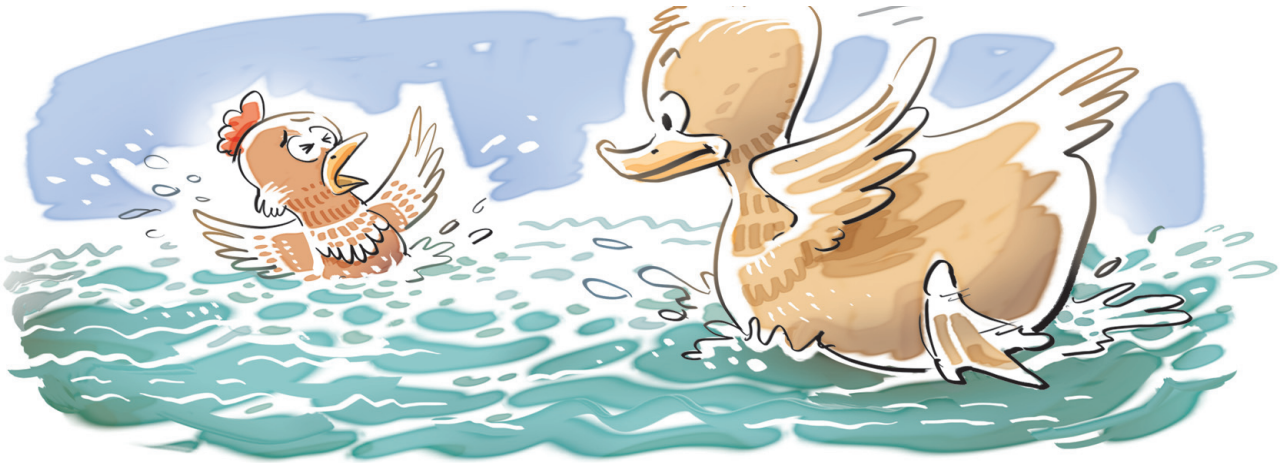
### 8. Làm các bài toán sau :

- Trong thư viện có 2000 quyển sách. Hôm qua thư viện mua thêm 300 quyển sách nữa. Bây giờ thư viện có bao nhiêu quyển sách ?
- Mẹ có 100 000 đồng. Mẹ mua một hộp sữa hết 56 000 đồng. Bây giờ mẹ còn bao nhiêu tiền ?
- Trong gia đình em, ông ngoại 73 tuổi, bà ngoại 67 tuổi, bố 37 tuổi, mẹ 35 tuổi, anh trai em 10 tuổi và em 7 tuổi. Tổng cộng số tuổi của gia đình em là bao nhiêu ?
- Hôm nay trường em trồng cây ở công viên. Mỗi học sinh trồng 2 cây. Trường em có 658 học sinh. Vậy trường em trồng được bao nhiêu cây ?
- Ông Tuấn là nhà văn. Một ngày ông ấy viết 3 trang sách. Một năm ông ấy viết được bao nhiêu trang sách ?

| MUỐN NGƯỜI KHÁC GIÚP MÌNH                          | MUỐN GIÚP NGƯỜI KHÁC                             |
|----------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>Nhờ... giúp...</b><br>– Nhờ anh mở cửa giúp em. | <b>Để... giúp...</b><br>– Để em mở cửa giúp anh. |

## II - LUYỆN NGHE

### TÔI CŨNG THỂ



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

- a) Đây là câu chuyện về một con gà và một con vịt.
- b) Con vịt luôn luôn đi theo con gà.
- c) Con vịt và con gà biết đẻ trứng.
- d) Con vịt thích nói "Tôi cũng thể."
- e) Con vịt bơi trong hồ.
- g) Con gà bơi rất nhanh.

ĐÚNG   SAI

|                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Điền các từ **ra, vào, lên, xuống** vào chỗ trống :

- a) Con vịt đi ..... vườn.
- b) Con gà đi ..... bếp.
- c) Con vịt nhảy ..... hồ.
- d) Con mèo trèo ..... cây.

3. Chuyển các câu sau theo mẫu.

**M :** Con vịt biết đẻ trứng. Con gà cũng biết đẻ trứng.

**Ø** Con vịt biết đẻ trứng. Con gà cũng **thể** / cũng **vậy**.

- a) Con vịt có cánh. Con gà cũng có cánh.

.....

- b) Con vịt đi ra vườn. Con gà cũng đi ra vườn.

.....

- c) Con vịt đi vào bếp. Con gà cũng đi vào bếp.

.....

- d) Con vịt nhảy xuống hồ. Con gà cũng nhảy xuống hồ.

.....

4. Kể lại câu chuyện **Tôi cũng thể**.

Con vịt có cánh.  
Con gà cũng thể / cũng vậy.



### III - LUYỆN ĐỌC

## LÀNG VIỆT NAM



Ở nông thôn Việt Nam, mọi người sống trong các làng. Một làng gồm nhiều xóm, một xóm gồm nhiều gia đình. Trong mỗi gia đình thường có nhiều thế hệ chung sống. Những người cùng làng có họ với nhau hoặc đã sống lâu năm với nhau. Vì vậy họ biết nhau rất rõ và luôn luôn quan tâm đến nhau. Một người gặp khó khăn, những người khác sẽ giúp đỡ ngay. Ban ngày, người ta làm việc ở ngoài đồng. Buổi tối, mọi người đến nhà nhau chơi, mời nhau uống nước chè xanh và nói chuyện vui vẻ. Vì vậy người Việt Nam có câu “tình làng nghĩa xóm”.

**1. Đọc bài *Làng Việt Nam*. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

a) Bài này nói về cuộc sống của người Việt ở đâu ?

- ☐ Ở nông thôn.
- ☐ Ở thành phố.
- ☐ Ở nước ngoài.

b) Làng và xóm khác nhau thế nào ?

- ☐ Làng nhỏ hơn xóm.
- ☐ Làng lớn hơn xóm.
- ☐ Làng bằng xóm.

c) Mỗi gia đình thường gồm mấy thế hệ chung sống với nhau ?

- ☐ Chỉ gồm một thế hệ.
- ☐ Chỉ gồm hai thế hệ.
- ☐ Gồm nhiều thế hệ.

d) Người cùng làng sống với nhau thế nào ?

- ☐ Biết rõ nhau và quan tâm đến nhau.
- ☐ Biết rõ nhau nhưng không quan tâm đến nhau.
- ☐ Không biết rõ nhau nhưng quan tâm đến nhau.

**2. Trả lời câu hỏi :**

a) Những người trong làng thường có quan hệ như thế nào với nhau ?

b) Những người trong làng quan tâm đến nhau như thế nào ?

c) Ban ngày mọi người trong làng làm gì ?

d) Buổi tối mọi người trong làng đến nhà nhau làm gì ?

**3. Phát âm :**

- |              |             |                       |
|--------------|-------------|-----------------------|
| – quan tâm   | – luôn luôn | – chè xanh            |
| – ngoài đồng | – uống nước | – tình làng nghĩa xóm |

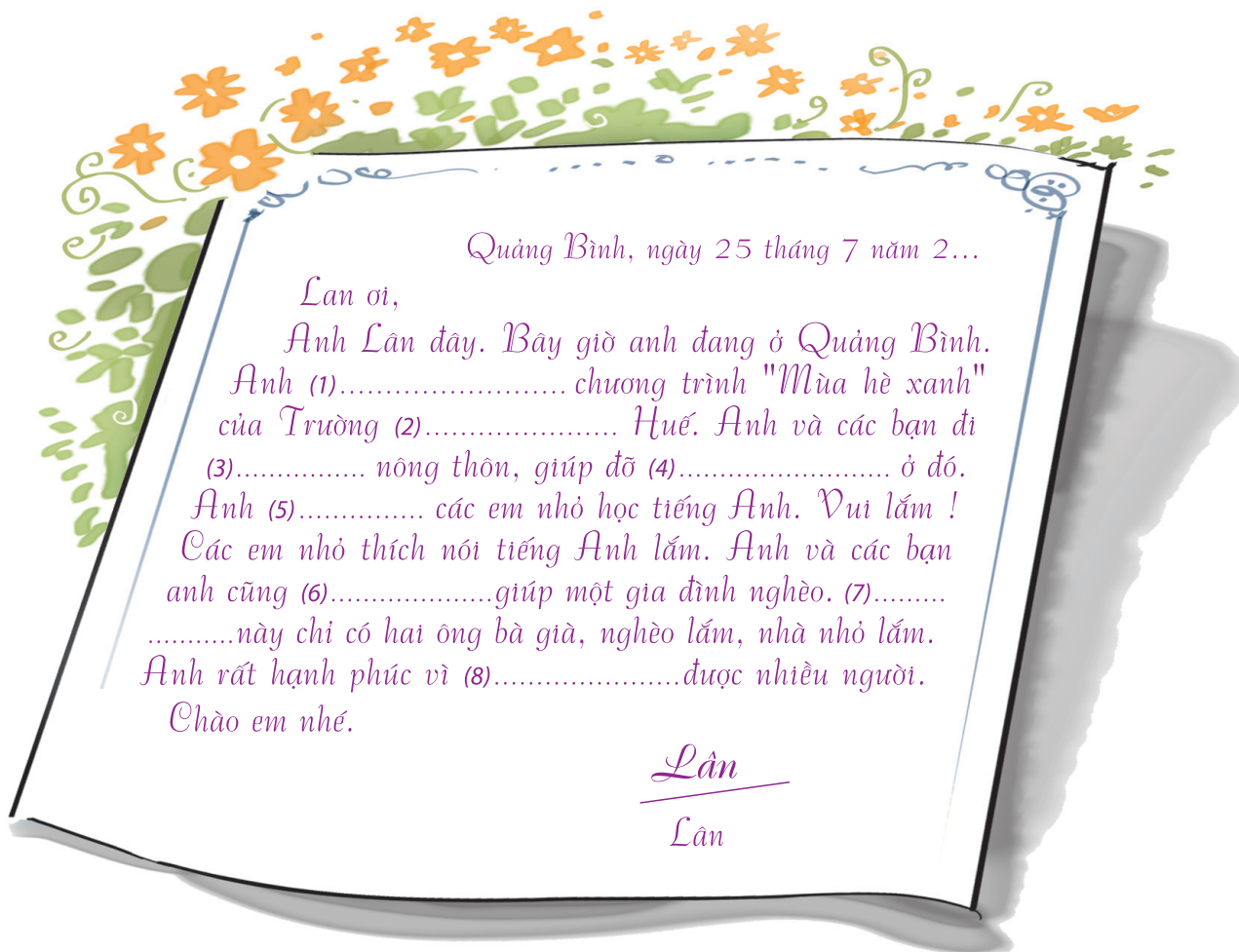


## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nghe – viết : Làng Việt Nam (từ đầu đến... quan tâm đến nhau.)

2. Điền các từ ngữ dưới đây vào chỗ trống thích hợp :

**đại học, giúp, về, sửa nhà, dạy, gia đình, tham gia, nông dân**



### TỪ NGỮ MỚI

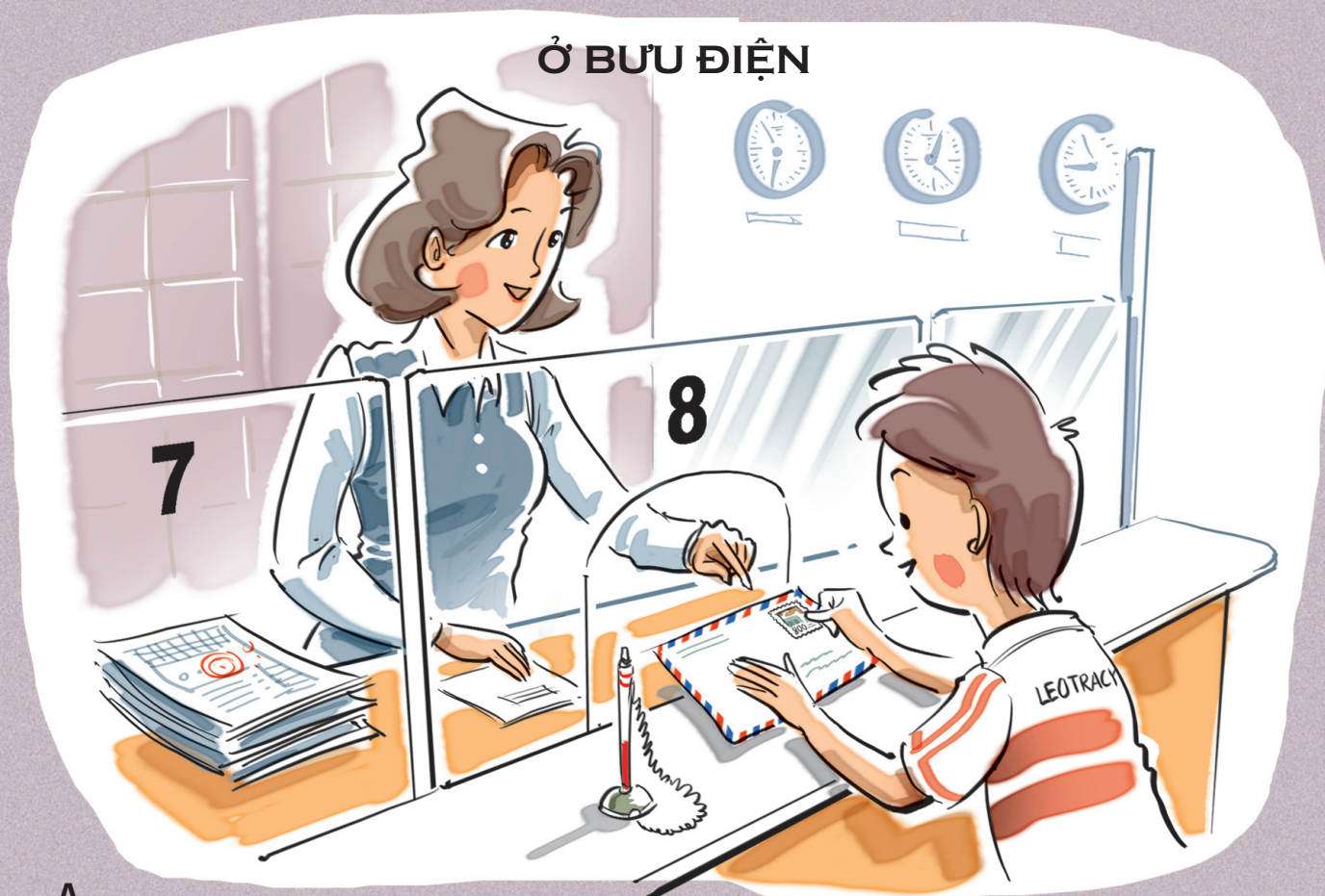
- |                |              |                |                |        |
|----------------|--------------|----------------|----------------|--------|
| – bảng         | – đăng ký    | – kiểm tra     | – phát triển   | – vịt  |
| – bát đĩa      | – để         | – làng         | – quan tâm     | – vườn |
| – bật (đèn)    | – đi theo    | – lau          | – sống lâu năm | – xách |
| – bếp          | – đóng cửa   | – luôn luôn    | – sơn          | – xóm  |
| – chậm         | – đồng       | – mặc (áo)     | – sửa          |        |
| – chè xanh     | – đồng bào   | – mở cửa       | – tắt          |        |
| – chung sống   | – đồng phục  | – ngay lập tức | – tham gia     |        |
| – chương trình | – giải thích | – nghèo        | – thanh niên   |        |
| – có họ        | – giùm       | – nghĩ vậy     | – thể hệ       |        |
| – công viên    | – hồng       | – nhảy         | – thư viện     |        |
| – cửa          | – kêu        | – nhờ          | – tình làng    |        |
| – cứu          | – khó khăn   | – như thế      | – nghĩa xóm    |        |
| – dịch         | – khoá cửa   | – nông thôn    | – tình nguyện  |        |





## I - HỘI THOẠI

### Ở BƯU ĐIỆN



#### A

Nam : – Cô bán cho cháu một cái tem.

Nhân viên bưu điện: – Tem thư trong nước 800 đồng một cái.

Nam : – Dán tem ở góc trên, bên phải của phong bì, đúng không cô ?

Nhân viên bưu điện: – Ừ. Nhưng trước khi gửi, hãy kiểm tra tên và địa chỉ người gửi, người nhận nhé ! Ấy, đừng viết bằng bút chì !

#### B

Ông Kỳ : – Cô à, cháu tôi ở Hải Phòng gửi cho tôi một bưu phẩm từ tuần trước, sao bây giờ tôi vẫn chưa nhận được ?

Nhân viên bưu điện: – Bác nói nhỏ hơn một chút được không ạ ?

Ông Kỳ : – Xin lỗi. Tôi điếc nên quen nói to. Cô xem, từ Hải Phòng đến Hà Nội bao xa ? 102km. Đi bằng ô tô mất bao lâu ? Chỉ hơn 2 tiếng đồng hồ. Thế mà 6 ngày rồi, tôi vẫn chưa nhận được. Tôi không hiểu bưu điện chuyển bưu phẩm bằng gì. Chắc là bằng con rùa.

Nhân viên bưu điện : – Bác ơi, bác hãy bình tĩnh. Cháu sẽ kiểm tra ngay bây giờ.





1. Đọc đoạn hội thoại A, trả lời câu hỏi :

- Nam mua tem để làm gì ?
- Nam cần dán tem ở chỗ nào trên phong bì ?
- Nhân viên bưu điện dặn Nam điều gì ?

2. Đọc đoạn hội thoại B, trả lời câu hỏi :

- Ông Kỳ phàn nàn điều gì ?

b) Từ Hải Phòng đến Hà Nội bao xa ?

Đi ô tô mất bao lâu ?

c) Nhân viên bưu điện hứa với ông Kỳ thế nào ?

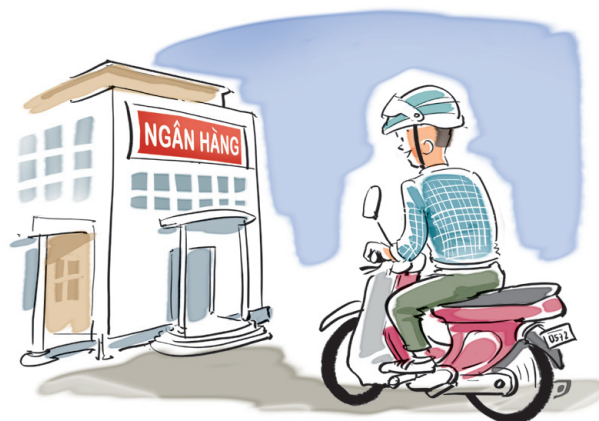
3. Phát âm :

- |                   |                 |
|-------------------|-----------------|
| – chuyển bưu phẩm | – bằng con rùa  |
| – góc bên phải    | – từ tuần trước |
| – bình tĩnh       | – phong bì      |

4. Xem tranh, hỏi và trả lời theo mẫu.



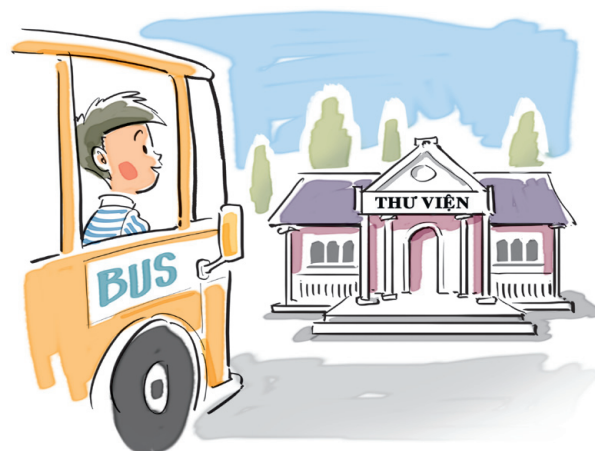
**M :** – Chị ấy đi Tiền Giang bằng gì ?  
– Chị ấy đi ô tô. / Chị ấy đi Tiền Giang bằng ô tô.



a) – ..... ?  
– ..... ?



b) – ..... ?  
– ..... ?



c) – ..... ?  
– ..... ?



d) – ..... ?  
– ..... ?



e) – ..... ?  
– ..... ?

5. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng :

a) Người Việt Nam ăn cơm bằng...

- ☐ thìa  
☐ đũa  
☐ dao, đĩa



b) Học sinh lớp 1 lúc đầu viết bằng...

- ☐ bút chì  
☐ bút bi  
☐ bút máy



c) Sinh viên Việt Nam thường đi học bằng...

- ☐ xích lô  
☐ tàu hoả  
☐ xe buýt



d) Khi chưa có máy giặt, mẹ em giặt quần áo bằng...

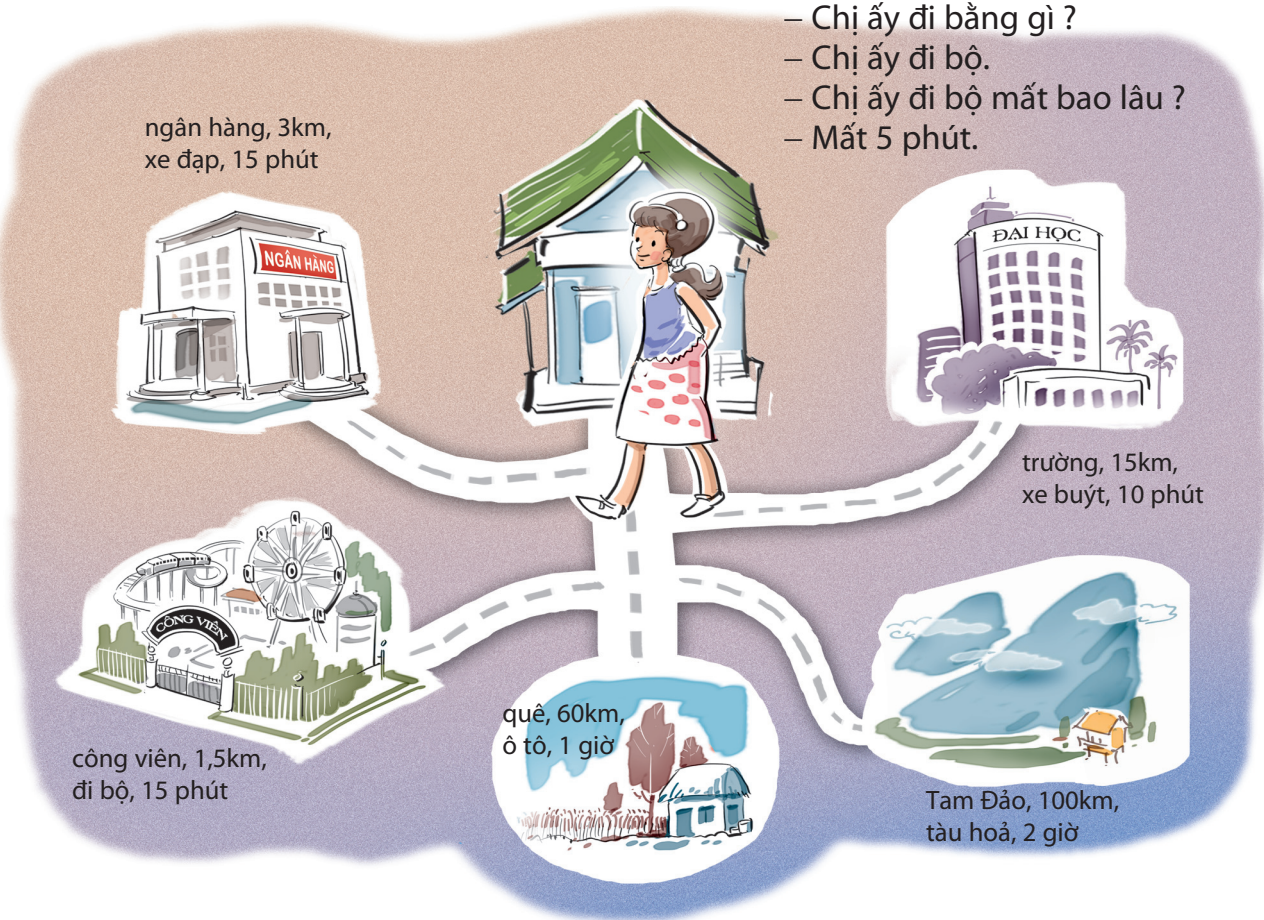
- ☐ tay  
☐ chân  
☐ tay và chân





**6. Nhìn bản đồ, hỏi – đáp theo mẫu.**

**M :** – Từ nhà chị An đến chợ bao xa ?  
 – 400m.  
 – Chị ấy đi bằng gì ?  
 – Chị ấy đi bộ.  
 – Chị ấy đi bộ mất bao lâu ?  
 – Mất 5 phút.



**7. Chuyển các câu sau thành câu cầu khiến theo mẫu.**

**M :** Em mở vở ra.  $\varnothing$  Em **hãy** mở vở ra !

- a) Em ngồi xuống. ....
- b) Em đứng dậy. ....
- c) Em viết vào vở. ....
- d) Em đọc bài này. ....

**8. Dùng từ **hãy** để tạo câu cầu khiến :**

- a) Thầy giáo muốn em đọc to từ mới. Thầy nói :  
 – .....
- b) Thầy giáo muốn em trả lời câu hỏi của thầy. Thầy nói :  
 – .....
- c) Thầy giáo muốn em nói chậm. Thầy nói :  
 – .....
- d) Thầy giáo muốn em chữa bài tập số 8. Thầy nói :  
 – .....
- e) Thầy giáo muốn em viết bằng bút bi. Thầy nói :  
 – .....

- 1. Từ Hải Phòng đến Hà Nội **bao xa** ?
- 2. Đi bằng ô tô mất **bao lâu** ?
- 3. Em **hãy** đi tàu hoả !

## II - LUYỆN NGHE

### BÀY SỐ ĐIỆN THOẠI CẦN NHỚ



**XE CẢNH SÁT - 113**



**XE CHỮA CHÁY - 114**



**XE CẤP CỨU - 115**



**1. Phát âm :**

- cảnh sát                      – chữa cháy
- cấp cứu                      – điện thoại
- hỏng                          – thông tin

**2. Nối các số điện thoại ở cột A với từ ngữ ở cột B :**

| A    |
|------|
| 113  |
| 114  |
| 115  |
| 116  |
| 117  |
| 119  |
| 1080 |

| B                   |
|---------------------|
| gọi xe cấp cứu      |
| hỏi số điện thoại   |
| gọi cảnh sát        |
| báo điện thoại hỏng |
| hỏi thông tin       |
| gọi xe chữa cháy    |
| hỏi giờ             |

**3. Trả lời câu hỏi :**

Ở nơi gia đình em đang sống :

- a) Nếu em muốn gọi cảnh sát, em gọi số điện thoại nào ?
- b) Nếu em cần gọi xe cấp cứu, em gọi số điện thoại nào ?
- c) Nếu em muốn gọi xe chữa cháy, em gọi số điện thoại nào ?



### III - LUYỆN ĐỌC

#### TEM THƯ

Ngày xưa, khi chưa có tem thư, người nhận thư phải trả tiền vận chuyển cho bưu điện. Nghe nói, có lần, một cô gái xinh đẹp ở nước Anh đã từ chối nhận thư vì có quá nhiều chàng trai gửi thư cho cô. Như vậy, bưu điện cũng không nhận được tiền công của mình.

Cuối những năm 30 của thế kỉ XVIII, ông Rowland Hill, người Anh, phát minh ra tem thư. Con tem đầu tiên được phát hành ngày 6 tháng 5 năm 1840. Nước Anh cũng là nước sử dụng tem thư đầu tiên trên thế giới.

Khi tem thư trở nên phổ biến toàn thế giới, nhiều người bắt đầu sưu tập tem. Quyển sưu tập tem đầu tiên ra đời năm 1860.

Theo WIKIPEDIA





**1. Đọc bài *Tem thư*, đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng**

- |                                                             | ĐÚNG                     | SAI                      |
|-------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) Trước thế kỉ XVIII chưa có tem thư.                      | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b) Khi chưa có tem thư, người ta không viết thư.            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c) Chiếc tem thư đầu tiên ra đời ở nước Anh.                | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d) Con tem đầu tiên được phát hành ngày 5 tháng 6 năm 1840. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

**2. Trả lời câu hỏi :**

- a) Trước khi có tem thư, ai phải trả tiền vận chuyển thư ?
- b) Ai phát minh ra tem thư ?
- c) Con tem được phát hành khi nào ?
- d) Nước nào sử dụng tem thư đầu tiên ?
- e) Quyển sưu tập tem đầu tiên ra đời khi nào ?

**3. Phát âm :**

- |              |            |            |
|--------------|------------|------------|
| – phát minh  | – phổ biến | – thế giới |
| – vận chuyển | – sử dụng  | – sưu tập  |

**4. Trả lời câu hỏi :**

- a) Vì sao cô gái trong bài đọc *Tem thư* từ chối nhận thư ?  
.....
- b) Vì sao có quá nhiều chàng trai gửi thư cho cô gái ?  
.....
- c) Vì sao bưu điện không nhận được tiền công chuyển thư ?  
.....

**5. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các câu sau :**

- a) Em đi học muộn vì .....
- b) Bố mẹ khen em vì .....
- c) Bưu phẩm đến chậm vì .....
- d) Ông cụ quen nói to vì .....

**1. Vì sao em thích dùng internet ?**

**2. Em thích dùng internet vì ở đó có rất nhiều thông tin.**



## IV - LUYỆN VIẾT

### 1. Nghe – viết :

### XE VÀ TÀU

Người Việt Nam gọi các phương tiện giao thông có bánh là “xe” : xe đạp, xe máy, xe buýt,... Các phương tiện giao thông đường thủy, đường không, đường sắt gọi là “tàu” : tàu thủy, tàu bay (máy bay), tàu hỏa,... Tàu hỏa, tàu điện có bánh nên còn gọi là xe hỏa (xe lửa), xe điện.

### 2. Điền dấu thanh cho đúng :

#### HÀ TIỆN

Một anh chàng hỏi nhân viên bưu điện :

– Thưa cô, người gửi điện báo không phải tra tiền cho chữ ký của mình, đúng không ạ ?

– Vâng. Ông chỉ phải tra tiền cho nội dung bức điện thôi. – Nhân viên bưu điện trả lời.

– Cô a, tôi noi tiếng Việt giỏi nhưng tôi là người da đỏ đấy. Tên của tôi buồn cười lắm. Tên tôi là : “Anh đèn ga lúc 8 giờ sáng chu nhât”. Tôi chỉ viết tên, còn nội dung bức điện thì để trông, em gái tôi sẽ hiểu.

NGUYỄN ANH sưu tầm



### 3. Viết từ 5 đến 7 câu về giao thông ở nơi gia đình em đang sinh sống.

Gợi ý :

- Em ở thành phố (hoặc làng) nào ?
- Thành phố (hoặc làng) ấy có lớn không ?
- Thành phố (hoặc làng) ấy có những loại tàu, xe nào ?
- Thành phố (hoặc làng) ấy có hay bị tắc đường không ?
- Em thích đi bằng gì ?

#### TỪ NGỮ MỚI

- |             |              |               |               |              |
|-------------|--------------|---------------|---------------|--------------|
| – bao lâu   | – chàng trai | – điện báo    | – nội dung    | – thể kỷ     |
| – bao xa    | – chữ ký     | – hà tiện     | – phản nản    | – thìa       |
| – bình tĩnh | – chữa       | – hầy         | – phát hành   | – thông tin  |
| – buồn cười | – chữa cháy  | – hứa         | – phát minh   | – tiền công  |
| – bút bi    | – con rùa    | – liên lạc    | – phổ biến    | – toàn       |
| – bút máy   | – dán        | – một chút    | – phương tiện | – từ chối    |
| – bưu điện  | – đĩa        | – nghe nói    | – sử dụng     | – vận chuyển |
| – bưu phẩm  | – để trống   | – người da đỏ | – sưu tập     | – xinh đẹp   |
| – cảnh sát  | – địa chỉ    | – người gửi   | – tàu bay     |              |
| – cấp cứu   | – điếc       | – người nhận  | – tem         |              |





## I - HỘI THOẠI

**600 000 ĐỒNG ĐƯỢC KHÔNG Ạ ?**



Người bán hàng : – Các em muốn mua gì ?

Lan : – Chúng em muốn mua một bộ bàn ghế.

Người bán hàng : – Cửa hàng chị có nhiều loại lắm, các em xem đi.

Phương : – Lan thấy bộ bàn ghế gỗ này thế nào ?

Lan : – Đẹp nhưng có vẻ hơi to đối với căn phòng của em.

Phương : – Thế còn bộ này thì sao ?

Lan : – Đẹp đấy. Nhưng em không biết nó là loại gỗ gì.

Phương : – Không phải gỗ đâu. Mây đấy. Em nên mua loại này, vừa rẻ vừa đẹp.

Lan : – Bao nhiêu tiền bộ bàn ghế này hả chị ?

Người bán hàng : – 750 000 đồng.

Phương : – Đắt quá ! 600 000 đồng được không ạ ?

Người bán hàng : – Không được đâu, em ạ.

Phương : – 650 000 đồng nhé ?

Người bán hàng : – Thôi được, chị bán mở hàng cho các em đấy.





**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Phương và Lan muốn mua gì ?
- b) Cửa hàng có những loại bàn ghế nào ?
- c) Tại sao Phương và Lan không mua bộ bàn ghế gỗ ?
- d) Người bán hàng nói giá bộ bàn ghế mây là bao nhiêu ?
- e) Phương và Lan làm thế nào để mua được bộ bàn ghế với giá thấp hơn ?

**2. Phát âm :**

- bộ bàn ghế                      – có vẻ
- loại gỗ                          – bán mở hàng

**3. Đóng vai Phương, Lan và người bán hàng, hỏi – đáp với bạn theo hội thoại trên.**

**4. Tìm và đọc lại những câu trong bài dùng để :**

- a) Đưa ra lời đề nghị.                      c) Hỏi giá.
- b) Đưa ra lời khuyên.                      d) Mặc cả.

**5. Đặt câu :**

- a) Khuyến bạn đi thăm Bảo tàng Mỹ thuật.

.....

- b) Khuyến bạn mua bức tranh lụa.

.....

- c) Khuyến anh trai mua áo cỡ nhỏ hơn.

.....

- d) Khuyến em gái mua giày số to hơn.

.....

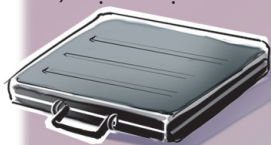
**6. Đóng vai người bán hàng và khách mua hàng, hỏi mua, mặc cả và bán các loại hàng dưới đây :**



a) điện thoại : **190 000đ/cái**



b) li thủy tinh : **105 000đ/bộ**



c) cặp : **295 000đ/chiếc**



d) radio cassette : **890 000đ/chiếc**

CÁC MẪU CÂU THƯỜNG DÙNG KHI MUA BÁN

**MẶC CẢ**

- Đắt quá ! 600 000 đồng được không ?
- Sao chị nói thách thế ?

**ĐÁP LẠI LỜI MẶC CẢ**

**Không đồng ý**

- Chị không nói thách đâu.
- Chị không bán mặc cả đâu. Chị bán đúng giá đấy.

**Đồng ý**

- Thôi được, bán rẻ cho em đấy.
- Thôi được, em lấy đi.

## II - LUYỆN NGHE

### CHIỀU KHÁCH



1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Câu chuyện diễn ra ở đâu ?

- ☐ Hiệu quần áo.
- ☐ Hiệu may.
- ☐ Hiệu sách.

b) Người khách muốn may gì ?

- ☐ May áo.
- ☐ May quần.
- ☐ May váy.

c) Người khách muốn chọn màu gì ?

- ☐ Màu xanh.
- ☐ Màu đỏ.
- ☐ Màu không bao giờ có.

d) Sau khi chủ hiệu nhận lời, người khách nói gì ?

- ☐ Ngày mai tôi đến lấy được không ?
- ☐ Khi nào tôi có thể đến lấy ?
- ☐ Chủ nhật tôi đến lấy nhé ?

e) Ông chủ hiệu nói gì ?

- ☐ Thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật, ngày nào cũng được.
- ☐ Ngoài thứ bảy và chủ nhật, ngày nào cũng được.
- ☐ Ngoài thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật, ngày nào cũng được.

2. Kể lại câu chuyện đã nghe.



### III - LUYỆN ĐỌC

#### CHỢ VÙNG CAO



Vùng cao là nơi sinh sống của các dân tộc thiểu số. Chợ vùng cao thường họp theo phiên. Người đi chợ mặc những bộ quần áo đẹp, trèo đèo lội suối, đi cả ngày, có khi mấy ngày. Họ đến chợ bằng ngựa hoặc bằng đôi chân của mình.

Ngoài sản vật địa phương, chợ còn có nhiều hàng hoá khác như dầu, muối, vải, giấy,... từ miền xuôi mang lên.

Chợ thường chỉ họp một ngày, nhưng nhiều người đến chợ từ chiều hôm trước để gặp bạn, múa hát, vui chơi. Họ múa hát từ chiều tới đêm, có khi suốt đêm. Chợ ở đây vừa là nơi mua bán, trao đổi hàng hoá vừa là nơi sinh hoạt văn hoá của cộng đồng.

Theo NON NƯỚC VIỆT NAM



1. Các câu sau đây đúng hay sai ? Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

- |                                                                          | ĐÚNG                     | SAI                      |
|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) Các dân tộc thiểu số Việt Nam thường sinh sống ở miền xuôi.           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b) Ở vùng cao, từ nhà đến chợ thường rất xa.                             | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c) Người vùng cao đi ngựa hoặc đi bộ đến chợ.                            | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d) Phiên chợ vùng cao không có dầu, muối, vải, giấy,...                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e) Người vùng cao đến phiên chợ để gặp nhau, vui chơi, múa hát với nhau. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Trả lời câu hỏi :

- Chợ vùng cao họp như thế nào ?
- Khi đi chợ, người vùng cao thường mặc thế nào ?
- Chợ vùng cao bán những gì ?
- Người vùng cao đến chợ từ chiều hôm trước để làm gì ?

3. Phát âm :

- |                     |                      |
|---------------------|----------------------|
| – dân tộc thiểu số  | – trao đổi hàng hoá  |
| – trèo đèo lội suối | – sản vật địa phương |

4. Đặt câu với những từ dưới đây theo mẫu.

**M** : họ, đi, nhà, chợ, bằng, ngựa

☞ Họ đi **từ** nhà **đến** (**tới**) chợ bằng ngựa.

a) chúng tôi, đi, Bến Bính, Cát Bà, bằng, tàu thuỷ

.....

b) chúng em, leo, chân núi, đỉnh núi, mất, ba, tiếng

.....

c) người, Bắc, Nam, đều, là, anh em, Việt Nam

.....

d) người dân, miền núi, miền xuôi, đều, yêu, quê hương

.....

5. Đặt câu với những từ dưới đây theo mẫu.

**M** : họ, múa hát, chiều, đêm

☞ Họ múa hát **từ** chiều **đến** (**tới**) đêm.

a) chúng em, đi chơi, sáng, chiều

.....

b) em, chờ, anh, sáng, trưa

.....

c) bảo tàng, mở cửa, 8 giờ, 18 giờ

.....

d) rạp, chiếu, phim, này, thứ hai, thứ sáu

.....

1. Họ đi từ nhà đến chợ bằng ngựa.

2. Họ múa hát từ chiều đến đêm.



## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nghe – viết : Chợ vùng cao (từ Vùng cao... đến... đôi chân của mình.)

2. Viết và đọc các số sau :

1000 : .....

150 000 : .....

200 000 : .....

250 000 : .....

500 500 : .....

600 000 : .....

650 000 : .....

800 000 : .....

900 000 : .....

975 550 : .....

3. Trả lời câu hỏi :

- Nơi gia đình em sống có chợ không ?
- Em thường mua sắm hàng hoá ở đâu ?
- Em đến đó bằng gì ?
- Em mua những gì ở đó ?
- Ở đó mọi người có vui chơi, múa hát không ?



### TỪ NGỮ MỚI

- |                    |                     |             |             |
|--------------------|---------------------|-------------|-------------|
| – bàn              | – đôi               | – muối      | – thuỷ tinh |
| – bộ               | – không bao giờ     | – mừng rỡ   | – trao đổi  |
| – có vẻ            | – giấy              | – ngựa      | – trèo      |
| – dân tộc thiểu số | – gỗ                | – nhận lời  | – vải       |
| – dầu              | – hiệu may          | – nói thách | – văn hoá   |
| – dưới xuôi        | – lợi               | – phiên     | – vùng cao  |
| – đắt quá          | – ly                | – sản vật   |             |
| – đèo (trèo đèo)   | – mặc cả            | – sinh sống |             |
| – địa phương       | – mây (bàn ghế mây) | – tuổi      |             |
| – đỉnh             | – mở hàng           | – thôi được |             |





## I - HỘI THOẠI

### CHỊ CHO EM MẶC THỬ NHÉ ?



Thợ may : – Em muốn may gì ?

Mai : – Em may áo dài.

Thợ may : – Em đã chọn được kiểu áo chưa ?

Mai : – Chưa. Chị có thể cho em một lời khuyên không ?

Thợ may : – Tất nhiên rồi. Em thấy kiểu này thế nào ? Đang mốt đấy.

Mai : – Cỡ bao nhiêu đấy, chị ? Chị cho em mặc thử nhé ? Không biết em mặc có vừa không ?

Thợ may : – Em thử đi. Cỡ trung bình đấy. Chị nghĩ kiểu này rất hợp với em.

Mai : – Chị may cho em kiểu này nhé.

Thợ may : – Em định chọn vải gì ?

Mai : – Chị có những loại vải gì ạ ?

Thợ may : – Ở đây có lụa, xa tanh, gấm.

Mai : – Em may áo lụa.

Thợ may : – Em chọn màu gì ?

Mai : – Em thích màu xanh. Chị có vải màu đó không ?

Thợ may : – Có đấy em ạ. Nào, ra đây chị đo cho em !





**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Mai muốn may gì ?
- b) Mai nhờ ai chọn kiểu áo cho mình ?
- c) Mai mặc thử áo cỡ nào ?
- d) Mai chọn vải gì, màu gì ?

**2. Phát âm :**

- kiểu áo                      – lời khuyên
- mặc thử                     – tất nhiên

**3. Đóng vai Mai và chị thợ may, hỏi – đáp theo bài hội thoại.**

**4. Tìm và chia các câu hỏi trong bài hội thoại trên thành 2 loại sau :**

- a) Câu hỏi dùng để hỏi.
- b) Câu hỏi dùng để nêu đề nghị.

**5. Trả lời câu hỏi :**

- a) – Em có áo dài chưa ?  
– .....
- b) – Em có anh trai không ?  
– .....
- c) – Nhà em có mấy người ?  
– .....
- d) – Thành phố nào có sông Hương, núi Ngự ?  
– .....

**6. Trả lời các câu hỏi dưới đây theo mẫu.**

**M :** – Ở đây có lụa không ?

**Ø** – Có. Ở đây có lụa.

- a) – Ở phố này có phở gà không ?  
– .....
- b) – Ở gần Hồ Gươm có hiệu may không ?  
– .....

c) – Trong nhà em có bàn ghế mây không ?

– .....

d) – Ngoài phố có xe buýt không ?

– .....

**7. Trả lời câu hỏi theo mẫu.**

**M :** – Em đã chọn được kiểu áo chưa ?

**Ø** – Rồi. Em đã chọn được rồi.

a) – Em đã gặp được anh Lân chưa ?

– .....

b) – Chị đã may được áo dài chưa ?

– .....

c) – Bạn đã biết nói tiếng Việt chưa ?

– .....

d) – Em đã đến chợ Bến Thành chưa ?

– .....

**8. Đặt câu hỏi để :**

a) Mượn bạn một quyển sách.

.....

b) Nhờ bạn dẫn em đến hiệu may.

.....

c) Đề nghị người bán hàng cho xem một đôi giày.

.....

d) Mời mẹ đi xem phim với em.

.....

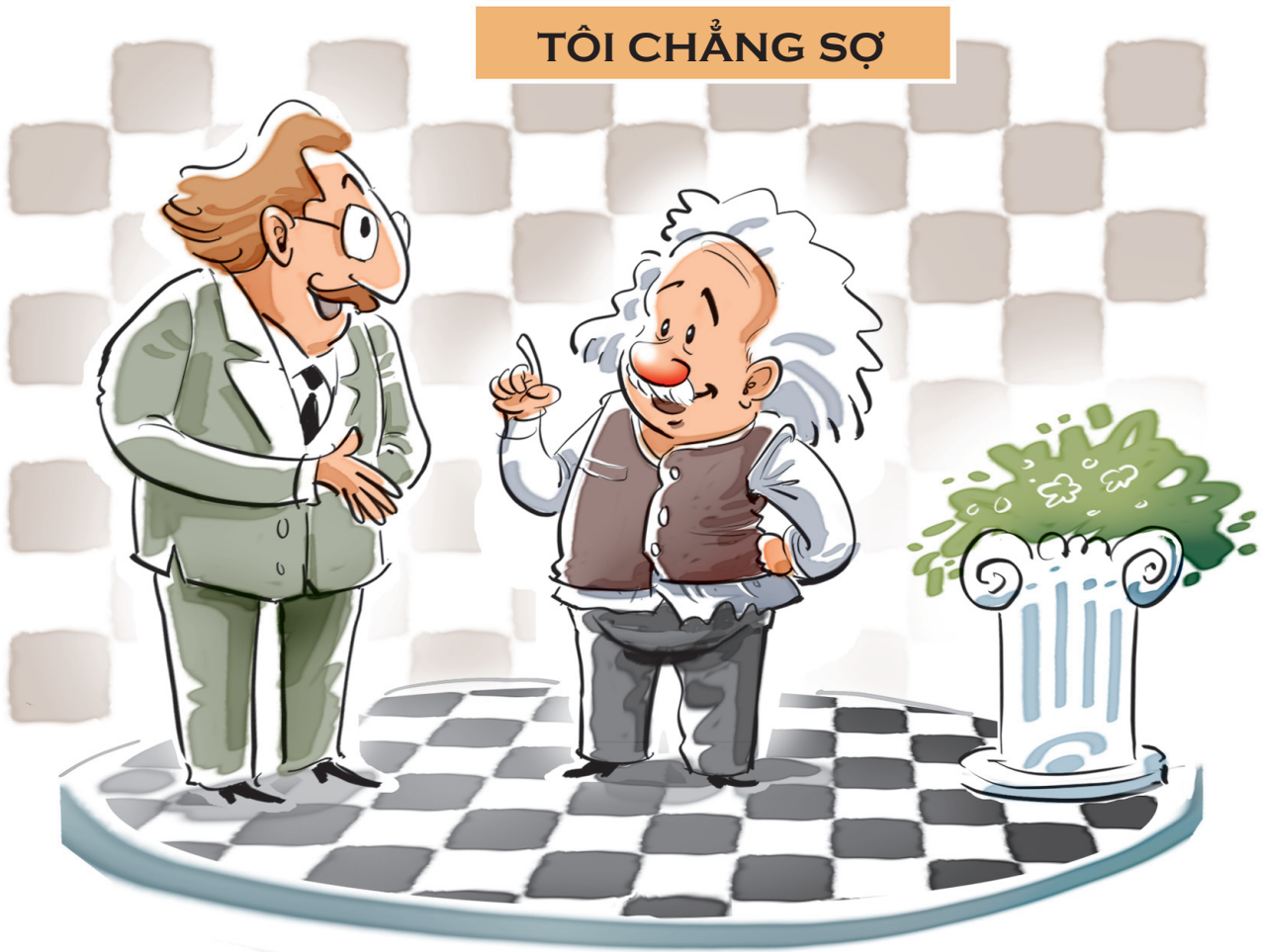
**1. Chị đã may được áo.**

**2. (Ở) hiệu may có lụa.**

**3. Chị cho em mặc thử nhé ?**

## II - LUYỆN NGHE

### TÔI CHẴNG SỢ



1. Các câu sau đây đúng hay sai ? Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

|                                                                                     | ĐÚNG                     | SAI                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) Khi còn trẻ, Einstein ăn mặc rất luộm thuộm.                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b) Người bạn chê cười ông.                                                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c) Người bạn khuyên ông đừng ăn mặc luộm thuộm.                                     | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d) Khi đã trở thành người nổi tiếng, Einstein ăn mặc rất đẹp.                       | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e) Einstein nói rằng mọi người đều biết ông là ai nên ông chẳng sợ ai chê cười nữa. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

2. Trả lời câu hỏi :

- a) Khi Einstein còn trẻ, người bạn nói với ông thế nào ?
- b) Einstein trả lời thế nào ?
- c) Khi Einstein đã trở thành nổi tiếng, người bạn nói với ông thế nào ?
- d) Einstein đáp thế nào ?

3. Kể lại câu chuyện đã nghe.



### III - LUYỆN ĐỌC

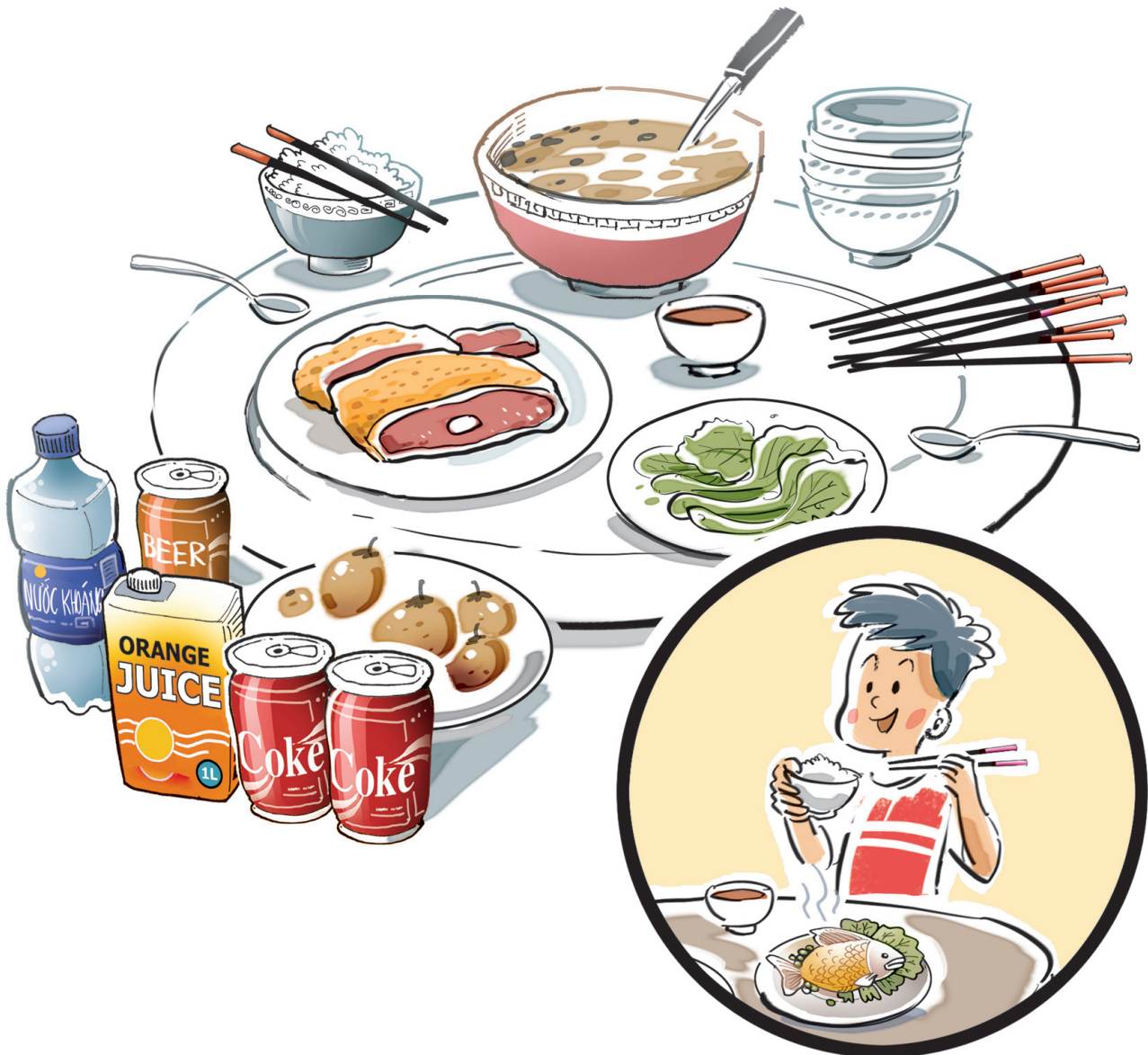
## PHONG TỤC ĂN UỐNG

Người Việt Nam thường dùng đũa và bát trong bữa ăn. Khi ăn, mọi người cầm bát trên tay. Nếu bạn để bát cơm trên bàn trong khi ăn, người ta sẽ cho rằng bạn lười biếng đấy.

Thức ăn được bày trên đĩa, bát ở giữa mâm hoặc bàn để mọi người có thể lấy được. Khi giỗ tết hay có khách, người Việt Nam thường làm rất nhiều thức ăn. Chủ nhà thường gấp thức ăn cho khách để tỏ lòng mến khách.

Người Việt Nam hay ăn món luộc và dùng nước chấm. Trong bữa ăn, người ta có thể uống rượu, bia, nước ngọt, nước khoáng,... nhưng bình thường thì ít dùng đồ uống.

Sau bữa ăn, mọi người ăn hoa quả tráng miệng và uống trà.



**1. Điền vào chỗ trống từ ngữ thích hợp :**

- a) Thức ăn của người Việt Nam bày .....
- b) Bạn không nên để ..... trên bàn khi ăn vì điều đó thể hiện sự lười biếng.
- c) Khi giỗ tết hay có khách, người Việt Nam thường .....
- d) Khi khách đến nhà ăn cơm, chủ nhà thường .....

**2. Phong tục ăn uống của người Việt Nam có gì đặc biệt ? Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

- |                                               | ĐÚNG                     | SAI                      |
|-----------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| a) Ăn bằng đũa.                               | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| b) Ăn bằng dao, dĩa.                          | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| c) Thức ăn bày trên bàn để mọi người tự lấy.  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| d) Thức ăn chia vào đĩa riêng cho từng người. | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| e) Không ăn món luộc, không dùng nước chấm.   | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| g) Hay ăn món luộc và dùng nước chấm.         | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| h) Vừa ăn vừa uống.                           | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| i) Ít khi vừa ăn vừa uống.                    | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

**3. Phát âm :**

- |            |               |
|------------|---------------|
| – dùng đũa | – mển khách   |
| – giữa mâm | – tráng miệng |
| – hoa quả  | – lười biếng  |

**4. Trả lời câu hỏi theo mẫu.**

**M :** Chủ nhà gấp thức ăn cho khách để làm gì ?

Ø Chủ nhà gấp thức ăn cho khách để tỏ lòng mến khách.

a) Thức ăn được bày ở giữa mâm hoặc bàn để làm gì ?

.....

.....

b) Người vùng cao đến chợ phiên từ chiều hôm trước để làm gì ?

.....

.....

c) Mai đến hiệu may để làm gì ?

.....

.....

d) Em học tiếng Việt để làm gì ?

.....



**5. Hoàn thành các câu dưới đây theo mẫu.**

**M : Nếu** bạn để bát cơm trên bàn trong khi ăn, người ta sẽ cho rằng bạn lười biếng đấy.

a) Nếu trời mưa, .....

b) Nếu nhà có khách, .....

c) Nếu bạn muốn may áo dài, .....

d) Nếu bạn thích quyển sách này, .....

**Em học tiếng Việt để viết thư thăm ông bà.**

## IV - LUYỆN VIẾT

**1. Nghe – viết :** Phong tục ăn uống (từ Thức ăn... đến... tỏ lòng mến khách.)

**2. Chọn một trong hai đề bài sau :**

a) Viết một đoạn đối thoại giữa khách hàng với thợ may.

b) Viết một đoạn đối thoại giữa khách hàng với người bán hàng ăn.

### TỪ NGỮ MỚI

|            |              |               |               |
|------------|--------------|---------------|---------------|
| – ăn mặc   | – giỗ tết    | – mọi         | – tất nhiên   |
| – bày      | – hợp        | – món luộc    | – thử         |
| – chẳng    | – kiểu       | – mốt         | – thức ăn     |
| – chê cười | – lời khuyên | – mượn        | – tỏ lòng     |
| – chia     | – luộc       | – nước chấm   | – trà         |
| – dùng     | – luộc luộc  | – nước khoáng | – tráng miệng |
| – để (đặt) | – lười biếng | – nước ngọt   | – trung bình  |
| – đo       | – may        | – phong tục   | – xa tanh     |
| – gấp      | – mâm        | – riêng       |               |
| – gấm      | – mền khách  | – sợ gì       |               |



## I - NÓI VỀ CỘNG ĐỒNG, GIAO THÔNG - LIÊN LẠC

1. Tên nơi đó là gì ? Đánh dấu ✓ vào ☐ trước ý trả lời đúng.

a) Đó là nơi rất cao :

- ☐ Nông thôn
- ☐ Miền núi
- ☐ Miền biển

b) Đó là nơi người nông dân sống :

- ☐ Làng
- ☐ Phố
- ☐ Trường

c) Đó là nơi người nông dân làm việc :

- ☐ Nhà máy
- ☐ Công ty
- ☐ Đồng ruộng

d) Đó là nơi các sinh viên thường đến làm việc tình nguyện trong "Mùa hè xanh" :

- ☐ Trường đại học
- ☐ Nhà máy
- ☐ Nông thôn

2. Gọi tên các vật trong tranh dưới đây và xếp vào 2 nhóm :



| A<br>(GIAO THÔNG) | B<br>(LIÊN LẠC) |
|-------------------|-----------------|
| .....             | .....           |
| .....             | .....           |
| .....             | .....           |





### 3. Đọc và trả lời câu hỏi.

## MÁY BAY



- Chiếc máy bay đầu tiên được chế tạo tại Ohio, nước Mỹ năm 1902. Tác giả của nó là hai anh em Orville Wright và Wilbur Wright. Chiếc máy bay này chỉ bay được 37m.
- Concorde là chiếc máy bay hành khách bay nhanh nhất. Nó có thể bay với tốc độ 2333 km/ giờ và bay từ New York đến London chỉ mất khoảng 3 giờ.
- Chiếc máy bay đầu tiên bay nhanh hơn vận tốc âm thanh là chiếc Bell X-1. Năm 1947, nó bay với tốc độ 1078km/ giờ.

Theo 1000 KIẾN THỨC KÌ THÚ CHO MỌI NGƯỜI

Trả lời câu hỏi :

- a) Chiếc máy bay đầu tiên ra đời khi nào ?
- b) Ai là người chế tạo chiếc máy bay đầu tiên ?
- c) Chiếc máy bay đầu tiên bay được bao xa ?
- d) Máy bay nào bay nhanh nhất ? Nó bay từ New York đến London mất bao lâu ?
- e) Máy bay Bell X-1 bay trong 3 giờ được bao nhiêu km ?

## II - NÓI VỀ MUA SẴM

1. Bạn sẽ nói thế nào khi muốn :

- a) Nhờ một người quen đưa bạn đi mua sắm.
- b) Bảo người bán hàng cho bạn xem cái nón.
- c) Hỏi giá tiền một bộ quần áo.
- d) Mặc cả để mua bộ quần áo với giá thấp hơn.

2. Điền từ ngữ thích hợp vào chỗ trống để hoàn thành các hội thoại sau :

a) – Bác ơi, (1) ..... một bộ ấm chén ?

– 70 000 đồng cháu ạ.

– (2) ..... 60 000 đồng thôi bác nhé.

– Không được đâu. Cửa hàng bác không bán

(3) ..... đâu.



b) – Cô ơi, (1) ..... cái đèn bàn kia.

– Cháu muốn xem cái nào ?

– (2) .....

– Đây. Cháu cứ xem đi.

– (3) .....

– 120 000 đồng.

– Sao cô nói (4) ..... 100 000 đồng

(5) ..... ?

– Thôi được (6) .....

– Cô cho cháu lấy cái màu xanh lá cây.

– Đây. Cảm ơn cháu.

– Cảm ơn cô.





### III - NÓI VỀ TRANG PHỤC

1. Xem tranh và điền số thích hợp vào chỗ trống :



- |                        |                     |                        |                        |
|------------------------|---------------------|------------------------|------------------------|
| .... com-plê dạ nam    | .... ca vát         | .... blu-dông          | ..... áo phông cổ tròn |
| .... áo len cao cổ     | .... com-plê len nữ | .... quần dài          | ..... váy ngắn         |
| .... sơ mi nam dài tay | .... váy đầm        | .... mũ vải            | ..... tất len          |
| .... quần áo thể thao  | .... quần bò        | .... sơ mi nữ ngắn tay | ..... quần soóc        |

2. Chọn từ trong ngoặc đơn thích hợp với danh từ :

- (quàng, đi, mặc, đeo, đội) áo, quần
- (quàng, đi, mặc, đeo, đội) khăn
- (quàng, đi, mặc, đeo, đội) cà vạt
- (quàng, đi, mặc, đeo, đội) mũ, nón
- (quàng, đi, mặc, đeo, đội) tất, găng tay
- (quàng, đi, mặc, đeo, đội) kính, đồng hồ



3. Thêm vào bảng dưới đây những từ cùng nhóm :

| Quần áo             | Chất liệu  | Kiểu dáng           | Màu sắc       | Đồ vật khác    |
|---------------------|------------|---------------------|---------------|----------------|
| áo sơ mi<br>quần bò | vải<br>len | dài tay<br>ngắn tay | xanh<br>trắng | cà vạt<br>kính |
| .....               | .....      | .....               | .....         | .....          |
| .....               | .....      | .....               | .....         | .....          |
| .....               | .....      | .....               | .....         | .....          |
| .....               | .....      | .....               | .....         | .....          |
| .....               | .....      | .....               | .....         | .....          |

4. Bạn sẽ nói thế nào khi muốn :

- Nhờ chị gái bạn giúp bạn chọn một bộ quần áo để đi chơi.
- Hỏi người bán hàng về cỡ của chiếc quần bạn định mua.
- Hỏi người bán hàng có loại vải mà bạn muốn tìm hay không.

5. Nhìn tranh và điền ký hiệu thích hợp vào chỗ trống :

- ..... : cỡ rất lớn
- ..... : cỡ lớn
- ..... : cỡ trung bình
- ..... : cỡ bé
- ..... : cỡ rất bé





## IV - NÓI VỀ MÓN ĂN VIỆT NAM

1. Đọc thực đơn dưới đây :



2. Đóng vai nhân viên nhà hàng và khách ăn, hỏi và gọi món ăn trong thực đơn ở bài tập 1.

3. Viết một đoạn văn ngắn nói về một món ăn mình yêu thích.

## V - MỘT SỐ QUY TẮC NGŨ PHÁP

1. Xem tranh và cho biết những bạn này đang làm gì giúp bố mẹ, ông bà.

a)



M : Sơn rửa xe giúp bố.

b)



c)



d)



e)



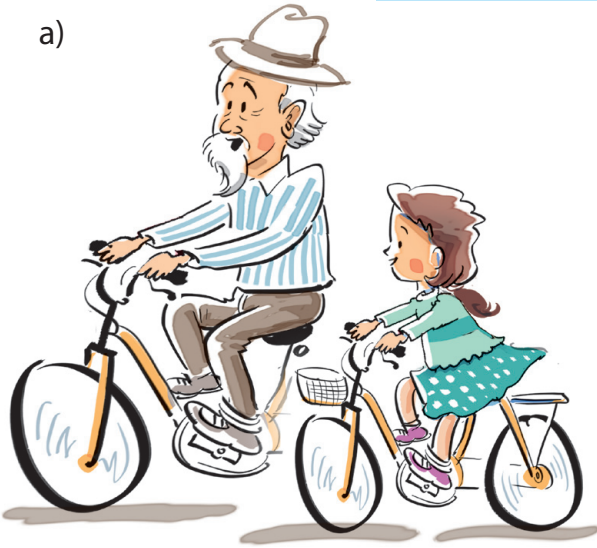


2. Đặt câu nói về nội dung các tranh dưới đây theo mẫu.

**M** : Con vịt đẻ trứng. Con gà **cũng thế / cũng vậy**.

**ông – cháu**

a)



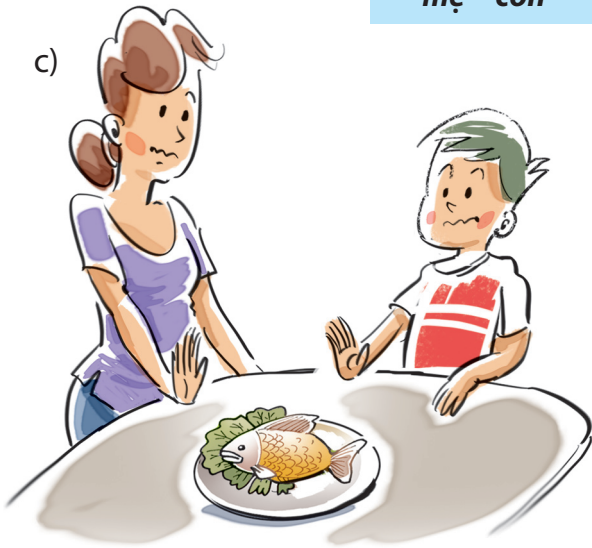
**bố – con**

b)



**mẹ – con**

c)



**anh – em**

d)



3. Điền **ra, vào, lên, xuống, về** vào chỗ trống.

- Mẹ đi từ ngoài nhà ..... bếp.
- Ông ngoại đi từ trong nhà ..... vườn.
- Bà nội đi từ trên đê ..... ruộng.
- Bi sống ở thành phố. Mùa hè, em đi ..... quê để thăm ông bà.

- e) Con mèo đang trèo ..... cửa sổ.
- g) Mọi người nhìn ..... trời để ngắm trăng.
- h) Con vịt nhảy ..... hồ.
- i) Từ Nha Trang, bố đi ..... Phan Thiết.
- k) Từ Nghệ An, mẹ đi ..... Hà Nội.

**4. Hoàn thành các câu sau :**

- a) Hoạ sỹ vẽ tranh bằng .....
- b) Học sinh lớp 1 tập viết bằng .....
- c) Hằng ngày, em đi học bằng .....
- d) Mẹ đi làm bằng .....
- e) Bố đi làm bằng .....
- g) Mùa hè gia đình em đi du lịch bằng .....
- h) Người Việt thường ăn cơm bằng .....
- i) Em bé 2 tuổi. Em bé ăn xúp bằng .....

**5. Điền *bao lâu, bao xa, bao nhiêu, bằng gì* vào chỗ trống :**

- a) – Từ nhà anh đến trường học ..... ?  
– 2km.
- b) – Bố em đi nước ngoài ..... rồi ?  
– 3 năm rồi.
- c) – Cầu thủ đá bóng ..... ?  
– Bằng chân.
- d) – Từ nhà chị đến trường học đi bộ mất ..... ?  
– Mất 25 phút.
- e) – Chị biết không, hôm qua em đọc hết quyển *Harry Potter* 300 trang.  
– Thế à ? Em đọc quyển đó mất ..... ?  
– 3 ngày.
- g) – Bà cắt bánh ..... ?  
– Bằng dao.
- h) – Cô ơi, 3 phong bì và 5 tem giá ..... ?  
– 4300 đồng.



**6. Chữa câu sai :**

- a) Buổi sáng, bà ra chợ bằng đi bộ.
- b) – Mẹ ơi, mẹ nấu món ăn này mất bao nhiêu ?  
– Mất 2 tiếng con ạ.
- c) Khi gửi thư, em cần dán tem xuống phong bì.
- d) – Từ Hà Nội vào Huế mất bao xa ?  
– Khoảng 700km.
- e) Chú đi xuống miền núi, bác đi lên miền biển.

**7. Thêm *hãy, đi, với* vào các câu sau cho phù hợp :**

- a) Cam ngon lắm, con ăn ..... !
- b) Các em (1) ..... ngồi xuống. (2) ..... mở sách ra !
- c) – Em đang làm gì đấy ?  
– Em xem phim hoạt hình.  
– Hay quá. Cho chị xem ..... !
- d) – A lô !  
– Chị Hương à ? Em là Mai, cho em gặp Hồng (1) ..... !  
– Ai đấy ?  
– Em là Mai, bạn Hồng.  
– Ai đấy ? Tôi không nghe rõ. (2) ..... nói to lên một chút !
- e) – Tôi muốn gửi thư. Tôi cần làm gì ?  
– (1) ..... dán tem vào góc trên, bên phải phong bì. (2) ..... viết tên và địa chỉ người nhận, người gửi. Sau đó, (3) ..... cho thư vào hòm thư ở bưu điện.

**TỪ NGỮ MỚI**

|                   |                     |            |            |
|-------------------|---------------------|------------|------------|
| – âm thanh        | – dạ (len)          | – ngô non  | – trắng    |
| – ẩm chén         | – dưa chuột         | – nộm      | – váy đầm  |
| – blu-dông        | – đê                | – phở xào  | – váy ngắn |
| – bò sốt tiêu đen | – hành khách        | – quần dài | – vận tốc  |
| – cà vạt          | – hoa               | – sữa chua | – xúp      |
| – cam             | – len               | – tác giả  |            |
| – chế tạo         | – lươn              | – tắt      |            |
| – com-plê         | – mất (mất 3 tiếng) | – tốc độ   |            |



## I - HỘI THOẠI

### CẬU ĐỜ MỆT CHƯA ?



Sơn : – Cậu đỡ mệt chưa ?

Tuấn : – Tốt khỏe hơn rồi. Sáng nay, bác sỹ vừa khám lại. Cậu đến đây một mình à ?

Sơn : – Không, tớ đi cùng cô Nga. Cô đang nói chuyện với bác sỹ. Đây, cô vào rồi !

Cô Nga : – Thế nào ? Đã đỡ chưa, em ?

Tuấn : – Em chào cô. Cảm ơn cô, em khá lên rồi ạ.

Cô Nga : – Em gầy đi đấy.

Sơn : – Cậu có ăn được không ?

Tuấn : – Tớ chỉ uống sữa và ăn cháo.

Cô Nga : – Bác sỹ nói là em sẽ phục hồi nhanh.

Tuấn : – Thế thì tốt quá !

Sơn : – Sau khi ra viện, cậu lại đi tập bóng nhé !

Cô Nga : – Bạn ấy phải kiêng một thời gian.

Sơn : – Thế ạ ? Chúng em sẽ phải sắp xếp lại đội bóng.

Cô Nga : – Thôi, cố gắng điều trị nhé ! Khi nào rảnh, cô lại vào.

Tuấn : – Vâng, em cảm ơn cô. Em chào cô ạ ! Chào Sơn nhé !





**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Có mấy người nói chuyện với nhau ? Đó là những ai ?
- b) Những người đó nói chuyện với nhau ở đâu ?
- c) Ai bị ốm ?
- d) Người đó ốm có nặng không ?

**2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

- a) Cô Nga là cô của Tuấn và Sơn.
- b) Cô Nga là cô giáo của Tuấn và Sơn.
- c) Sơn và Tuấn là bạn học cùng lớp.
- d) Sơn đến thăm Tuấn một mình.
- e) Tuấn đã đỡ nhưng vẫn chưa ăn được cơm.
- g) Tuấn phải kiêng vận động một thời gian.

ĐÚNG SAI

|                          |                          |
|--------------------------|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

**3. Phát âm :**

- |              |            |
|--------------|------------|
| – hai ngày   | – phục hồi |
| – khám lại   | – uống sữa |
| – phải kiêng | – rảnh     |

**4. Dùng kết cấu **đỡ + tính từ + hơn**, chuyển đổi các câu sau theo mẫu.**

**M :** Hôm nay trời mát hơn hôm qua.

☉ Hôm nay trời **đỡ** nóng **hơn** hôm qua.

- a) Tuần này trời ấm hơn tuần trước.

.....

- b) Năm nay mẹ tôi khoẻ hơn năm ngoái.

.....

- c) Dạo này chị ấy có vẻ béo ra.

.....

- d) Ở đây sáng hơn ở khu chợ.

.....

- e) Khi đi dạo trong công viên, họ thấy vui hơn một chút.

.....

**5. Chuyển đổi các câu dưới đây theo mẫu.**

**M :** Hôm qua, trời mưa. Sáng nay, trời mưa lần nữa.

☒ Sáng nay, trời **lại** mưa.

a) Hôm trước, Sơn đi học muộn. Hôm nay, Sơn vẫn đi muộn.

.....

b) Tháng trước, Tuấn đã phải vào bệnh viện. Hôm nay, Tuấn ốm, phải vào bệnh viện lần nữa.

.....

c) Hôm qua, Hoa quên trả Hà quyển sách. Hôm nay, Hoa vẫn quên trả quyển sách ấy.

.....

d) Hôm qua, Lân đã gặp Phương. Sáng nay, Lân vẫn gặp Phương ở ngoài đường.

.....

**6. Chuyển đổi các câu cho dưới đây theo mẫu.**

**M :** Hôm qua, bác sỹ đã khám bệnh cho Tuấn.

Sáng nay, bác sỹ khám cho Tuấn lần nữa.

☒ Sáng nay, bác sỹ **lại** khám cho Tuấn.

☒ Sáng nay, bác sỹ khám **lại** cho Tuấn.

a) Hôm qua, Lân đã gặp Phương. Hôm nay, Lân gặp Phương một lần nữa để hỏi thêm một việc.

.....

.....

.....

b) Cô Nga đến bệnh viện thăm Tuấn. Cô bảo khi nào cô rảnh, cô sẽ đến thăm Tuấn lần nữa.

.....

.....

c) Trước đây, Hoa đã mượn Hà quyển sách. Bây giờ Hoa mượn quyển sách ấy để đọc lần nữa.

.....

.....

.....

d) Hôm trước, Lan đã hỏi Mai may áo dài ở đâu. Hôm nay, Lan hỏi Mai lần nữa để đi tới đó.

.....

.....

.....

**7. Sau những từ nào có thể thêm từ **đi** ? Sau những từ nào có thể thêm các từ **ra** hoặc **lên** ? Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.**

|              |      | ĐI | RA, LÊN |
|--------------|------|----|---------|
| ĐẶC ĐIỂM TỐT | đẹp  |    |         |
|              | khoẻ |    |         |
|              | cao  |    |         |
|              | béo  |    |         |
| ĐẶC ĐIỂM XẤU | xấu  |    |         |
|              | yếu  |    |         |
|              | thấp |    |         |
|              | gầy  |    |         |

**1. Em đỡ mệt rồi.**

**2. Trời *lại* mưa.**

**3. Bác sỹ khám *lại* cho người bệnh.**

**4. Bạn ấy gầy *đi* nhưng khoẻ *ra*.**



## II - LUYỆN NGHE

### TRONG PHÒNG KHÁM BỆNH



**1. Trả lời câu hỏi:**

- a) Người bệnh bị làm sao ?
- b) Bác sỹ nói thế nào ?
- c) Người bệnh có làm theo lời bác sỹ được không ?
- d) Người bệnh làm nghề gì ?

**2. Kể lại câu chuyện vừa nghe.**



### III - LUYỆN ĐỌC

#### MÙA HÈ NÊN ĂN UỐNG THẾ NÀO ?



Mùa hè ở Việt Nam rất nóng. Nhiệt độ trung bình từ 28 đến 35 độ. Bạn sẽ mất mồ hôi, mau mệt và dễ bị say nắng nữa. Nếu bình thường, bạn uống 1 lít nước mỗi ngày thì bây giờ phải uống gấp đôi, gấp ba mới đủ lượng nước cần thiết cho cơ thể. Nước chanh muối sẽ giúp cơ thể giải nhiệt tốt hơn. Bạn nên ăn nhiều rau, củ và trái cây (chuối, dưa hấu, cà chua,...) để bổ sung vitamin cho cơ thể. Cần giảm bớt thức ăn nhiều mỡ và đường bột. Đây là thực đơn lý tưởng do các nhà khoa học Mỹ đề nghị.

##### 1. Trả lời câu hỏi :

a) Tại sao mùa hè chúng ta phải uống nhiều nước hơn mùa đông ?

.....

b) Về mùa hè, cơ thể người cần bao nhiêu lít nước một ngày ?

.....

c) Những loại thức ăn nào có thể bổ sung vitamin cho cơ thể trong mùa hè ?

.....

d) Về mùa hè, chúng ta cần giảm bớt những loại thức ăn nào ?

.....

##### 2. Phát âm :

– mất mồ hôi

– say nắng

– chanh muối

– dưa hấu

– giải nhiệt

– giảm bớt

– lượng nước

– lý tưởng



3. Nối từ ngữ ở cột A với từ ngữ ở cột B để tạo thành câu :

| A                            |
|------------------------------|
| 1) Nếu chủ nhật này trời đẹp |
| 2) Nếu bạn chăm học          |
| 3) Nếu trời trở rét          |
| 4) Nếu anh bị mệt            |

| B                             |
|-------------------------------|
| a) thì anh phải đi khám bệnh. |
| b) thì bạn phải mặc áo rét.   |
| c) thì chúng mình đi chơi.    |
| d) thì bạn sẽ học giỏi.       |

4. Tìm các lời khuyên trong bài **Mùa hè nên ăn uống thế nào ?**

5. Đặt câu với các từ **phải**, **cần** hoặc **nên** theo mẫu.

**M :** Mùa hè, bạn **nên** ăn nhiều rau, củ, quả.

1. Nếu bạn chăm tập luyện thì bạn sẽ khoẻ mạnh.
2. Mùa hè, bạn nên uống nhiều nước.

## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nghe – viết : Mùa hè nên ăn uống thế nào ? (từ đầu đến... cần thiết cho cơ thể.)

2. Kể lại một lần em bị ốm theo gợi ý sau :

- a) Em bị làm sao ?
- b) Em có đi khám bệnh không ?
- c) Em có phải nằm bệnh viện không ?
- d) Ai chăm sóc hoặc đến thăm em ?

### TỪ NGỮ MỚI

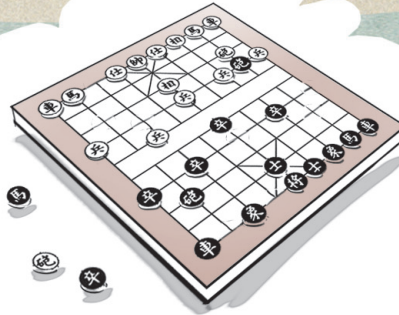
- |               |              |             |               |
|---------------|--------------|-------------|---------------|
| – ảm          | – đề nghị    | – kiêng     | – mỡ          |
| – béo         | – điều trị   | – lại       | – phục hồi    |
| – bình thường | – đỡ         | – lý tưởng  | – ra viện     |
| – bổ sung     | – đường bột  | – liên quan | – rảnh        |
| – căng thẳng  | – gấp đôi    | – lít       | – say nắng    |
| – chanh muối  | – gây        | – lượng     | – sắp xếp     |
| – củ          | – giải nhiệt | – mau       | – thợ cắt tóc |
| – dạ dày      | – giảm       | – mất       | – trái cây    |
| – dễ          | – hẳn        | – mệt mỏi   | – yên tĩnh    |
| – dính dáng   | – khá lên    | – mồ hôi    |               |
| – dưa hấu     | – khám       | – một mình  |               |





## I - HỘI THOẠI

### ĐƯỢC HAY THUA ?



Thành : – Hôm qua, cậu đánh cờ với ai ?

Đạt : – Tổ đánh với Hải.

Thành : – Ài chà ! Cậu dám đánh cờ với Hải cơ à. Giỏi quá !

Đạt : – Tổ với cậu ấy chơi ba ván.

Thành : – Ai được, ai thua ?

Đạt : – Ván đầu, tổ không thắng, không hoà. Ván thứ hai, cậu ấy không hoà, không thua. Ván cuối, tổ muốn hoà nhưng cậu ấy không cho.



### GIẢM ĐƯỢC MẤY CÂN ?

Cô Tư : – Chào chị Bảy. Chị đi chơi ?

Thím Bảy : – Cô Tư à ? Tôi đến câu lạc bộ đua ngựa.

Cô Tư : – Ủa ! Chị là vận động viên đua ngựa à ?

Thím Bảy : – Không. Tôi hơi mập, muốn giảm cân. Bác sỹ nói rằng tôi phải cưỡi ngựa. Mỗi ngày, phải cưỡi ngựa chạy xung quanh thị xã ba vòng. Tôi tập một tháng rồi.

Cô Tư : – Kết quả có tốt không hả chị ?

Thím Bảy : – Kết quả là con ngựa của tôi sút mất 10 kí.





**1. Đọc hội thoại A, trả lời câu hỏi :**

- a) Hôm qua, Đạt với Hải làm gì ?
- b) Đạt và Hải chơi mấy ván ?
- c) Theo lời Đạt, kết quả thế nào ?
- d) Em hiểu là ai thắng cuộc ?

**2. Đọc hội thoại B, trả lời câu hỏi :**

- a) Bác sỹ khuyên thím Bảy làm gì ?
- b) Thím Bảy đã tập luyện lâu chưa ? Kết quả thế nào ?
- c) Vì sao con ngựa của thím Bảy sút 10 kí (cân) ?

**3. Phát âm :**

- |          |            |              |
|----------|------------|--------------|
| – ái chà | – sút cân  | – câu lạc bộ |
| – ủa     | – ván cuối | – cưỡi ngựa  |

**4. Hỏi – đáp với bạn theo bài hội thoại.**

**5. Nhìn tranh, trả lời câu hỏi : Họ đang làm gì ?**

a)



b)



c)



d)



**6. Đặt câu với các từ ngữ sau :**

- a) nghĩ rằng .....  
.....
- b) cho rằng .....  
.....
- c) nói rằng .....  
.....
- d) bảo rằng .....  
.....

**7. Tìm trong bài hội thoại những câu có ý nghĩa cảm thán.**

**8. Thêm các từ *quá, lắm, thật* để chuyển đổi những câu dưới đây thành câu cảm thán.**

**M :** Cậu giỏi. Ø Cậu giỏi quá !

a) Trời nóng.

.....

b) Phong cảnh ở đây đẹp.

.....

c) Bộ quần áo này đắt.

.....

d) Phở hôm nay ngon.

.....

e) Hương tập yoga chăm chỉ.

.....

**1. Trời ơi, cậu giỏi quá !**

**2. Cậu giỏi quá !**

**3. Bác sỹ nói rằng tôi phải tập cưỡi ngựa.**



## II - LUYỆN NGHE

### QUẢ BÓNG VÀNG NĂM 1998



Zidane

#### 1. Trả lời câu hỏi :

a) Zidane là người nước nào ? Anh sinh năm nào ? Ở đâu ?

.....  
.....

b) Zidane bắt đầu chơi bóng đá lúc mấy tuổi ?

.....

c) Từ năm 1984 đến năm 1998, anh đã chơi cho những đội bóng nào ?

.....

d) Anh đã nhận được những danh hiệu gì ?

.....

#### 2. Các con số sau có ý nghĩa gì trong cuộc đời Zidane ?

– 1972 : .....

– 1998 : .....

.....

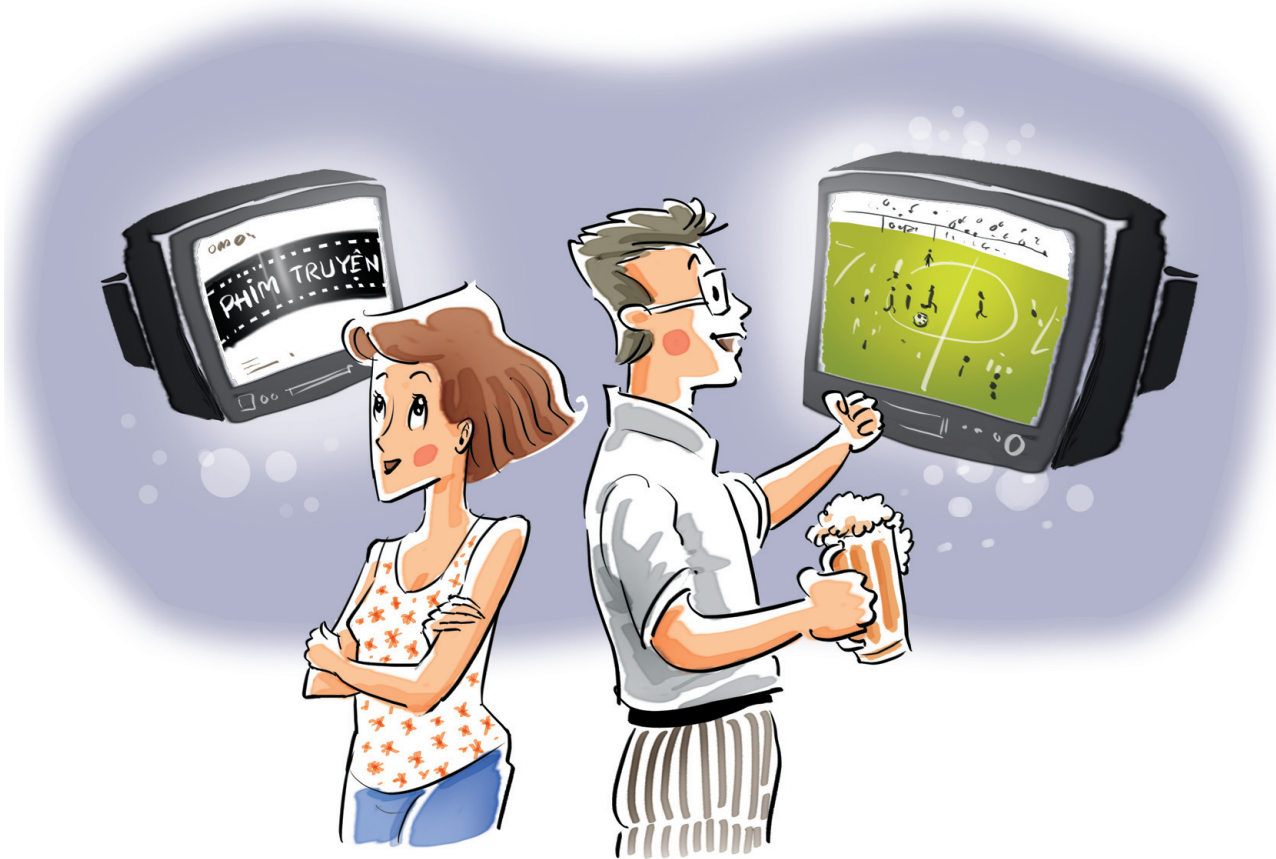
– 2000 : .....

.....

#### 3. Nói chuyện với bạn về cầu thủ Zidane.

### III - LUYỆN ĐỌC

#### SỞ THÍCH



Chị Loan và anh Tân là hai vợ chồng nhưng có sở thích rất khác nhau. Chị Loan thích đi mua sắm. Chị ấy cũng rất mê phim. Trung bình mỗi tháng chị xem từ 3 đến 5 bộ phim. Phim càng nhiều tập, chị ấy càng thích. Chị Loan đặc biệt ghét bóng đá và rất sợ đi bộ.

Còn niềm say mê lớn nhất của anh Tân là bóng đá. Anh ấy không bỏ trận bóng nào phát trên ti vi. Anh ấy chơi bóng cũng được. Anh ấy không khoái chơi ten-nít lắm nhưng lại rất thích xem các bạn đánh ten-nít để sau đó... cùng đi uống bia với nhau.

1. Đọc bài trên và điền vào bảng sau :

|                 | Chị Loan | Anh Tân |
|-----------------|----------|---------|
| mê              | .....    | .....   |
| thích           | .....    | .....   |
| không khoái lắm | .....    | .....   |
| ghét            | .....    | .....   |
| sợ              | .....    | .....   |



## 2. Phát âm :

- |             |                |            |
|-------------|----------------|------------|
| – ngày nghỉ | – niềm say mê  | – sở thích |
| – khoác     | – ghét bóng đá | – sợ đi bộ |

## 3. Đặt câu với các từ ngữ dưới đây theo mẫu.

**M :** trời nóng, nó uống nhiều nước

☉ Trời **càng** nóng, nó **càng** uống nhiều nước.

a) gió to, thuyền chạy nhanh

.....

b) thuyền ra xa, sóng lớn

.....

c) đội tuyển đá, hay

.....

d) đi xa, nó thích

.....

1. Sách càng vui, nó càng thích đọc.

2. Nó càng đọc càng thích quyển sách ấy.

3. Càng đọc, nó càng thích quyển sách ấy.

## IV - LUYỆN VIẾT

1. Nghe – viết : Sở thích (từ đầu đến ... rất sợ đi bộ.)

2. Viết khoảng 10 dòng nói về một cầu thủ hoặc một vận động viên mà bạn yêu thích.

### TỪ NGỮ MỚI

- |              |               |                 |             |
|--------------|---------------|-----------------|-------------|
| – ái chà     | – đội tuyển   | – ngựa          | – tập       |
| – cân        | – đua         | – nhận          | – tập luyện |
| – câu lạc bộ | – được        | – niềm          | – thị xã    |
| – chung kết  | – giải thưởng | – phát          | – tốt       |
| – cúp        | – gốc         | – Quả bóng Vàng | – ủa        |
| – cưỡi       | – hầu như     | – quốc gia      | – ván       |
| – dám        | – khoái       | – say mê        | – vòng      |
| – danh hiệu  | – kí          | – so tài        | – vô địch   |
| – đánh cờ    | – ki-lô-gam   | – sóng          |             |
| – đặc biệt   | – mập         | – sở thích      |             |
| – đoạt       | – mê          | – sút           |             |





## I - HỘI THOẠI



### ĐÊM TRUNG THU

Sơn : – Chị Vân ơi, ngoài đường đông người lắm rồi !

Vân : – Chờ chị một tí ! Cái đèn bị rách, chị dán lại đã.

Sơn : – Em lên trên phòng ngủ lấy mặt nạ nhé ?

Vân : – Không, chị để nó ở dưới phòng khách ấy.

Sơn : – Lúc này em tìm rồi. Trong phòng khách không có.

Vân : – Thế à ? Chắc chị quên ở ngoài bếp.

Sơn : – Hôm nay mình được xem múa sư tử đấy.

Vân : – Ừ, đội sư tử này năm ngoái múa đẹp lắm.

Sơn : – Ông Thổ Địa múa vừa dẻo vừa buồn cười.

Vân : – Sơn thấy mẹ bày cỗ xong chưa ?

Sơn : – Xong rồi.

Vân : – Chắc là cỗ có chuối, bưởi, hồng như mọi năm ?

Sơn : – Ngoài hoa quả ra, em thấy còn bánh dẻo, bánh nướng.

Vân : – Chị em mình rước đèn, xem múa sư tử rồi về phá cỗ, trông trăng.







**1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

a) Trẻ em có những hoạt động gì trong đêm Trung thu ?

- ☐ Rước đèn, xem múa sư tử, phá cỗ.
- ☐ Rước đèn, phá cỗ, trông trăng.
- ☐ Rước đèn, xem múa sư tử, phá cỗ, trông trăng.

b) Hoạt động của trẻ em diễn ra ở đâu ?

- ☐ Ở trong nhà và nơi công cộng.
- ☐ Ở trong nhà.
- ☐ Ở nơi công cộng.

c) Cỗ Trung thu của trẻ em thường có những gì ?

- ☐ Chuối, bưởi, hồng, mật nạ.
- ☐ Hoa quả, bánh dẻo, bánh nướng.
- ☐ Bánh dẻo, bánh nướng, mật nạ, đèn.

**2. Đóng vai Vân và Sơn, hỏi – đáp theo bài hội thoại.**

**3. Phát âm :**

- |             |           |               |
|-------------|-----------|---------------|
| – phòng ngủ | – múa dẻo | – ông Thổ Địa |
| – rước đèn  | – phá cỗ  | – bánh nướng  |

**4. Đọc lại bài hội thoại và cho biết :**

a) Vân và Sơn nói chuyện với nhau ở trong nhà hay ngoài phố ?

b) Nếu nhà của Vân và Sơn có ba tầng thì :

- Phòng khách ở tầng nào ?
- Phòng ngủ ở tầng nào ?
- Hai chị em đang nói chuyện ở tầng nào ?

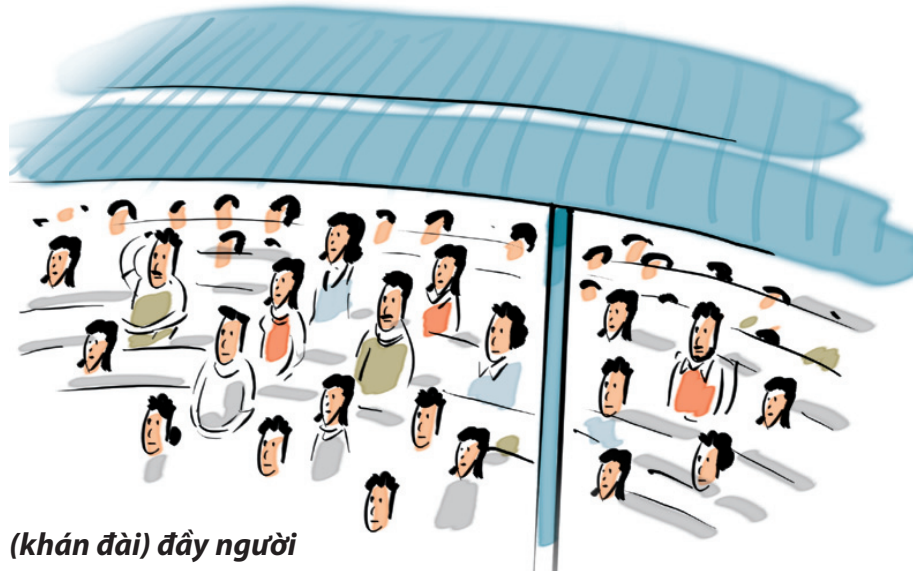
**5. Trong mỗi câu sau, người nói đứng ở vị trí nào ?**

- a) Anh ấy ở trong nhà.
- b) Anh ấy ở ngoài nhà.
- c) Anh ấy ở trên nhà.
- d) Anh ấy ở dưới nhà.

6. Điền các từ **trên, dưới, trong, ngoài** vào chỗ trống :

- Mẹ em vào ..... Huế từ tuần trước.
- Chú em ở ..... Thái Bình lên đây chơi.
- Ông bà em sống ..... Cao Bằng, một tỉnh miền núi, gần Trung Quốc.
- Tôi ít ra khỏi làng nên không biết ..... phố đạo này có gì mới không.

7. Tìm hiểu nghĩa của các từ **đầy, đông, vắng** trong các tranh sau :



(khán đài) đầy người



đông người



vắng người

Chọn từ thích hợp (**đầy, đông, vắng**) điền vào chỗ trống :

- Đêm Trung thu, đường phố rất ..... người.
- Trời rét nên đường phố rất ..... người.
- Nhà hàng này nấu không ngon nên ..... khách.
- Mới bảy giờ tối, khán đài đã ..... người vì ai cũng thích xem trận bóng này.



**8. Đặt câu theo mẫu.**

**M :** Cổ Trung thu có hoa quả và bánh nướng, bánh dẻo.

Ø **Ngoài** hoa quả **ra**, cổ Trung thu còn có bánh nướng, bánh dẻo.

a) Khách sạn có hồ bơi và sân bóng.

.....

b) Hiệu sách bán sách và báo.

.....

c) Cuộc vui có học sinh và các thầy, các cô.

.....

d) Hội làng tổ chức đấu vật và nhiều trò chơi dân gian khác.

.....

**9. Kể lại những điều em biết về Tết Trung thu ở Việt Nam.**

Gợi ý :

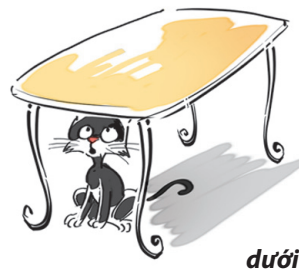
a) Tết Trung thu là của ai ?

b) Cha mẹ chuẩn bị cho con những gì trong đêm Trung thu ?

c) Trong đêm Trung thu, trẻ em có những hoạt động gì ?

d) Cổ Trung thu của trẻ em có những gì ?

**1. TRÊN, DƯỚI, TRONG, NGOÀI,...**



**2. NGOÀI... RA**

Cổ Trung thu có hoa quả và bánh nướng, bánh dẻo.

Ø **Ngoài** hoa quả **ra**, cổ Trung thu còn có bánh nướng, bánh dẻo.

## II. LUYỆN NGHE

### TAI NÀO ?



1. Câu chuyện trên xảy ra vào lúc nào ?

2. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Giám đốc hỏi thư ký điều gì ?

☐ Lễ hội sắp khai mạc chưa ?

☐ Bút chì của cô đâu ?

☐ Bút chì của tôi đâu ?

b) Cô thư ký nói gì ?

☐ Lễ hội sắp khai mạc rồi.

☐ Bút chì ở vành tai giám đốc.

☐ Bút chì ở tai bên phải của giám đốc.

c) Vì sao giám đốc hỏi : “Tai trái hay tai phải” ?

☐ Vì giám đốc đang cuống lên.

☐ Vì cô thư ký nói không rõ.

☐ Vì giám đốc có nhiều tai.

3. Kể lại câu chuyện đã nghe.



## KÉO CO



Lễ hội ở thôn quê thường có trò chơi kéo co. Mỗi cuộc thi kéo co phải đủ ba keo. Bên nào kéo được đối phương ngã về phía mình nhiều keo hơn là bên ấy thắng.

Hội làng Hữu Trấp thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh thường tổ chức thi kéo co giữa nam và nữ. Làng Tích Sơn thuộc thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc có tục thi kéo co giữa trai tráng hai giáp trong làng. Có năm bên này thắng, có năm bên kia thắng. Nhưng dù bên nào thắng thì cuộc thi cũng rất là vui. Vui ở sự ganh đua, vui ở những tiếng hò reo khuyến khích của người xem hội.

Theo TOÀN ÁNH

**1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :**

- ☐ Kéo co là một lễ hội.
- ☐ Kéo co là một trò chơi trong lễ hội.
- ☐ Kéo co phải có hai bên.
- ☐ Kéo co phải có bên nam và bên nữ.
- ☐ Mỗi cuộc thi kéo co phải đủ ba keo.
- ☐ Trong mỗi keo, bên thắng là bên kéo được đối phương ngã về phía mình.
- ☐ Trong mỗi cuộc thi, bên thắng là bên kéo được đối phương ngã về phía mình nhiều keo hơn.

**2. Trả lời câu hỏi :**

- a) Làng nào có tục kéo co giữa nam và nữ ?
- b) Làng nào có tục kéo co giữa trai tráng hai giáp trong làng ?
- c) Điều gì làm cho cuộc thi kéo co thường rất vui ?

**3. Phát âm :**

- thôn quê                      – ganh đua                      – kéo ngã
- đối phương                – trai tráng                      – khuyến khích

**4. Hỏi – đáp với bạn ngồi bên cạnh :**

- a) Lễ hội ở thôn quê thường có trò chơi gì ?
- b) Mỗi cuộc thi kéo co phải có mấy keo ?
- c) Bên nào là bên thắng trong cuộc thi kéo co ?
- d) Tục kéo co ở làng Hữu Trấp có gì đặc biệt ?
- e) Tục kéo co ở làng Tích Sơn như thế nào ?
- g) Điều gì làm cho cuộc thi kéo co thường rất vui ?

**5. Điền các từ ***nào, ấy*** vào chỗ trống :**

- a) Bên (1) ..... kéo được đối phương ngã về phía mình nhiều keo hơn là bên (2) ..... thắng.
- b) Người (1) ..... chịu tù, người (2) ..... sẽ thấy.
- c) Em thích trò chơi (1) ....., thầy sẽ dạy em trò chơi (2) .....
- d) Hôm (1) ..... có mưa, hôm (2) ..... rất mát.

**6. Đặt câu với các từ ngữ cho dưới đây theo mẫu.**

**M : Có năm** bên này thắng, **có năm** bên kia thắng.

- a) Có lúc .....
- b) Có khi .....
- c) Có tháng .....
- d) Có ngày .....



## IV - LUYỆN VIẾT

### 1. Tập chép :

#### ĐI HỘI CHÙA HƯƠNG

Hôm nay em đi chùa Hương  
Hoa cỏ mờ hơi sương  
Cùng thầy me, em dậy  
Em vấn đầu, soi gương.

Nho nhỏ đuôi gà cao  
Em đeo dải yếm đào  
Quần lĩnh, áo the mới  
Tay cầm nón quai thao.

Em đi cùng với me  
Me em ngồi cồng tre  
Thầy theo sau cưỡi ngựa  
Thắt lưng dài đỏ hoe.

NGUYỄN NHƯỘC PHÁP



### 2. Viết về một lễ hội ở nơi em sinh sống.

Gợi ý :

- Tên lễ hội ấy là gì ?
- Lễ hội ấy được tổ chức vào thời gian nào ?
- Lễ hội có những trò chơi gì ?
- Em đã tham dự lễ hội ấy mấy lần ?

#### TỪ NGỮ MỚI

|                  |               |                |                 |               |
|------------------|---------------|----------------|-----------------|---------------|
| – áo the         | – du lịch     | – keo          | – nho nhỏ       | – thầy        |
| – bánh dẻo       | – đây (người) | – kéo co       | – nón quai thao | – Thổ Địa     |
| – bánh nướng     | – đồ hoe      | – khai mạc     | – phá cỗ        | – thôn quê    |
| – bên phải       | – đối phương  | – khán đài     | – phòng khách   | – tiếng       |
| – bên trái       | – đuôi gà     | – khuyến khích | – phòng ngủ     | – tỉnh        |
| – bực mình       | – ganh đua    | – lúc này      | – quần lĩnh     | – tổ chức     |
| – buổi           | – giáp        | – mặt nạ       | – rách          | – trai tráng  |
| – cồng tre       | – giắt        | – me           | – rõ            | – trông trăng |
| – cỏ             | – gương       | – một tí       | – rước đèn      | – tục         |
| – cổ (Trung thu) | – hò reo      | – mờ           | – soi           | – vành tai    |
| – cuống          | – hồng        | – múa sư tử    | – sự            | – vắng        |
| – dải yếm đào    | – hơi (sương) | – ngã          | – sương         | – vấn đầu     |
| – dẻo            | – huyện       | – nhà hàng     | – thắt lưng     |               |





## I - HỘI THOẠI



- Lan : – Chị Phương ơi, mai chị có được nghỉ không ?  
Chị em mình đi xem nhé ? Chị thích xem gì ?
- Phương : – Chị thích xem xiếc.
- Lan : – Xiếc ở đây thường có những tiết mục gì hả chị ?
- Phương : – Có xiếc thú, đu bay, uốn dẻo, ảo thuật.
- Lan : – Bố mẹ chị thích xem gì ?
- Phương : – Bố mẹ chị thích nhạc nhẹ. Nhưng thỉnh thoảng hai bác cũng xem chèo, tuồng, cải lương.
- Lan : – Đồ chị biết em thích xem gì ?
- Phương : – Em thích múa rối nước phải không ?
- Lan : – Đúng đấy ! Em còn thích phim hoạt hình nữa. Ở nhà có nhiều phim em chưa được xem.
- Phương : – Mai mình xem múa rối đã ! Phim sẽ xem sau, được không ?
- Lan : – Vâng.





**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Phương thích xem gì ?
- b) Bố mẹ của Phương thích xem gì ?
- c) Lan thích xem gì ?
- d) Hai chị em sẽ xem gì trước, xem gì sau ?

**2. Phát âm :**

- |                |             |             |
|----------------|-------------|-------------|
| – xem xiếc     | – nhạc nhẹ  | – uốn dẻo   |
| – tiết mục     | – hoạt hình | – ảo thuật  |
| – múa rối nước | – tuồng     | – cải lương |

**3. Hỏi – đáp theo bài hội thoại.**

**4. Điền các từ **được** hoặc **bị** vào chỗ trống :**

- a) Em ..... đi chơi.
- b) Em ..... cảm lạnh.
- c) Em ..... xem một vở kịch rất hay.
- d) Em ..... lỡ chuyến xe buýt.

**5. Trả lời câu hỏi :**

**M :** – Em đã được xem múa rối nước chưa ?

Ø – Rồi. Em được xem **rồi**. / – Chưa. Em **chưa** được xem.

a) – Em đã được gặp cầu thủ Pele chưa ?

– .....

b) – Em đã được lên đỉnh núi Yên Tử chưa ?

– .....

c) – Em đã bị đau răng bao giờ chưa ?

– .....

d) – Em đã bị muộn học bao giờ chưa ?

– .....

**6. Đáp lời bạn theo mẫu.**

**M :** – Cậu ăn cơm đi ! / Cậu có ăn cơm không ?

Ø – Tớ xem ti vi đã.

a) – Cậu học bài đi !

– .....

- b) – Chúng mình đi bơi đi !  
 – .....  
 c) – Cậu có đi chơi không ?  
 – .....  
 d) – Cậu dạy mình chơi đàn nhé ?  
 – .....

**7. Từ *nhé* trong mỗi câu sau có tác dụng gì ? Đánh dấu ✓ vào ô trống thích hợp.**

| Câu \ Tác dụng                  | Hỏi, và mong được đồng ý | Dặn dò, giao hẹn | Gây chú ý |
|---------------------------------|--------------------------|------------------|-----------|
| a) Chúng mình đi xem kịch nhé ? |                          |                  |           |
| b) Bộ phim ấy hay lắm nhé !     |                          |                  |           |
| c) Con ăn cháo cá nhé ?         |                          |                  |           |
| d) Anh ơi, nhà có khách nhé !   |                          |                  |           |
| e) Cậu chờ tớ ở đây nhé !       |                          |                  |           |
| g) Chào cậu nhé !               |                          |                  |           |
| h) Bảy giờ tối mai nhé !        |                          |                  |           |

**8. Dùng từ *nhé* đặt câu theo các yêu cầu sau :**

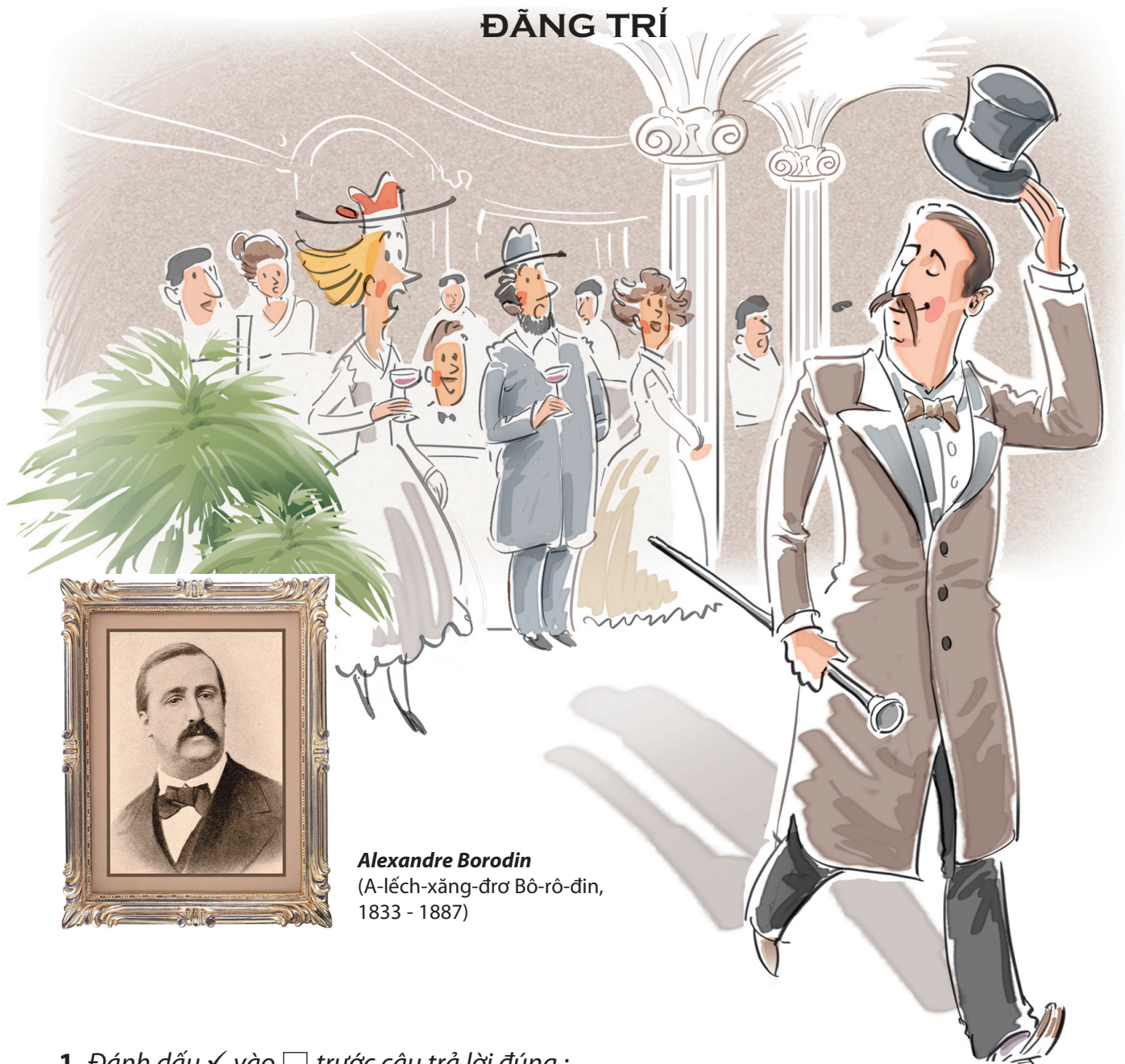
- a) Rủ bạn cùng hát một bài.  
 .....  
 b) Mời bạn đến nhà mình chơi.  
 .....  
 c) Dặn bạn chờ mình.  
 .....  
 d) Khoe với bạn là mình được điểm 10.  
 .....

1. Em được đi chơi. / Em bị lỡ xe.
2. – Em ăn cơm đi !  
 – Em học bài đã.
3. Chúng mình xem phim *nhé* ?



## II - LUYỆN NGHE

### ĐĂNG TRÍ



**Alexandre Borodin**  
(A-lếch-xăng-đơ Bô-rô-đin,  
1833 - 1887)

1. Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

a) Borodin là ai ?

- ☐ Là một nhạc sỹ.
- ☐ Là một họa sỹ.
- ☐ Là một nhà khoa học.

b) Borodin mời bạn bè đến đâu ăn tiệc ?

- ☐ Mời đến nhà hàng.
- ☐ Mời đến nhà mình.
- ☐ Mời đến nhà bạn mình.

c) Giữa bữa tiệc, Borodin làm gì ?

- ☐ Ông mời mọi người cùng hát.
- ☐ Ông chào hỏi mọi người.
- ☐ Ông chào mọi người để ra về.

d) Vì sao Borodin làm mọi người buồn cười ?

- ☐ Vì ông ra về sớm quá.
- ☐ Vì ông quên là đang ở nhà mình.
- ☐ Vì ông không ăn được món ăn của nhà mình.

2. Kể lại câu chuyện đã nghe.

### III - LUYỆN ĐỌC

#### LÀM NGƯỢC LẠI



Adolf Menzen là một họa sỹ nổi tiếng về tính thận trọng. Ông cũng nổi tiếng là người bán được nhiều tranh. Mỗi khi tranh của ông được trưng bày, người ta tranh nhau mua.

Có lần, một họa sỹ trẻ nói với Menzen :



– Sao khách mua tranh bây giờ khó tính thế ? Tôi thường mất cả ngày mới vẽ được một bức tranh nhưng sau một năm mới bán được. Theo ông, tôi phải làm thế nào ?

Menzen bảo :

– Anh thử làm ngược lại đi. Những bức tranh phải dành cả một năm để vẽ sẽ được mua hết trong một ngày.

Theo NGUYỄN ĐÌNH CHÍNH

---

**Adolf Menzen** (A-đôn-phơ Men-den, 1815 – 1905) : họa sỹ nổi tiếng người Đức.



**1. Trả lời câu hỏi :**

- a) Câu chuyện trên có mấy nhân vật ? Đó là ai ?
- b) Menzen nổi tiếng về điều gì ?
- c) Vì sao người hoạ sỹ trẻ hỏi ý kiến Menzen ?

**2. Em hiểu lời khuyên của Menzen như thế nào ? Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng.**

- ☐ Vẽ ít thì bán được nhiều.
- ☐ Vẽ chậm thì bán được nhanh.
- ☐ Vẽ thật công phu thì mới bán được.

**3. Phát âm :**

- nổi tiếng                      – trưng bày
- thận trọng                  – làm ngược lại

**4. Kể lại câu chuyện trên.**

**5. Chuyển câu chủ động thành câu bị động theo mẫu.**

**M :** Người ta mua tranh của Menzen.

☉ Tranh của Menzen được người ta mua.

a) Anh hoạ sỹ trẻ vẽ mỗi bức tranh trong một ngày.

.....  
.....

b) Người chơi tranh không thích tranh của anh hoạ sỹ trẻ.

.....  
.....

c) Menzen khuyên anh hoạ sỹ trẻ dành nhiều thời gian hơn để vẽ một bức tranh.

.....  
.....

d) Người chơi tranh Việt Nam gọi những phố cổ trong tranh Bùi Xuân Phái là “phố Phái”.

.....  
.....

**6.** Dùng từ **bị**, chuyển các câu chủ động dưới đây thành câu bị động theo mẫu.

**M :** Thầy giáo cho em điểm kém.

Ø Em bị thầy giáo cho điểm kém.

a) Người chơi tranh chê những bức tranh vẽ vội.

.....

b) Hãng phim từ chối những kịch bản dở.

.....

c) Người xem phản đối phim bạo lực.

.....

d) Bạn đọc lãng quên những cuốn sách không hay.

.....

**7.** Chuyển những câu dưới đây thành câu cảm thán theo mẫu.

**M :** Khách mua tranh bây giờ khó tính quá !

Ø Sao khách mua tranh bây giờ khó tính thế ?

a) Tranh của tôi khó bán quá !

.....

b) Bạn chăm chỉ quá !

.....

c) Bản nhạc này hay quá !

.....

d) Hoạ sỹ này hiểu Việt Nam quá !

.....

**1. Thầy giáo phê bình em.**

Ø Em được / bị thầy giáo phê bình.

**2. Bạn chăm chỉ quá !**

Ø Sao bạn chăm chỉ thế ?



## IV - LUYỆN VIẾT



### 1. Nghe – viết :

## HÁT QUAN HỌ

Quan họ là lối hát có từ lâu đời ở Việt Nam. Người đi hát gọi là liền anh, liền chị. Liền anh của làng này hát đối đáp với liền chị của làng kia. Lúc đầu, quan họ chỉ phổ biến ở 49 làng thuộc tỉnh Bắc Ninh. Về sau, những điệu hát quan họ được cả nước yêu thích, trở thành vốn văn hoá đặc sắc của dân tộc ta.

### 2. Trả lời câu hỏi :

a) Kể tên những môn nghệ thuật mà em biết.

.....

b) Kể tên những nhạc cụ mà em biết.

.....

c) Em thích những bộ phim nào ?

.....

d) Em thích những tác phẩm văn học nào ?

.....

### TỪ NGỮ MỚI

|              |            |             |              |           |
|--------------|------------|-------------|--------------|-----------|
| – ảo thuật   | – danh hoạ | – lãng quên | – nhạc sỹ    | – tưởng   |
| – bạo lực    | – dành     | – lâu đời   | – nhớ ra     | – uốn dẻo |
| – bất công   | – dân tộc  | – liền anh  | – phản đối   | – vốn     |
| – bổng       | – dờ       | – liền chị  | – quan họ    | – vở kịch |
| – bước ra    | – đăng trí | – lối       | – thận trọng | – xem sao |
| – cải lương  | – đặc sắc  | – lờ        | – thú        |           |
| – chèo       | – điệu hát | – mai       | – tiệc       |           |
| – chê        | – đối đáp  | – ngài      | – tiết mục   |           |
| – chuyện trò | – đu bay   | – ngược lại | – tính       |           |
| – công phu   | – đứng dậy | – người đời | – tranh nhau |           |
| – cười rộ    | – kịch bản | – nhạc nhẹ  | – trưng bày  |           |



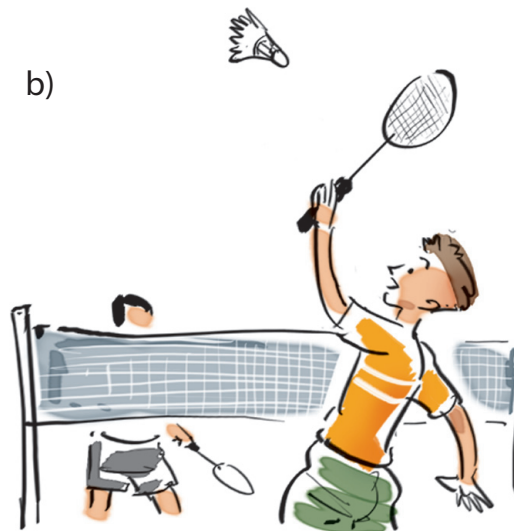
## I - NÓI VỀ SỨC KHOẺ, THỂ THAO, LỄ HỘI, NGHỆ THUẬT

1. Nhìn tranh, hỏi – đáp về sở thích của bạn.

a)

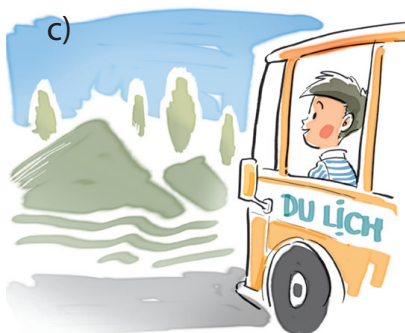


b)



**M:** – Bạn có thích đấu vật không ?  
– Có. Tôi rất thích đấu vật. Còn cậu ?

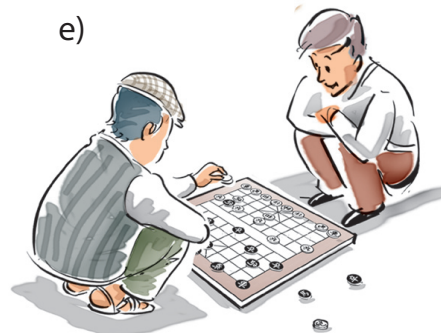
c)



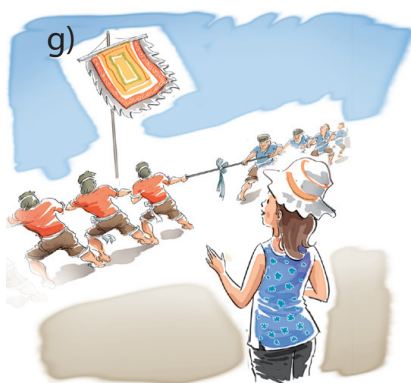
d)



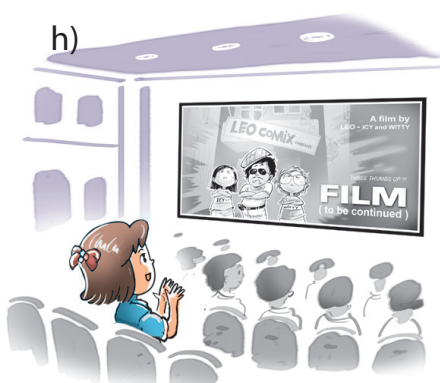
e)



g)



h)



i)







## 2. Hoàn chỉnh các hội thoại sau :

**A**

Bác sĩ : – (1) ..... ?  
Bệnh nhân : – Tôi bị đau dạ dày.  
Bác sĩ : – Anh đau (2) ..... ?  
Bệnh nhân : – Dạ, hơn một tháng rồi.  
Bác sĩ : – Anh có uống rượu nhiều không ?  
Bệnh nhân : – Có.  
Bác sĩ : – Anh (3) ..... uống rượu nữa.

**B**

Bác sĩ : – Cháu bị (1) ..... hả chị ?  
Mai : – Dạ, cháu bị sốt cao và ho.  
Bác sĩ : – Nào, cho bác (2) ..... nào ! Cháu bị viêm  
họng. Đây (3) ..... đơn thuốc của cháu. Chị nhớ  
(4) ..... thuốc và cho cháu (5) ..... đều.  
Mai : – Dạ. Cảm ơn bác sĩ.

**C**

Linh : – Em (1) ..... thích nhạc cổ điển (2) ..... ?  
Sơn : – Ờ... Cái đó em không (3) ..... lắm.  
Linh : – Thế à ? (4) ..... ?  
Sơn : – Vì em chẳng (5) ..... gì cả, nghe được  
một lúc là em ngủ luôn.

**D**

Lân : – Em thích làm gì ?  
Phương : – Em (1) ..... nghe (2) ..... , (3) ..... phim  
và (4) ..... du lịch. Còn anh ?  
Lân : – Anh mê bóng đá lắm.  
Phương : – Thế thì anh phải chọn (5) ..... hay là  
em thôi vì em chúa ghét bóng đá.

3. Các bạn đến thăm Nam bị ốm. Hãy viết một đoạn hội thoại giữa Nam và các bạn.

4. Đọc bài văn sau và thực hiện yêu cầu ở dưới.

## HỘI LIM



Hằng năm, vào ngày 13 tháng Giêng âm lịch, du khách từ khắp nơi nô nức kéo về đồi Lim ở xã Lũng Giang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh dự Hội Lim. Họ đến Hội Lim để nghe hát quan họ và để được vui trong không khí hội hè.

Hội bắt đầu từ sáng sớm. Sau lễ rước kiệu là các trò vui. Chỗ này thi đấu vật, chỗ kia thi dệt vải, thi đánh “cờ người”. Trên đồi, trên chùa, ngoài bến sông, thanh niên nam nữ thi hát quan họ. Khi đêm xuống, đồi Lim rực rỡ trong ánh sáng của đèn đuốc.

Theo LƯU NGỌC LY



a) Đánh dấu ✓ vào ☐ trước câu trả lời đúng :

- (1) Hội Lim được tổ chức vào cuối tháng Chạp.
- (2) Hội Lim được tổ chức vào giữa tháng Giêng.
- (3) Hội Lim diễn ra ở xã Lũng Giang, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- (4) Du khách đến Hội Lim để được ngắm cảnh đẹp.
- (5) Du khách đến Hội Lim để được nghe hát quan họ, được vui trong không khí hội hè.

| ĐÚNG                     | SAI                      |
|--------------------------|--------------------------|
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |
| <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/> |

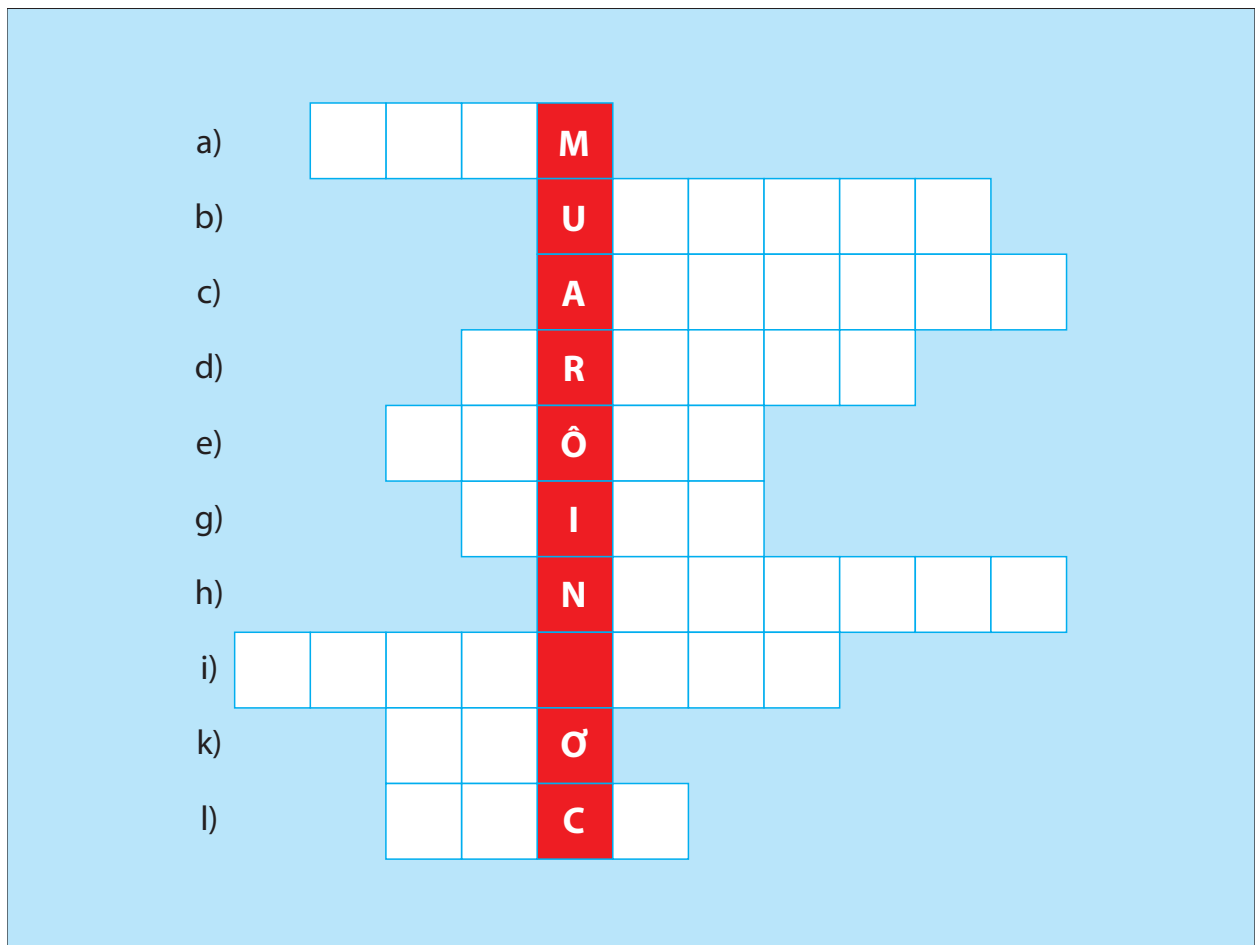
b) Trả lời câu hỏi :

- Hội Lim bắt đầu từ lúc nào ?
- Hội Lim có những cuộc thi nào ?
- Thanh niên nam nữ thi hát quan họ ở đâu ?

5. Chọn từ cho dưới đây điền vào ô chữ :

- |             |            |
|-------------|------------|
| – phim      | – nhạc nhẹ |
| – cải lương | – tuồng    |
| – truyện    | – kịch     |
| – thơ       | – xiếc     |
| – uốn dẻo   | – ảo thuật |

(Chú ý : Không điền các dấu thanh.)



## II - MỘT SỐ QUY TẮC NGŨ PHÁP

1. Điền các từ **trên**, **dưới**, **trong**, **ngoài** vào chỗ trống.



Ngày xưa, có một phụ nữ rất hấp tấp. Một hôm, chị ta đang làm việc ở (1) ..... đồng thì được tin mẹ ốm. Chị ta vội về nhà, chạy vào (2) ..... buồng ngủ, bế con đi. (3) ..... đường đi qua ruộng bí đao, chị ta vướng vào dây bí ngã xuống đất, đứa bé văng ra ruộng. Chị ta vội ôm con lên rồi lại chạy. Đến nhà mẹ, chị ta đặt con lên giường, chỉ nghe tiếng “huych”. Té ra là một quả bí đao lớn.

Chị ta vội chạy lại ruộng bí đao tìm con. Đến nơi chỉ thấy một chiếc gối (4) ..... đất. Chị ta kêu khóc rồi ôm chiếc gối về nhà mình. Vào (5) ..... buồng, thấy đứa bé vẫn nằm ngủ (6) ..... giường. Té ra (7) ..... lúc vội, chị ta đã bế nhầm cái gối.

TRUYỆN CƯỜI DÂN GIAN

2. Dựa vào câu chuyện **Hấp tấp**, trả lời câu hỏi :

- Khi nghe tin mẹ ốm, người phụ nữ làm gì ?
- Trên đường về nhà mẹ, chị ta gặp chuyện gì ?
- Vì sao vừa đến nhà mẹ, chị ta đã vội chạy lại ruộng bí đao ?
- Vì sao chị ta kêu khóc ở ruộng bí đao ?
- Khi về đến nhà mình, chị ta nhận ra điều gì ?



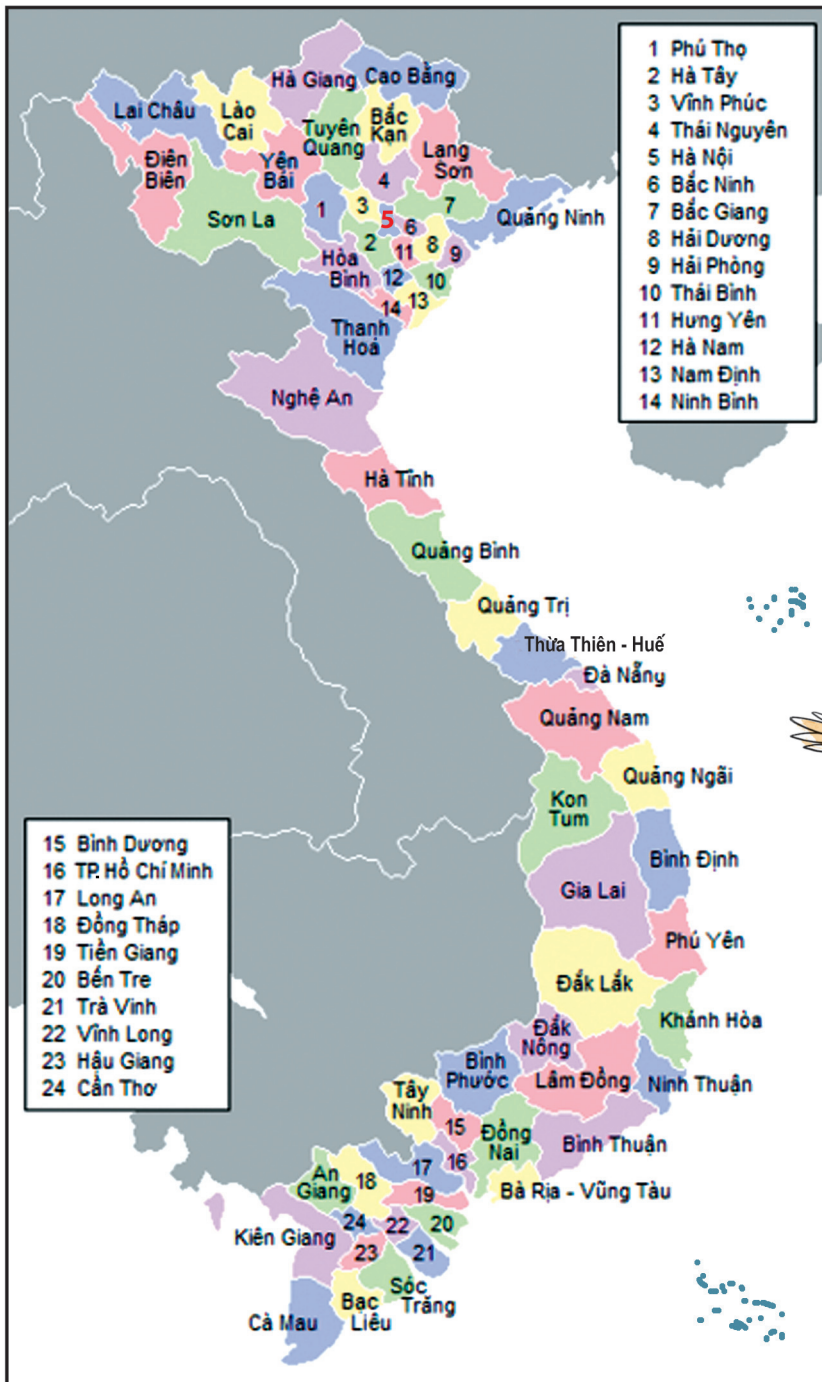
**3. Chọn từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn :**

Hồ Hoàn Kiếm như một chiếc gương lớn đặt (giữa, xung quanh, trên) lòng Hà Nội. (Trên, dưới, xung quanh) hồ là những vườn hoa, đường đi dạo, phố phường tấp nập người, xe. (Dưới, giữa, ngoài) hồ có một hòn đảo nhỏ, (dưới, giữa, trên) đó là Tháp Rùa. (Dưới, trên, sau) chân tháp, (xung quanh, trên, trong) dòng nước xanh có những cụ rùa hàng trăm tuổi. Hồ còn có đền Ngọc Sơn nổi tiếng. (Sau, trước, xung quanh) đền có cầu Thê Húc. (Sau, trước, trong) đền là vườn cây và một sân gạch rộng để du khách nghỉ ngơi.



- a) Con làm gì ở ..... đó ? Vào đây với bố !
- b) Con làm gì ở ..... đó ? Ra đây với bố !
- c) Con làm gì ở ..... đó ? Lên đây với bố !
- d) Con làm gì ở ..... đó ? Xuống đây với bố !

5. Quan sát bản đồ Việt Nam, gạch dưới từ thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh đoạn văn dưới đây.



Gia đình Hoa ở Hà Nội. Quê nội em ở Thanh Hoá, ông bà nội bây giờ vẫn ở (trên, dưới, trong, ngoài) đó. Mẹ em là người Hải Phòng. Nhưng ở (trên, dưới, trong, ngoài) Hải Phòng bây giờ không còn ai. Ông bà ngoại em ở (trên, dưới, trong, ngoài) Lạng Sơn, dì Vân làm việc (trên, dưới, trong, ngoài) Đồng Nai.



**6. Điền các từ *trước, sau* vào chỗ thích hợp :**

- a) – Cậu thường đi ngủ lúc mấy giờ ?  
 – Tớ thường đi ngủ (1) ..... 9 giờ tối. Tớ không thích thức khuya. Còn cậu ?  
 – Tớ thường đi ngủ (2) ..... 9 giờ tối. Tớ không thích ngủ sớm.
- b) – Cậu thường dậy lúc mấy giờ ?  
 – Tớ thường dậy (1) ..... 6 giờ. Tớ không thích dậy sớm. Còn cậu ?  
 – Tớ thường dậy (2) ..... 6 giờ. Tớ không thích dậy muộn.
- c) – 10 giờ ngày mai cậu đến nhà tớ nhé ?  
 – Tớ đến (1) ..... 10 giờ được không ? Sau 10 giờ tớ bận.  
 – (2) ..... 10 giờ thì tớ chưa về nhà.  
 – Thế thì để (3) ..... ngày mai vậy.
- d) – Bao giờ cậu đi Huế ?  
 – Tớ đi sau ngày 15. (1) ..... ngày 15 tớ bận. Còn cậu ?  
 – Tớ đi (2) ..... ngày 15 để sáng 15 họp lớp.

**7. Các từ *được* hoặc *bị* có thể kết hợp với những từ nào trong bảng sau ? Đánh dấu ✓ vào ô thích hợp.**

| <b>được</b> | <b>bị</b> |             |
|-------------|-----------|-------------|
|             |           | a) thư      |
|             |           | b) quà      |
|             |           | c) mưa      |
|             |           | d) xem phim |
|             |           | e) đi chơi  |
|             |           | g) mất xe   |
|             |           | h) cảm lạnh |

**8. Đặt câu với những từ ngữ tìm được ở bài tập trên.**

**9. Chuyển câu chủ động thành câu bị động :**

- a) Thầy giáo khen Lan.

.....

- b) Cả lớp quý mến Hoa.

.....

c) Mẹ tặng Nam một quyển truyện.

.....

d) Cảnh sát kéo chiếc xe đi.

.....

**10. Chuyển câu bị động thành câu chủ động :**

a) Tuấn bị ba chê là không chăm học.

.....

b) Quyển sách bị nước mưa làm ướt.

.....

c) Vân được mẹ mua cho một con búp bê.

.....

d) Lá thư được Nam đặt trên bàn.

.....

**11. Điền các từ **được** hoặc **bị** vào chỗ trống :**

**THIÊN ĐƯỜNG VÀ ĐỊA NGỤC**

Bà bảo cháu :

– Cháu phải ngoan nhé ! Những đứa bé ngoan sẽ (1) ..... lên thiên đường. Còn những đứa bé hư sẽ (2) ..... đầy xuống địa ngục đấy !

– Vậy cháu phải làm thế nào để (3) ..... vào rạp xem phim ạ ?

Theo TIẾNG CƯỜI TUỔI HỌC TRÒ

**12. Kể lại câu chuyện *Thiên đường và địa ngục*.**

**TỪ NGỮ MỚI**

|             |             |            |                |               |
|-------------|-------------|------------|----------------|---------------|
| – ánh sáng  | – diễn ra   | – gối      | – lòng         | – tấp nập     |
| – bắt đầu   | – du khách  | – hằng năm | – nhằm         | – té ra       |
| – bận       | – dự        | – hấp tấp  | – nhớ          | – thiên đường |
| – bế        | – đầy xuống | – ho       | – nô nức       | – thơ         |
| – bến       | – đặt       | – hòn đảo  | – ôm           | – tìm         |
| – bí đao    | – đất       | – hội      | – ông bà ngoại | – trò vui     |
| – buồn ngủ  | – đầu vật   | – hội hè   | – quê nội      | – ướt         |
| – cầu       | – đèn đuốc  | – huych    | – rùa          | – văng ra     |
| – chúa ghét | – đêm       | – hư       | – ruộng        | – viêm họng   |
| – cổ điển   | – đi dạo    | – kéo về   | – rục rờ       | – vương       |
| – cờ người  | – địa ngục  | – kêu khóc | – rước         | – xã          |
| – dẫn       | – đổi       | – kịch     | – sân gạch     | – xung quanh  |
| – dây       | – đỡ buồn   | – kiệu     | – sông         |               |
| – dệt vải   | – đứa bé    | – làm cho  | – sớm          |               |



# VĂN BẢN LUYỆN NGHE

## CHƯƠNG TRÌNH TRUYỀN HÌNH “BỐ CÓ HIỂU CON KHÔNG ?”

Người dẫn chương trình (NDCT) : – Xin anh cho biết con trai anh thích xem phim gì.

Bố : – Ờ... phim hoạt hình... Tôi không nhớ lắm...

NDCT : – Con trai anh thích làm gì vào ngày nghỉ ?

Bố : – Ờ... có lẽ nó thích xem ti vi, đi đá bóng.

NDCT : – Con trai anh thích đọc truyện gì ?

Bố : – A, tôi biết. Nó thích đọc *Harry Potter*.

NDCT : – Cảm ơn anh. Bây giờ tôi sẽ hỏi con trai anh nhé ! Chào cháu. Cháu thích xem phim gì ?

Con trai : – Cháu thích xem phim *Siêu nhân*.

NDCT : – Ngày nghỉ cháu thích làm gì ?

Con trai : – Cháu thích xem ti vi. Cháu thích đọc sách.

NDCT : – Cháu có thích đá bóng không ?

Con trai : – Không ạ.

NDCT : – Cháu thích đọc truyện gì ?

Con trai : – Cháu thích đọc *Harry Potter*.

NDCT : – Cảm ơn cháu.

## MẸ SINH ĐÔI

Bố bảo Dũng :

– Mẹ mới sinh hai em bé. Con xin cô giáo cho con nghỉ học một ngày để đón các em nhé !

Dũng nói :

– Con chỉ nói với cô là con có thêm một em bé. Tuần sau con sẽ nói là có thêm em bé nữa. Như vậy, cô sẽ cho con nghỉ hai ngày.

## DỰ BÁO THỜI TIẾT NGÀY 29 THÁNG 9

– Bắc Bộ : Ngày nắng. Đêm có mưa nhỏ. Nhiệt độ từ 26 đến 31 độ.

– Trung Bộ : Ngày nắng. Đêm không mưa. Nhiệt độ từ 27 đến 32 độ.

– Nam Bộ : Ngày nắng. Chiều tối có mưa

rao. Nhiệt độ từ 28 đến 33 độ.

## BẠN CÓ BIẾT ?

Trường đại học đầu tiên của Việt Nam là Quốc Tử Giám ở kinh thành Thăng Long. Trường ra đời năm 1076.

Tiến sỹ trẻ nhất trong lịch sử là ông Nguyễn Hiền. Ông đỗ tiến sỹ năm 1247, lúc 13 tuổi.

Hiện nay cả nước có 104 trường đại học và trên 10 000 tiến sỹ.

## TÔI CŨNG THỂ

Gà Tổ thường đi theo, làm theo Vịt. Vịt nói : “Tôi muốn ra vườn.” Gà nói : “Tôi cũng thể.” và đi theo Vịt ra vườn. Vịt nói : “Tôi đẻ trứng.” và đẻ một quả trứng. Gà nói : “Tôi cũng thể.” và cũng đẻ một quả trứng. Cuối cùng, Vịt nói : “Tôi muốn bơi.” rồi nhảy xuống hồ. Gà vừa nhảy theo vừa nói : “Tôi cũng thể.” Nhưng ngay lập tức Gà kêu to : “Cứu tôi ! Cứu tôi !” vì Gà không biết bơi.

Từ đó Gà Tổ không bao giờ nói “Tôi cũng thể.” nữa.

## BẢNG SỐ ĐIỆN THOẠI CẦN NHỚ

1. Nếu bạn muốn cảnh sát giúp đỡ, hãy gọi 113.

2. Nếu bạn cần gọi xe chữa cháy, hãy gọi 114.

3. Nếu bạn cần xe cấp cứu, hãy gọi 115.

4. Nếu bạn muốn biết số điện thoại của ai, hãy gọi 116.

5. Nếu bạn muốn biết bây giờ là mấy giờ, hãy gọi 117.

6. Nếu điện thoại của bạn bị hỏng, hãy gọi 119.

7. Nếu bạn muốn biết thông tin, hãy gọi 1080.

## CHIỀU KHÁCH

Một người đến hiệu may, bảo ông chủ hiệu :

– Ông may cho tôi một cái áo lụa.

Chủ hiệu hỏi :

– Bà muốn chọn lụa màu gì ?

– Tôi muốn một màu không bao giờ có.

Ông chủ hiệu vui vẻ nhận lời.

Khách mừng rỡ hỏi :

– Khi nào tôi có thể đến lấy áo ?

– Ngoài thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy và chủ nhật, ngày nào cũng được.

## TÔI CHẴNG SỢ

Einstein rất ít khi để ý đến ăn mặc. Khi ông còn trẻ, có lần, một người bạn bảo ông :

– Anh đừng ăn mặc luộm thuộm quá, người ta chê cười.

Einstein trả lời :

– Mọi người chẳng biết tôi là ai. Tôi chẳng sợ.

Khi Einstein đã trở thành một nhà khoa học nổi tiếng, người bạn lại bảo ông :

– Anh vẫn ăn mặc luộm thuộm, không sợ người ta chê cười à ?

Einstein đáp :

– Bây giờ mọi người đều biết tôi rồi. Tôi chẳng sợ ai chê cười nữa.

## TRONG PHÒNG KHÁM BỆNH

Một người bị bệnh đau đầu. Bác sĩ khám cho ông ấy rồi bảo :

– Ông sống quá căng thẳng và mệt mỏi. Bây giờ, ông đừng làm những việc liên quan đến cái đầu nữa.

Người bệnh nói :

– Nhưng nghề của tôi là nghề liên quan đến cái đầu. Tôi biết làm thế nào bây giờ ?

Bác sĩ hỏi :

– Ông là nhà văn hay nhà khoa học ?

– Không. Tôi là thợ cắt tóc.

## QUẢ BÓNG VÀNG NĂM 1998

Zidane sinh năm 1972 ở Marseille. Anh là

con trai út của một gia đình người Pháp gốc Algérie.

Bốn tuổi, Zidane bắt đầu chơi bóng đá. Từ năm 1984 đến 1998, anh chơi cho các đội bóng nổi tiếng của Pháp và Italia.

Năm 1998, Zidane vào đội tuyển quốc gia Pháp. Anh cùng đội tuyển đoạt Cúp Vô địch thế giới. Anh được nhận danh hiệu Quả bóng Vàng.

Năm 2000, Zidane và đội tuyển Pháp thắng trong trận chung kết tại Euro 2000.

## TAI NÀO ?

Lễ hội du lịch sắp khai mạc. Giám đốc công ty cuống lên, hỏi thư ký :

– Bút chì của tôi đâu rồi ?

Cô thư ký trả lời :

– Chú giắt nó trên vành tai đấy ạ.

Giám đốc bực mình :

– Nói thì phải nói cho rõ chứ ! Tai trái hay tai phải ?

## ĐĂNG TRÍ

Alexandre Borodin là một nhạc sĩ nổi tiếng người Nga. Một hôm, ông mời bạn bè đến nhà mình ăn tiệc. Khách đang ăn uống, chuyện trò rất vui vẻ, bỗng Borodin đứng dậy chào mọi người và bước ra cửa. Bạn bè ngạc nhiên hỏi :

– Anh đi đâu đấy ?

– Xin lỗi, tôi về nhé ! Sáng mai tôi có việc phải đi sớm.

Mọi người cười rộ lên. Lúc ấy, Borodin mới nhớ ra là mình đang ở... nhà mình.



# BẢNG TỪ NGỮ

## A

à (1)  
ái chà (12)  
anh họ (2)  
ánh sáng (15)  
ảo thuật (14)  
áo the (13)

## Ă

ăn mặc (9)

## Â

âm nhạc (4)  
âm thanh (10)  
ấm (11)  
ấm chén (10)

## B

ban đêm (3)  
bàn (8)  
bảng (6)  
bánh dẻo (13)  
bánh nướng (13)  
bánh xe (1)  
bao lâu (7)  
bao xa (7)  
bão (5)  
bạo lực (14)  
bát đĩa (6)  
bay (1)  
bày (9)  
Bắc Bộ (3)  
bằng (3)  
bắt đầu (15)  
bắt tay (1)  
bận (15)  
bất công (14)  
bật (đèn) (6)  
béo (11)  
bế (15)  
bên ngoại (2)  
bên nội (2)

bên phải (13)  
bên trái (13)  
bến (15)  
bếp (6)  
bí đao (15)  
bình thường (11)  
bình tĩnh (7)  
blu-dông (10)  
bò xốt tiêu đen (10)  
bổ sung (11)  
bộ (8)  
bổng (14)  
buồn cười (7)  
buồng ngủ (15)  
bút bi (7)  
bút máy (7)  
bực mình (13)  
bước ra (14)  
bưởi (13)  
bưu điện (7)  
bưu phẩm (7)

## C

cà vạt (10)  
cả (2)  
cả nhà (3)  
cả nước (4)  
cải lương (14)  
cãi (1)  
cam (10)  
cánh tre (13)  
cảnh sát (7)  
cầm cúi (4)  
căng thẳng (11)  
cân (12)  
cấp cứu (7)  
câu lạc bộ (12)  
cầu (15)  
chải đầu (2)  
chàng trai (7)  
chanh muối (11)  
chắc (4)

chăm chỉ (2)  
chăn (3)  
chẳng (9)  
chạm (6)  
chè xanh (6)  
chè (14)  
chê (14)  
chê cười (9)  
chế tạo (10)  
chị họ (2)  
chia (9)  
chính tả (4)  
chọn (2)  
chờ (4)  
chớ / chứ (1)  
chúa ghét (15)  
chuẩn bị (1)  
chung kết (12)  
chung sống (6)  
chúng ta (4)  
chụp (3)  
chuyển về (4)  
chuyện trò (14)  
chữ kí (7)  
chữa bài (7)  
chữa cháy (7)  
chương trình (6)  
cỏ (13)  
có họ (6)  
có lẽ (1)  
có nhà (4)  
có thể (1)  
có vẻ (8)  
com-plê (10)  
con đầu (2)  
con rùa (7)  
cổ điển (15)  
cổ (13)  
công phu (14)  
công viên (6)  
cờ người (15)  
củ (11)

cưỡng (13)  
cúp (12)  
cửa (6)  
cửa sổ (4)  
cười rộ (14)  
cười (12)  
cứu (6)

## D

dạ (len) (10)  
dạ (vâng) (1)  
dạ dày (11)  
dải (13)  
dám (12)  
dán (7)  
danh hiệu (12)  
danh họa (14)  
dành (14)  
dân tộc (14)  
dân tộc thiểu số (8)  
dẫn (3)  
dẫn (15)  
dầu (8)  
dây (15)  
dẻo (13)  
dễ (11)  
dệt vải (15)  
dì (2)  
dĩa (7)  
dịch (6)  
diễn (5)  
diễn ra (15)  
dính dáng (11)  
dở (14)  
du khách (15)  
du lịch (13)  
dùng (9)  
dự (15)  
dưa chuột (10)  
dưa hấu (11)  
dưới xuôi (8)  
dượng (2)

**Đ**

đám mây (3)  
 đàn cá (3)  
 dâng trí (14)  
 đánh cờ (12)  
 đánh răng (3)  
 dày xuống (15)  
 đặc biệt (12)  
 đặc sắc (14)  
 đăng ký (6)  
 đắp (3)  
 đắt quá (8)  
 đặt (15)  
 đất (15)  
 đầu vật (15)  
 đầy (người) (13)  
 dễ (6)  
 đèn đuốc (15)  
 đèo (trèo đèo) (8)  
 đề (10)  
 đề nghị (11)  
 để (đặt) (9)  
 để trống (7)  
 đêm (15)  
 đều (2)  
 đi chợ (3)  
 đi dạo (15)  
 đi theo (6)  
 đĩa (nhạc) (1)  
 địa chỉ (7)  
 địa lý (4)  
 địa ngục (15)  
 địa phương (8)  
 điếc (7)  
 điện báo (7)  
 điện thoại (1)  
 điều trị (11)  
 điệu hát (14)  
 đỉnh (8)  
 đo (9)  
 đồ hoe (13)  
 đoán mò (1)  
 đoạt (12)  
 đón (2)

đóng cửa (6)  
 đỡ (4)  
 đồ (1)  
 đôi (8)  
 đổi (15)  
 đối đáp (14)  
 đối phương (13)  
 đội tuyển (12)  
 đồng (6)  
 đồng bào (6)  
 đồng phục (6)  
 đồng ý (1)  
 đỡ (11)  
 đỡ buồn (15)  
 đu bay (14)  
 đủ (3)  
 đua (12)  
 đùa (2)  
 đuôi gà (13)  
 đưa bé (15)  
 đừng (1)  
 đứng dậy (14)  
 được (12)  
 đường bột (11)

**E**

em họ (2)

**G**

ganh đua (13)  
 gấp (9)  
 gặp gỡ (2)  
 gắm (9)  
 gần (2)  
 gặp đôi (11)  
 gây (11)  
 ghé (2)  
 giải nhiệt (11)  
 giải thích (6)  
 giải thưởng (12)  
 giảm (11)  
 giáp (13)  
 giắt (13)  
 giặt (3)

giấy (8)  
 giỏi (1)  
 giọt (3)  
 giỗ (5)  
 giỗ tết (9)  
 giờ tay (4)  
 giờ học (4)  
 giùm (6)  
 giúp (1)  
 giúp đỡ (2)  
 giường (2)  
 gọi (3)  
 gõ (8)  
 gốc (12)  
 gói (15)  
 gương (13)

**H**

hà tiện (7)  
 hả (3)  
 hàng xóm (2)  
 hành khách (10)  
 hạt (3)  
 hay (1)  
 hầy (7)  
 hẩn (11)  
 hằng năm (15)  
 hấp tấp (15)  
 hầu như (12)  
 hẹn gặp (3)  
 hết (3)  
 hiệu may (8)  
 hình (3)  
 hình tròn (1)  
 ho (15)  
 hò reo (13)  
 họ hàng (2)  
 hoa (10)  
 hoá học (4)  
 hoạt hình (1)  
 hỏi (1)  
 hòn đảo (15)  
 hỏng (6)  
 hội (15)

hội hè (15)  
 hồng (13)  
 hơi (đẹp) (3)  
 hơi (sương) (13)  
 hợp (9)  
 húc (1)  
 huyện (13)  
 hư (15)  
 hứa (7)

**I**

ít khi (2)

**K**

keo (13)  
 kéo co (13)  
 kéo vể (15)  
 kẹo chanh (5)  
 kế (2)  
 kêu (6)  
 kêu khóc (15)  
 khá (2)  
 khá lên (11)  
 khai mạc (13)  
 khám (11)  
 khán đài (13)  
 khó (4)  
 khó khăn (6)  
 khoá cửa (6)  
 khoai tây (2)  
 khoái (12)  
 khoanh tay (4)  
 khói (2)  
 không bao giờ (8)  
 không khí (3)  
 khuya (1)  
 khuyến khích (13)  
 ký (12)  
 kịch (15)  
 kịch bản (14)  
 kiểm tra (6)  
 kiêng (11)  
 kiểu (9)  
 khiếu (15)



ki-lô-gam (12)  
kinh thành (4)

## L

lại (11)  
làm cho (15)  
làng (6)  
lãng quên (14)  
lau (6)  
lẳng lẳng (1)  
lâu (1)  
lâu đời (14)  
len (10)  
ly (8)  
lý tưởng (11)  
liên lạc (7)  
liên quan (11)  
liền anh (14)  
liền chị (14)  
lít (11)  
lòng (15)  
lối (14)  
lội (8)  
lỡ (14)  
lời khuyên (9)  
lớn lên (4)  
lúc này (13)  
luộc (9)  
lụa (9)  
luộm thuộm (9)  
luôn luôn (6)  
lười biếng (9)  
lươn (10)  
lượng (11)

## M

mai (14)  
mãi mê (15)  
mau (11)  
may (9)  
mặc (áo) (6)  
mặc cả (8)  
mặt nạ (13)  
mâm (9)  
mập (12)

mất (mất 3 tiếng) (10)  
mất (mồ hôi) (11)  
mây (bàn ghế mây) (8)  
me (13)  
mê (12)  
mến khách (9)  
mệt mỏi (11)  
mò (1)  
mọc (3)  
mọi (9)  
món (9)  
mồ hôi (11)  
mốt (9)  
một chút (7)  
một mình (11)  
một tí (13)  
mờ (13)  
mở cửa (6)  
mở hàng (8)  
mỡ (11)  
mới (1)  
múa sư tử (13)  
muối (8)  
mưa đá (5)  
mưa rào (3)  
mùng rở (8)  
mượn (9)

## N

Nam Bộ (3)  
năm kia (3)  
năm ngoái (3)  
nấu (2)  
ngã (13)  
ngài (14)  
ngay lập tức (6)  
nghe nói (7)  
nghèo (6)  
nghĩ vậy (6)  
ngoài Bắc (3)  
ngô non (10)  
nguy hiểm (2)  
ngữ văn (4)  
ngựa (8)

ngược lại (14)  
người da đỏ (7)  
người đời (14)  
người gửi (7)  
người nhận (7)  
nhà hàng (13)  
nhạc nhẹ (14)  
nhạc sĩ (14)  
nhau (1)  
nhảy (6)  
nhầm (15)  
nhận (12)  
nhận lời (8)  
nhìn thấy (3)  
nhỏ nhỏ (13)  
nhờ (6)  
nhớ (15)  
nhớ ra (14)  
như thế (6)  
như vậy (2)  
niềm (12)  
nói thách (8)  
nón quai thao (13)  
nô nức (15)  
nổi tiếng (9)  
nội dung (7)  
nộm (10)  
ông dân (1)  
ông thôn (6)  
núi (1)  
nước chấm (9)  
nước đá (3)  
nước khoáng (9)  
nước ngọt (9)

## Ô

ôm (15)  
ông bà ngoại (15)

## P

phá cỗ (13)  
phản nản (7)  
phản đối (14)  
phát (12)

phát hành (7)  
phát minh (7)  
phát triển (6)  
phiên (8)  
phong tục (9)  
phòng khách (13)  
phòng ngủ (13)  
phổ biến (7)  
phở xào (10)  
phục hồi (11)  
phương tiện (7)

## Q

Quả bóng Vàng (12)  
quan hệ (2)  
quan họ (14)  
quan tâm (6)  
quần áo thể thao (6)  
quần dài (10)  
quần lĩnh (13)  
quen (1)  
quê (1)  
quê nội (15)  
quốc gia (12)

## R

ra đời (4)  
ra viện (11)  
rách (13)  
rán (2)  
rảnh (11)  
riêng (9)  
rõ (13)  
rùa (15)  
ruộng (15)  
rửa (3)  
rực rỡ (15)  
rước (15)  
rước đèn (13)  
rượu (2)

## S

sản vật (8)  
say mê (12)

say nắng (11)  
sắp xếp (11)  
sân gạch (15)  
siêu nhân (1)  
sinh (2)  
sinh nhật (5)  
sinh sống (8)  
sinh vật (4)  
so tài (12)  
soi (13)  
sóng (12)  
sông (15)  
sống lâu năm (6)  
sở thích (12)  
sợ (2)  
sợ gì (9)  
sớm (15)  
sơn (6)  
suối (8)  
suốt (4)  
sút (12)  
sử dụng (7)  
sự (13)  
sửa (6)  
sữa chua (10)  
sương (13)  
sưu tập (7)

## T

tác giả (10)  
tại sao (4)  
tàu bay (7)  
tặng (1)  
tắt (6)  
tấp nập (15)  
tập (12)  
tập hát (3)  
tập luyện (12)  
tập thể dục (2)  
tất (10)  
tất nhiên (9)  
té ra (15)  
tem (7)  
thác (3)

tham gia (6)  
tháng sau (3)  
thanh niên (6)  
thắt lưng (13)  
thân (2)  
thân mật (2)  
thận trọng (14)  
thầy (13)  
thế hệ (6)  
thể kỷ (7)  
thi (1)  
thị xã (12)  
thìa (7)  
thiên đường (15)  
thỉnh thoảng (1)  
Thổ Địa (13)  
thôi được (8)  
thối (3)  
thôn quê (13)  
thông minh (2)  
thông tin (7)  
thơ (15)  
thợ cắt tóc (11)  
thú (14)  
thung lũng (3)  
thuốc lá (2)  
thuỷ tinh (8)  
thư kí (4)  
thư viện (6)  
thử (9)  
thức ăn (9)  
thức khuya (1)  
thường (1)  
thường xuyên (2)  
tiệc (14)  
tiền công (7)  
tiến sỹ (4)  
tiếng (13)  
tiếp (1)  
tiết mục (14)  
tiểu học (4)  
tìm (15)  
tình làng nghĩa xóm (6)  
tình nguyện (6)

tĩnh (13)  
tính (14)  
tỏ lòng (9)  
toàn (7)  
tổ chức (13)  
tốc độ (10)  
tốt (12)  
tốt nghiệp (4)  
trà (9)  
trai tráng (13)  
trái cây (11)  
tráng miệng (9)  
tranh nhau (14)  
trao đổi (8)  
trăng (10)  
trẻ (4)  
trèo (8)  
trò vui (15)  
trong Nam (2)  
trông trăng (13)  
trở thành (3)  
trung bình (9)  
Trung Bộ (3)  
trung học (4)  
truyền hình (1)  
trưng bày (14)  
tuần (3)  
tục (13)  
tuồng (14)  
từ chối (7)

## U

ủa (12)  
uốn dẻo (14)  
uống (2)  
út (2)

## Ư

ừ (1)  
ước mơ (4)  
ướt (15)

## V

vài lần (1)  
vải (8)

ván (12)  
vành tai (13)  
váy đầm (10)  
váy ngắn (10)  
văn hoá (8)  
văng ra (15)  
vắng (13)  
vẫn (4)  
vấn đầu (13)  
vận chuyển (7)  
vận tốc (10)  
vật (1)  
vật lý (4)  
ví dụ (3)  
viêm họng (15)  
vịnh (3)  
vịt (6)  
vòng (12)  
vô địch (12)  
vốn (14)  
vở kịch (14)  
vùng (2)  
vùng cao (8)  
vườn (6)  
vướng (15)

## X

xa tanh (9)  
xã (15)  
xách (6)  
xấu (1)  
xem sao (14)  
xinh đẹp (7)  
xóm (6)  
xung quanh (15)  
xúp (10)

## Y

y tế (15)  
yếm đào (13)  
yên tĩnh (11)

### Ghi chú :

Số thứ tự sau mỗi từ xác định từ đó lần đầu xuất hiện ở bài nào.



# MỤC LỤC

| Bài                             | Nội dung                          | Trang |
|---------------------------------|-----------------------------------|-------|
| <b>1. LÀM QUEN</b>              |                                   |       |
| Hội thoại                       | Các cháu mới về à ?               | 4     |
| Luyện nghe                      | Bố có hiểu con không ?            | 8     |
| Luyện đọc                       | Ai giỏi hơn ?                     | 10    |
| Luyện viết                      | Nghe – viết : Các cháu mới về à ? | 11    |
| <b>2. GIA ĐÌNH</b>              |                                   |       |
| Hội thoại                       | Vừa là họ hàng vừa là hàng xóm    | 12    |
| Luyện nghe                      | Mẹ sinh đôi                       | 16    |
| Luyện đọc                       | Xa hay gần ?                      | 17    |
| Luyện viết                      | Nghe – viết : Xa hay gần ?        | 19    |
| <b>3. THỜI GIAN – THỜI TIẾT</b> |                                   |       |
| Hội thoại                       | Bao giờ bạn về Việt Nam ?         | 20    |
| Luyện nghe                      | Dự báo thời tiết ngày 29 tháng 9  | 23    |
| Luyện đọc                       | Bạn đến đây đi !                  | 24    |
| Luyện viết                      | Nghe – viết : Bạn đến đây đi !    | 27    |
| <b>4. TRƯỜNG HỌC</b>            |                                   |       |
| Hội thoại                       | Cháu về bao giờ ?                 | 28    |
| Luyện nghe                      | Bạn có biết ?                     | 31    |
| Luyện đọc                       | Lớn lên, em sẽ làm gì ?           | 32    |
| Luyện viết                      | Nhớ – viết : Bạn có biết ?        | 35    |
| <b>5. ÔN TẬP</b>                |                                   | 36    |
| <b>6. CỘNG ĐỒNG</b>             |                                   |       |
| Hội thoại                       | Mùa hè xanh                       | 42    |
| Luyện nghe                      | Tôi cũng thế                      | 46    |
| Luyện đọc                       | Làng Việt Nam                     | 47    |
| Luyện viết                      | Nghe – viết : Làng Việt Nam       | 49    |
| <b>7. GIAO THÔNG – LIÊN LẠC</b> |                                   |       |
| Hội thoại                       | Ở bưu điện                        | 50    |
| Luyện nghe                      | Bảy số điện thoại cần nhớ         | 54    |
| Luyện đọc                       | Tem thư                           | 55    |
| Luyện viết                      | Nghe – viết : Xe và tàu           | 57    |
| <b>8. MUA SẮM</b>               |                                   |       |
| Hội thoại                       | 600 000 đồng được không ạ ?       | 58    |
| Luyện nghe                      | Chiều khách                       | 60    |
| Luyện đọc                       | Chợ vùng cao                      | 61    |
| Luyện viết                      | Nghe – viết : Chợ vùng cao        | 63    |

| Bài                            | Nội dung                                   | Trang |
|--------------------------------|--------------------------------------------|-------|
| <b>9. TRANG PHỤC – ĂN UỐNG</b> |                                            |       |
| Hội thoại                      | Cho em mặc thử nhé ?                       | 64    |
| Luyện nghe                     | Tôi chẳng sợ                               | 66    |
| Luyện đọc                      | Phong tục ăn uống                          | 67    |
| Luyện viết                     | Nghe – viết : Phong tục ăn uống            | 69    |
| <b>10. ÔN TẬP</b>              |                                            | 70    |
| <b>11. SỨC KHOẺ</b>            |                                            |       |
| Hội thoại                      | Cậu đỡ mệt chưa ?                          | 80    |
| Luyện nghe                     | Trong phòng khám bệnh                      | 83    |
| Luyện đọc                      | Mùa hè nên ăn uống thế nào ?               | 84    |
| Luyện viết                     | Nghe – viết : Mùa hè nên ăn uống thế nào ? | 85    |
| <b>12. THỂ THAO</b>            |                                            |       |
| Hội thoại                      | Được hay thua ?                            |       |
|                                | Giảm được mấy cân ?                        | 86    |
| Luyện nghe                     | Quả bóng Vàng năm 1998                     | 89    |
| Luyện đọc                      | Sở thích                                   | 90    |
| Luyện viết                     | Nghe – viết : Sở thích                     | 91    |
| <b>13. LỄ HỘI</b>              |                                            |       |
| Hội thoại                      | Đêm Trung thu                              | 92    |
| Luyện nghe                     | Tại nào ?                                  | 96    |
| Luyện đọc                      | Kéo co                                     | 97    |
| Luyện viết                     | Tập chép : Đi hội chùa Hương               | 99    |
| <b>14. NGHỆ THUẬT</b>          |                                            |       |
| Hội thoại                      | Ai thích xem gì ?                          | 100   |
| Luyện nghe                     | Đã trí                                     | 103   |
| Luyện đọc                      | Làm ngược lại                              | 104   |
| Luyện viết                     | Nghe – viết : Hát quan họ                  | 107   |
| <b>15. ÔN TẬP</b>              |                                            | 108   |
| <b>VĂN BẢN LUYỆN NGHE</b>      |                                            | 117   |
| <b>BẢNG TỪ NGỮ</b>             |                                            | 119   |

*Chịu trách nhiệm xuất bản :*

Chủ tịch Hội đồng Thành viên MẠC VĂN THIÊN  
Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập GS.TS. VŨ VĂN HÙNG

*Biên tập lần đầu :*

NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO – TRẦN THỊ PHÚ BÌNH

*Biên tập tái bản và sửa bản in:*

NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN

*Biên tập mỹ thuật :*

NGUYỄN THANH LONG

*Trình bày bìa và thiết kế sách:*

LÊ PHƯƠNG

*Thiết kế sách:*

LÊ PHƯƠNG – NGUYỄN PHƯƠNG HÀ

---

Sách có sử dụng tư liệu và hình ảnh trên internet. Xin trân trọng cảm ơn.

---

## **TIẾNG VIỆT VUI - QUYỂN 2**

(Sách thử nghiệm)

Mã số: 8I899H5

In 1000 cuốn (QĐ.....), khổ 20,5 x 29,5 cm

In tại ..... Địa chỉ .....

Số KHXB: 4084 - 2015/CXBIPH/14-1875/GD

Số QĐXB: ...../..... ngày .... tháng .... năm 2015

In xong và nộp lưu chiểu tháng .... năm 2015.